Mua 42

Mỹ-tho
30 mai 1942

Mgroc

VĂN-HẠC

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° 27886

T H I

THOẠI



TỦ SÁCH NGHỆ - THUẬT



QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

ĐÃ XUẤT - BẢN

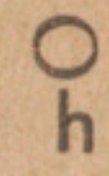
QUỐC-SỬ ĐỈNH-NGOA	0$50
NGƯỜI LỊCH-THIỆP (*hết*)	0.65
THI-NGHỆ	0.48
TRĂM HOA	0.60
TẦM-NGUYÊN TỪ-ĐIỂN	2.80

VĂN-HẠC

THI · THOẠI

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
INDOCHINOIS

TỦ SÁCH NGHỆ-THUẬT



QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

16° Indoch:
609

Sách này, ngoài những bộ in giấy thường, có in riêng sáu bộ giấy bouffant và mười bộ giấy « lệnh-chỉ » thượng hạng.

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 27886

Thi-thoại là nói chuyện về thơ, hay nói một cách khác, phê-bình thơ viết khác lối phê-bình chính-danh và lối luận-thuyết thực-hiệu.

Thời thường có thoáng trong óc tôi, một đôi ý-tưởng về thơ mà tôi không biết và không thể cho những ý-tưởng đó vào đâu, nên buộc phải dùng hai chữ « Thi-Thoại » để làm đề-mục cho các cuộc nói chuyện về thơ, trong đó tôi lần-lượt đem các ý tưởng ấy giãi tỏ cùng các bạn đọc, mong góp một vài viên gạch nhỏ vào nền thi-học nước nhà.

VĂN-HẠC

1935 - 1939

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường

THI - THOẠI

I

Trương 75 cuốn Chương-Dân thi-thoại có chép một bài thơ của ông Học-Lạc tự sự bị bắt oan cùng với một tên Khách-trú làm nghề bong-vụ (quay thò lò).

Bài thơ ấy như thế này :

Hóa Annam, lứ Khách-trú
Trăng-trói lằng-xằng nhau một lũ
Ngoài mặt ngỡ-ngàng lạ Bắc Nam
Trong tay cắc-cớ xui đoàn tụ.
Người làng chẳng vị sĩ năm Kinh,
Ông Bồn không thương người bầy Phủ !
Phạt tạ xong rồi trở lộn về,
Hóa thì hốt thuốc, lứ bong-vụ.

Ông Phan-Khôi phê-bình bài thơ đó cho là hay lắm, « hay vì vận trắc mà lại có cái hay khác nữa. »

— « Cái hay ấy tại nơi kín má rõ. Theo người không lành nghề, khi làm bài này thì đã chăm chăm kể những sự oan-ức của mình sao không đánh mà bị bắt. Như vậy thì ra có bao nhiêu trong ruột đem tuôn ra hết, nông-nổi quá mà vụng-về quá. Nhà phê-bình sẽ phê cho là « thiếu sự hàm-súc ».

Tôi cũng đồng-ý với ông Tú về chỗ đó. Trong văn-chương Tàu và ta có một cái hay riêng; cái hay ấy không tả được, vì chính ở trong một bài văn, bài thơ thì không có cái hay đó; cái hay đó ở ngoài bài thơ, bài văn, nhưng phải nhờ bài văn, bài thơ, người ta mới cảm thấy. Người ta thường gọi nó là cái hay « ý tại ngôn ngoại » nghĩa là ý ở ngoài lời nói.

Thí-dụ mấy câu chuyện Kiều :

Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi !
Người đâu gặp gỡ làm chi ?
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?

Hai chữ *người*, mỗi chữ chỉ một người, mà không chỉ rõ tên người ấy ra. Song

nhờ về hai chữ *mà* và *đâu*, người ta không thể hiểu lầm được rằng hai chữ *người* chỉ cả một người. Cái hay ở chỗ đó.

Lại như câu :

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những dày mong mai chờ.

Chữ *người* không chỉ rõ ai, mà người đọc đã biết rồi vậy.

Sự hàm-súc là một cái đặc-tính của văn-chương Tàu và Ta.

Thiếu sự hàm-súc, tức là vụng-về., nông-nổi. Thơ, văn thiếu sự hàm-súc, tức là thi văn ít giá-trị.

Nhưng các nhà thơ mới trẻ tuổi ham-mê Tây-học cho sự hàm-súc là một điều tối tăm, thiếu nghĩa. Họ đã làm cái việc mà ông Phan-Khôi tỏ ý công-kích : « có bao nhiêu trong ruột đem tuôn ra hết ».

II

Cách diễn-tả những ý-tứ trong thơ mới khác hẳn với cách diễn-tả ý-tứ trong thơ Đường-luật (thơ bảy chữ tám câu hay 4 câu) hay là thơ cũ.

Ở thơ cũ, thì mỗi câu thơ hàm một ý-

tưởng dứt khoát; ít khi ý-tưởng ấy dây dưa tới câu tiếp theo mới dứt mạch.

Còn ở trong thơ mới, thì có khi năm bảy câu thơ liên-tiếp nhau mới diễn-tả hết một ý-tưởng.

Thí-dụ :

« *Nhớ chàng đẳng-đẳng đường lên bằng trời.* »

và « *Người mà đến thế thì thôi* » là những câu thơ cũ, dầu lời thơ chưa dứt mạch mà thật ý-tứ đã dứt mạch rồi vậy.

Trong thơ mới thì không có sự đó mấy khi.

Cả một đoạn thơ này của Thế-Lữ chỉ diễn-tả có một đôi ý-tưởng xoàng :

Ta muốn nâng
Tấm khăn hồng lau mắt lệ cho ai
Vì ta sợ má đào kia phai,
Cũng như ta đã ca
Khuyên ngày vui trở lại
Cùng với ánh quang-minh còn mãi,
Cho người với cảnh quên già

Bằng ấy câu thơ hợp thành một khối không thể riêng rẽ ra được.

Người ta không thể nhớ một đôi câu thơ trong khối đó, như một đôi câu thơ cũ. Thơ mới khó truyền-tụng, một phần cũng

vì cớ ấy. Thơ mới có người bảo không hay bằng thơ cũ cũng vì cớ ấy, nó khiến người ta khó ngâm, hoặc ngâm xong một đoạn thì phải nghỉ lại mà lấy hơi.

Đó là một điều đáng phàn nàn cho thơ mới.

Em đã vô-tình đâm phải mũi
Kim vào tay trái : rật mình đau!

Đọc hai câu thơ này của Nguyễn-nhuệ-Thủy trong tập thơ « Tình Em » chẳng hạn, chúng ta cần phải lấy hơi đọc luôn làm một câu, nếu không thì ta sẽ giật mình lo-sợ cho «em», vì :

Em đã vô-tình đâm phải mũi,

Nếu đọc riêng ra từng câu một, thì thơ của Nhuệ-Thủy có lắm câu mới ngẫn-ngơ làm sao !

Lệ dầu có rơi mà gối vẫn...
. . . . . .
Cùng tài-tử đứng bên hoa, ngỏ...
. . . . . .
Khoác vai công tử, công nương cũng v. v...

Nhà làm thơ phải nghĩ giùm cho người ta rằng thơ là để ngâm, chớ có để đọc đâu !

III

Người Âu. và riêng người Pháp có lẽ vì ở xứ lạnh, nên hiếu-động hơn người Phương-Đông ta.

Họ nói cũng rậm nhời hơn. Thơ văn của họ cũng rườm rà bay bướm phải hàng trương, hằng tờ giấy chữ để diễn tả mấy cái tư-tưởng rất tầm-thường. Thi-sĩ Tây-phương hình như đem rót hết bầu tâm sự ra, một khi có hứng. Họ không như thi-sĩ Tàu và Ta chỉ kiếm cách nói ít nhời mà đủ hết ý-tứ.

Thi-sĩ Tàu và Ta chỉ muốn « trói voi bỏ rọ » còn thi-sĩ Tây phương trái lại chỉ muốn đem con kiến nhốt vào chuồng voi.

Thi-hào Lamartine trong bài «Isolement» chẳng hạn, tả trời, tả biển, tả hết vũ-trụ mênh mông, khi chỉ muốn nói rằng « vắng người yêu, vũ-trụ vắng ngắt ». Văn-hào Chateaubriand phải tốn bao nhiêu giấy, mực và lời lẽ rườm-rà để tả một cảnh tượng đẹp dưới vầng trăng sáng.

Trái thế, thi-hào Nguyễn-Du chỉ dùng có sáu chữ:

«*Lặng khuya, ngất tạnh, mù khơi*», mà tả được đủ cả thời-gian, không-gian đủ cả

trời đất.

Lặng khuya: là đêm khuya và im lặng.
Ngất tạnh: là trời quang tạnh coi cao ngất.
Mù khơi: là coi dậm đường có sương che xa khơi mù mịt.

Và chỉ dùng có mười bốn chữ:

Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

mà tả được một cảnh trời chiều rất đầy đủ, rất rõ-ràng và đẹp-đẽ. Thật là một bức tranh «sơn-thủy, lâu đài» chấm phá rất có tinh-thần, rất linh-hoạt bằng mực tầu, bút thủy.

Xưa nay, người mình vẫn cho cách diễn-tả giản-ước đó là tài-tình, là công-phu.

Gần đây, các bạn thanh-niên tân-học mạnh bạo đứng lên phản-đối cách diễn tả đó, cho là tối nghĩa, thiếu sót ý tứ và mất vẻ thật thà của thơ. Thế là lối thơ tự-do, không hạn câu, hạn chữ, ra đời với một đoàn thi-gia mới: Thế-Lữ, Huy-Thông, Nguyễn-Vỹ v, v...

Người ta tự phụ rằng thơ mới đã làm một cuộc cách-mạnh văn-chương và đã được toàn-thắng rồi.

Thật ra, thì người ta chỉ đã đem cách diễn

tả « nhiều lời mà ít ý » thế cho cách diễn tả « ít lời mà nhiều ý » của làng thơ xưa thôi.

Một bức tranh chấm phá lơ thơ ít nét, với một bức ảnh đủ hết mọi sự-vật tinh vi, mỗi đẳng có một vẻ đẹp với một tinh-thần riêng.

Thơ mới với thơ cũ cũng vậy. Không nên mạt-sát quá đáng lối nào, vì thơ hay thì dù làm theo lối nào cũng hay được mà thơ dở thì làm theo lối nào cũng vẫn dở.

IV

Truyền rằng : Chúa Trịnh-Sâm là một ông chúa tính thích văn-chương. Thời bấy giờ có một vị đại-thần tên là Nguyễn-Khản thường được Chúa rủ cùng đi câu những khi rảnh việc Triều-đình. Một lần Chúa cho vời ông Nguyễn, mà vì đau ốm hay vì sao đó, ông xin cáo không vô hầu. Chúa liền cho người đưa lại một bài thơ rằng :

Đã phạt năm đồng bỏ buổi chầu,
Lại phạt năm đồng bỏ buổi câu.
Nhắn bảo ông bay về nghỉ đấy !
Hãy còn phạt nữa chửa tha đâu !

Ông Khản liền họa nguyên-vận gửi tại dâng Chúa :

Váng-vất cho nên phải cáo chầu.
Phiên chầu còn cáo nữa phiên câu.
Trông ơn phạt đến là thương đến,
Ấy của nhà vua chớ của đâu !

Chúa xem thơ khen là phải, bèn tha phạt cho.

Xem hai bài thơ này, chúng ta biết được rằng :

1· Thời Lê, Trịnh, ông quan nào bỏ buổi chầu thì bị phạt, mà phạt tiền.

2· Các quan, dù là quan đại-thần, đều phải đến chầu tại phủ Chúa (phủ Liêu) chớ không chầu tại điện nhà Vua.

3· Oai-quyền chúa Trịnh lớn lắm, đến việc đi câu Chúa cũng gọi là « buổi câu », « phiên câu » sóng với « buổi chầu », « phiên chầu » ; việc đi câu của Chúa Trịnh cũng quan-hệ như việc nước vậy.

4· Chúa Trịnh được toàn-thể quan-viên kính-phục, cứ xem câu « trông ơn phạt đến là thương đến » của một ông quan đại-thần thì biết.

5· Hễ trái ý Chúa là bị phạt !

« Bỏ buổi câu » còn bị phạt tiền nữa là việc khác.

Bài thơ của Chúa Trịnh là một tài-liệu qui báu cho nhà làm quốc-sử vậy.

V

Tôi rất lấy làm lạ về sự nổi danh của nhà văn, nhà thơ; nếu tôi là một người tin ở thuyết số mạng thì tôi đã nói : sự nổi danh của nhà làm văn làm thơ quá nửa nhờ về thời-vận.

Tôi không là một người tin nhảm nên tôi nói rằng : sự đó phần nhiều nhờ về cơ-hội !

Vì tôi thấy nhiều nhà văn, nhà thơ tiếng nổi vang lừng trong nước mà thật ra thì văn, thơ của họ chỉ xoàng-xoàng vậy thôi, không có chi gọi là siêu-quần, xuất-chúng.

Thế-Lữ thi-gia mới được suy-tôn là anh cả trong thi-giới hiện giờ, thì nổi danh vì một vài bài thơ hay, cái đó đã cố-nhiên. Nhưng ta phải nhận rằng mấy bài thơ đó, chưa đủ dành cho Thế-Lữ cái địa-vị hiện giờ, nếu không có sự phổ cập của tờ Phong-Hóa.

Thao-Thao một thi-gia cũng rồi-rào, cũng du-dương mà dù đã cho xuất-bản tới ba tập thơ liên-tiếp : *Dưới trăng*, *Bờ suối*, *Thuyền mơ*, cũng chưa được người ta nhắc-

nhớ đến tên.

Thi-sĩ Phi-Yến ở Nam-kỳ, kể ra thì có thể làm hơn được Thế-Lữ và Huy-Thông thế mà hai chữ Phi-Yến còn lạ tai người ta lắm lắm.

Trong số các văn-sĩ, thi-sĩ có tài-học, có chí-khí mà không được nổi danh, chịu sống âm-thầm trong bóng tối hoặc ở một nơi tranh tối tranh sáng, tôi cho có có nhà văn-sĩ, thi-sĩ kiêm chí-sĩ H. P. Trân biệt-hiệu Nhượng-Tống là đáng phàn-nàn nhất.

Thật thế, chúng ta thử đọc qua thơ của Nhượng-Tống sẽ nhận ra ngay rằng không cứ một kêu thơ mới, hai kêu thơ mới và dập kiểu mẫu thơ Tây như các thi-gia khác, người ta mới làm nên thơ mới.

Vì thơ của Nhượng-Tống làm trước khi có phong-trào thơ mới nhiều, thế mà ta đọc lên thấy hay lắm, mới lắm.

Nhớ người bạn một đêm

Mình như hoa dưới sông
Ta như khách qua cầu
Nhìn nhau trong chớp mắt
Gặp nhau không hội sau.

Hoa nát lòng ta thương
Sông chảy dạ ta sầu.

Trăm sầu lại nghìn thương
Cứu vớt được họa đâu ?

Giòng sông cứ chảy, hoa cứ trôi
Cát dồi, sông vỗ bao đập vùi ?
Thương nhau ta biết đời hoa khổ,
Quên nhau hoa biết ta là ai ?

Hình hoa trước mắt dù không thấy.
Bóng hoa trong tim vẫn còn đấy,
Năm năm mưa gió lại năm năm
Hoa rụng, hoa trôi, biết là mấy ?

Lời người bạn một đêm

(Trích cú)

Lồng có sắc nghiêng nước
Sinh ra con nhà nghèo
Một sớm bụng thấy đói
Trăm năm thân phải liều.

Mê-man đám bụi trần
Lăn lóc bông hoa xuân
Từng cánh lại từng cánh
Hôm mai héo-hẻo dần...

Vườn hồng từ lỏng cánh
Ong, bướm đua dập - dìu.
Mua được miệng em cười
Khôn mua lòng em yêu...

Liêm-sỉ vốn tính trời
Đọa-lạc cũng thân người
Cũng hồn lại cũng xác
Thương đau ai khác ai !...

...Anh bàn cơ-hội sau.
Buồn tênh em lắc đầu
Cá nước với chim trời,
Đâu dễ thường thấy nhau !...

Lác-đác chòm sao thưa
Lạnh-lẽo bóng trăng mờ.
Một bước tiễn anh ra,
Trăm tình càng ngẩn-ngơ...

...Lấp-lánh hạt sương đêm
Tưới ướt hoa bên thềm
Hái hoa đưa tặng anh
Thấy hoa như thấy em...

...Thăm-thẳm phương trời xa,
Bảng-lảng bóng dương tà.
Nên biết trái tim này,
Khô-héo còn trước hoa !

Bể cả cánh bèo trôi
Duyên ta có thế thôi.
Hồn-mộng gặp không gặp
Tử sinh ai biết ai ?

Tử sinh dầu chẳng biết
Ân-tình không đoạn-tuyệt
Nhớ anh chẳng thấy anh
Đêm sương ngồi bóng nguyệt.

Bóng nguyệt dãi thềm hoa,
Nào lúc tiễn anh ra
Ngẩng đầu trăng vẫn gần
Cúi đầu người sao xa ?

Cùng dưới vầng trăng ấy
Ở đâu anh cũng thấy :
Nhớ em hoặc chẳng quên
Bồi-hồi nửa đêm dậy

Dậy ngắm vầng trăng bạc
Bâng-khuâng tìm mộng trước
Nhớ em chẳng thấy em
Tầng mây nghe tiếng vạc...

Thương nhau tiếng thở dài
Nhớ nhau hàng lệ rỏ
Miễn lòng ta biết ta
Yêu nhau thế là đủ.

Yêu nhau thế là đủ !
Cho nhau thế đã nhiều
Đâu cứ giàu với sang
Mới được quyền biết yêu !

Có phải ngâm xong thơ ta có cái cảm-giác thỏa-mãn, nhẹ-nhàng, thư-thái, như ngâm một bài thơ Đường ?

VI

Truyện Kiều của cụ Nguyễn-Du từ xưa tới nay hình như là một cái khuôn-mẫu cho thi-giới trong nước.

Người ta làm thơ vịnh Kiều.

Người ta làm thơ tập Kiều.

Người ta làm thơ phỏng theo văn Kiều.

Cô B. biệt-hiệu của một ông quan chi-sĩ (ông Trần-tán-Bình thì phải) đã làm vô số bài tập Kiều đăng trên báo T. B. T. V. và đã in thành một cuốn sách giá hơn ba cắc.

Nghĩ cũng tài thật ! Trừ nghề làm ruộng ra, còn bất cứ nghề gì, việc gì, ở trong truyện Kiều thể nào cũng có năm ba câu ám-hợp với địa-vị, thân-thế, cảnh-huống người làm nghề ấy, việc ấy.

Chịu khó chắp-chảnh câu nọ vần với câu kia trong truyện Kiều cho khéo, thì nói về cái gì cũng được, không kể nói về việc làm ruộng, vì trong truyện Kiều tác-giả không đả-động đến nghề ấy.

Chắp-chảnh, lượm-lặt như vậy, gọi là tập Kiều !

Tập Kiều không đáng là việc của thi-gia chân-chánh, song đó cũng là một lối chơi văn thú-vị, một lối tiêu - khiển có ích, chớ không không

Tôi còn nhớ bốn câu văn tập Kiều đề bằng chữ nôm ở hai bên bức hình chụp các ông tân-khoa khoa thi Nam kết - cục (Ất-Mão 1915) xem được ở nhà ông Giải-Nguyên (thủ - khoa) khoa ấy là ông Nguyễn - Tảo. Bốn câu văn ấy thế này :

Vinh hoa bõ lúc phong-trần.
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Giăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

Tôi cho là hay lắm Câu thứ nhất nghĩa là : sung sướng, bõ lúc cần khổ học hành.

Câu thứ hai nói : đỗ, đủ tư - cách, đủ phân điểm.

Câu thứ ba nói : văn-chương tàn cuộc vì là khoa thi rốt.

Câu thứ tư nói : 16 người đỗ, vì khoa rốt cuộc ấy, có tất cả 16 vị Cử-nhân, tính cả Thủ-khoa.

Hơn mười rằm, tức là 16.

VII

Thơ là một món để giãi tỏ cái chí của mình ra.

Cho nên những bậc nhân-nhân chí-sĩ bất kỳ làm thơ gì cũng để lộ cái chí của mình ra trong thơ hoặc vô-tình hoặc hữu-ý.

Văn-sĩ Buffon nói « văn là người » có lẽ cũng vì nghiệm thấy điều đó.

Coi bài thơ « giã vợ đi làm quan » của cụ Phan-thanh-Giản sau này :

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đàng mây, cười tớ ham dong-duổi,
Trướng gấm thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước nợ trai đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
Rằng nhớ rằng quên, lòng hỡi lòng !

thì ta biết rằng trong khi nói với vợ mà nhà chí-sĩ cũng không quên được nước !

Lại như ba bài thơ của ông Hoàng-kiếm-Thu, (có lẽ là ông Nhượng-Tống Hoàng-phạm-Trân) gửi cho một người gái đẹp mà ông tưởng nhớ, cũng khác hẳn những bài thơ tình-tự tầm-thường.

Ba bài thơ này, bạn ông Hoàng là ông Ngô v-Triện đã sao-lục đăng lên V. H. T. C.

I

Dứt tiếng ly-ca, ném chén vàng,
Bồi-hồi từ giã đất Tuyên-Quang.
Biết tìm đâu thấy người trong mộng?
Khéo não lòng thay cảnh dọc đường!
Cây cỏ ba đông trời cố-quốc,
Nước non muôn dặm bóng tà-dương.
Xanh xanh sông nọ bao nhiêu khúc?
Một khúc xa nhau một đoạn trường!

II

Ta một phương trời, khách một phương,
Đôi lòng ai dắt sợi tơ vương?
Không quen thuộc đã thành dan-díu,
Có biệt-ly đành phải nhớ thương.
Ơn nặng chưa đền cho đất nước,
Tình riêng tạm gửi với văn-chương,
Thăm nhau muốn mượn đường trong mộng,
Núi Tản, sông Lô mấy dặm trường?

III

Người bến sông Lô, kẻ Chợ-bờ
Nhìn nhau chẳng thấy ruột vò tơ
Chiếc thân đất khách, ta buồn lắm
Giấc mộng, đêm trường khách tỉnh chưa?
Nhầm trước đã đành ra thế ấy
Đường xa sớm liệu tự bây giờ!
Mông-mênh bốn bể ai tri-kỷ?

Canh vắng, đèn tàn, tiếng gió mưa.

Thật rõ là văn-chương nhà chí-sĩ ! Ngâm thơ lên ta nghe như nao nao, rộn rực, canh cánh bên lòng một khối u-hoài nặng nề vô-hạn. Bao nhiêu những chí-nguyện lớn lao, những ưu-tư xa thẳm mọc mầm lên trong óc ta những thuở thiếu-thời, hình như đều sống cả lại, sau khi đã bị bóp chết từ bấy lâu nay !

Thơ nói với vợ, thơ gửi cho tình-nhân mà còn làm được cho người ta « hưng khởi » như thế, trách nào cụ Khổng chẳng nói : « Hưng ư thi » !

VIII

Ta đừng nên khinh-thị hết thảy các bài thơ đăng trên báo-chí hiện-thời.

Báo-chí chính là cái trường đào-tạo nên những tâm-hồn cao-siêu, những tâm-hồn thi-sĩ.

Những tên Nguyễn-khắc-Hiếu, Nguyễn-mạnh Bổng, Nguyễn-tiến-Lãng, và cả đến Nguyễn-thế-Lữ, Tú Mỡ, Phạm-huy-Thông v. v. những thi-gia có danh ấy đều xuất-thân tự ngôi trường rộng-rãi đó.

Đọc báo « Tân-Văn » cũ, tôi thấy lắm bài

thơ của thi-gia hiện giờ nghe được lắm.

Như hai bài vịnh « Đèo Hải-Vân » này của Bích-Khê (?) tôi cho là đáng truyền tụng. Thơ tả tình thì còn có thể gò-ập tìm tòi ra tứ thơ dễ được, chớ thơ tả cảnh có thực mà muốn tả cho đúng, cho đủ, thì không phải là dễ cho hết thảy mọi người làm thơ. Phải là nhà thơ có tài-nghệ khá thì mới làm nổi.

Cho nên hai bài thơ dưới đây, ta phải khen là hay!

Bước tới đèo Vân cảnh vắng teo.
Rõ ràng trước mắt bức tranh treo.
Một vùng bể cả cơn triều giậy,
Đôi cụm rừng sâu tiếng gió reo.
Đường sắt xe quanh còi dậy đất,
Đầu non ác lặn bóng nghiêng đèo.
Xung quanh phong-cảnh, mình trơ trọi,
Văng vẳng lùm xa giọng quốc kêu.

* * *

Quốc kêu văng-vẳng ở đâu đâu.
Trời nước mênh mông lẫn một mầu.
Thành cổ rêu phong sương nhuộm đá,
Bia xanh chữ lợt, súng trơ đầu.
Đường đời thành bại chùm mây bạc,
Tiếng cũ anh-hùng ngọn gió lau.
Nhìn cảnh nước non, non nước ấy,
Ngàn xưa dâu bể chạnh lòng đau.

Hai bài thơ này tuy chưa được hay toàn bích (đời này có chi hoàn toàn đâu) ? — nhưng lời thơ thanh thoát, điệu thơ êm ái, khí thơ nhẹ nhàng, tứ thơ rồi-rào mà không lộn xộn, cho ta biết rằng đứng trước cảnh nước, non, mây gió thi-gia đã tự chủ được mình không bị nguồn tình-cảm và cảnh lớn lao cao rộng làm tâm-hồn rối-loạn. Nghệ-thuật là ở đó.

IX

Đọc « Văn-Học-Tạp-Chí » cũ tôi thấy ở mục « Thơ văn kim » có bài thơ « Con-ruồi » của Đạm-Trung nữ-sĩ (?) nghe cũng thông lắm. Bài thơ ấy như sau :

Trời sinh cắc-cớ giống con ruồi
Có cánh sao mà chẳng có đuôi,
Mắt lớn chuyên dòm đồ nhớp-nhúa.
Vòi dài chỉ hút vật tanh hôi.
Gặp may lắm lúc đèo khu ngựa,
Thừa thế nhiều khi đậu trốc voi.
Cúng cấp cỗ bàn đều ních trước
Gươm vàng cũng xếp đứng mà coi.

Đọc bài thơ này tôi lại bắt nhớ đến bài thơ « Dế ruồi » của ông Tú Qui người Quảng-Nam ngày trước :

Kiến chẳng phải kiến, voi chẳng voi.
Trời sinh dế ruỗi cũng choi-choi.
Ngắn cánh lên trời bay chẳng thấu,
Co tay vạch đất cũng khoe tài.
Mưa sa, nước đổ lên cao ở,
Lửa đỏ, dầu sôi nhảy tới chơi.
Quân-tử có thương xin chớ phụ,
Lăm-xăm bay nhảy để mà coi.

Hai bài thơ cùng vịnh loài vật mà tứ thơ khác hẳn nhau. Bài trên thì nhà thơ đứng địa-vị khách-quan, bài dưới thì tác-giả đứng địa-vị chủ-quan. Một người thì mượn vật để mỉa người, một người thì mượn vật để tả chí mình.

X

Ngày nay, trong tác-phẩm của bất cứ thi-gia nào, cũng có bóng ít ra của một người con gái đẹp.

Trong tập thơ nào cũng có những nàng, những em, những tình, những mộng. Hình như thi-sĩ cho rằng ngoài sắc đẹp ra không có gì đáng khen cả, ngoài tình yêu ra, không có gì nên thơ hơn.

Phải, còn gì đẹp bằng người đẹp ? Còn gì đáng khen bằng sắc đẹp ? Còn gì nên thơ

bằng tình yêu ?

Nhưng ngợi khen sắc đẹp, ca-tụng tình yêu mãi, nghe nó hóa nhảm. Bắt chước nhau mãi, nó hóa ra vô-vị !

Thơ nhảm tức là thơ sáo và thơ vô-vị còn đáng giá gì ! Thơ chỉ « đắt » về « phẩm » chớ không về « lượng ». Thơ là món hàng bao giờ cũng phải mới-mẻ lạ-lùng. Thơ không phải là món hàng mà khoa-học chế-tạo ra hằng ngàn, hằng vạn, trong một khắc, một giờ. Hãng xe hơi có thể chế ra một lúc hàng triệu chiếc xe hơi kiểu tối-tân giống nhau như một, mà chiếc nào cũng được khen là đẹp, là sang.

Thi-giới không thể bắt chước hãng xe hơi được. Một ngàn bài thơ hay phải là một ngàn bài thơ khác hẳn nhau, bài hay về cái này, bài hay về cái khác.

— Không cứ ngợi-khen sắc đẹp, ca-tụng ái-tình, thơ mới hay.

Trong vòng trời đất, từ ngọn cỏ tới đám mây, từ giọt sương tới luồng gió, từ cái rất nhỏ tới cái rất lớn, từ cái rõ rệt, tới cái lờ-mờ, từ việc đáng mừng vui tới việc đáng khủng-khiếp, từ bữa tiệc linh-đình tới chiếc tàu sắp đắm, hết thảy đều nên thơ. Với nhà thơ có thiên-tài, cái không nên thơ cũng có

thể trở nên thơ, điều tầm thường nhất cũng có thể trở nên quan-trọng.

Nhiều bài thơ đời Đường bên Tàu, và nhiều bài thơ của thi-giới Pháp cho ta những thí-dụ rất hoạt-động, rất rõ rệt về sự đó.

Và thơ của các nhà sư cũng có thế chứng-thực cho lời nói trên. Đã là kẻ tu-hành, tất gái và sắc-đẹp là những thứ họ phải kiêng không được ngó mắt tới, để ý tới và nói tới.

Thế mà thơ của họ vẫn hay.

Xem mấy bài thơ sau này thì rõ :

CHƠI NÚI SÀI-SƠN

Trải bao tuyết điểm lại sương pha,
Đá vẫn trơ trơ, núi chửa già.
Động Thánh bốn mùa mây khói họp,
Chợ trời mấy độ thỏ ô qua.
Mặc cơn dâu bể cơ trời đất,
Riêng cõi lâm-tuyền thú cỏ hoa.
Nhẹ bước vân-du lên đỉnh núi,
Bụi hồng ngoảnh lại đã xa-xa.

Bài trên của sư Xuân-Lan đề trên vách đá núi chùa Thầy, tức là Sài-sơn, phủ Quốc-Oai Sơn-tây, Bắc-kỳ. Núi có động tương truyền có vết chân của ông Thánh Từ-đạo-Hạnh, và có chỗ gọi là Chợ Trời.

NHỚ BẠN

Cao thấp trời chung, một hạt mưa
Ra đời, vô núi cũng duyên đưa,
Mấy phen sương tuyết chồi mai nở,
Ngàn dặm, tình-hoài bóng nhạn thưa.
Lò lửa nhớ chừng vầy truyện cũ,
Bàn cờ theo buổi ngắm trà trưa.
Nghĩ người đạo-khế từng qua lại,
Trăng dọi thềm lan phải đó chưa ?

CHƠI NÚI

Lững-đững bên trời ngọn giáng thưa,
Dặng bờ thu-thảo ngớt cơn mưa.
Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ,
Khói biếc thành xây tưởng dấu xưa.
Mây phủ dịp cầu sen ẩn ước,
Cây lồng bóng nước cảnh thừa ưa.
Khách quen năm trước bây giờ đến,
Thử hỏi non song đã biết chưa ?

Hai bài trên đây của sư Viên - Thành tu ở chùa Ba-la-mật (Huế) là người trước đây mấy năm nổi tiếng sành thơ vừa chữ Hán vừa quốc-âm.

Bất cứ đầu-đề gì thanh hay tục, nên thơ hay chẳng nên thơ, nhà làm thơ có tài đều làm được nên thơ.

Đến như « Cục cứt » (xin lỗi !) mà ở Nam-

Trung xưa còn có người làm thơ được, thì còn cái gì mà không nên thơ ! Con « chó đá » cũng nên thơ !

Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,
Cửa nghiêm thăm-thẳm một mình ngồi.
Quản bao sương tuyết nào chi kể,
Khéo dử cao-lương cũng chẳng nài.
Mặc khách thị phi dương tráo mắt.
Những lời trần tục biếng vào tai,
Một lòng thờ chúa ngàn cân nặng,
Bền vững ai lay cũng chẳng rời.

Bài thơ này là một bài thơ cổ truyền-tụng ở Bắc-kỳ, tác-giả không biết là ai.

XI

Cụ Trần Danh - Án, một vị trung - thần kiêm thi-hào đời Lê - mạt, khi nước loạn, theo vua Chiêu - Thống chạy sang Tàu, dọc đường cảm cảnh lữ-thứ tha-thương ngậm-ngùi về nỗi vua, vận nước, nhiều lúc đối cảnh sinh - tình, thốt ra những vần thơ lâm-ly cảm - khái.

Một đêm kia, vua tôi trú chân tại một quán trọ dọc đường, chí - sĩ họ Trần nặng lòng quân - quốc không sao yên giấc được. Nghe tiếng quốc canh khuya khoái - khoắc,

thi-gia tưởng đó là tiếng vang của trái tim mình, hồn thơ xúc-động, liền đọc miệng nên mấy câu thơ cực-kỳ bi-tráng :

Giá-cô tại Giang-nam
Đỗ-quyên tại Giang-bắc
Giá-cô minh gia-gia
Đỗ-quyên minh quốc-quốc
Vi cầm do hữu quốc-gia thanh
Cô-thần đối thử tình vô-cực.

Dịch nôm ;

Chim giá-cô ở bờ sông phía Nam
Chim đỗ-quyên ở bờ sông phía Bắc
Giá-cô kêu gia-gia
Đỗ-quyên kêu quốc-quốc
Chim nhỏ còn kêu tiếng : Nước ! Nhà !
Cô-thần đối cảnh, tình man-mác.

Mấy câu thơ tức cảnh đó, sau lan ra truyền tụng khắp nước Tàu, được thi-giới Trung-hoa hoan-nghênh cho là những vần thơ tuyệt-tác. Thơ hay không về lời mà về ý, cái ý hoài-vọng man-mác do vần thơ làm lan ra.

Thơ thảm như những « tiếng hót thất vọng » của con chim sắp bị chết mòn, chết rạc, đúng như lời một văn-sĩ Trung-hoa đã phê : « nhất tự, nhất lệ » (mỗi chữ là một giọt nước mắt).

* * *

Cụ Trần Danh-Án đã mượn chim giá-cô, chim đỗ-quyên để tả nỗi nhớ nhà, nhớ nước.

Đến đời vua Tự-Đưc, một nữ-sĩ, tức là bà huyện Thanh-quan, khi qua đèo Ngang lại mượn tứ thơ của chí-sĩ họ Trần, để diễn-tả bằng một nghệ-thuật rất du-dương những cảm-tình mà người ta ngờ rằng bà không có :

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Thơ bà hay nhưng người ta phải nói rằng bà đã làm thơ sáo, dù những câu thơ sáo đó vẫn truyền-tụng đến nay.

* * *

Bà huyện Thanh-quan đã là một nhà thơ mượn tứ của một nhà thơ khác, nhưng một nhà thơ khác lại mượn cái tứ thơ bà Huyện đã mượn của người.

Thi-gia ấy là quan Tổng-đốc Cao Xuân-Dục một vị Đại-thần triều Thành-Thái, Duy-Tân.

Mấy câu thơ sáo của ngài người ta nhận thấy trong bài thơ tự-thuật :

Thiếu-tráng niên hoa nại lão hà ?
Tri phi Cử-Bá tiến niên hoa.

Phong hồng tùy ngộ thiên Nam Bắc,
Tái mã tằng kinh địa hải hà.
Đỗ-vũ kiều đầu minh quốc quốc
Giá-cô thành ngoại khiếu gia gia.
Qui lai sạ tỉnh điền viên mộng,
Nam-phố cao lâu nguyệt vị tà.

Dịch nôm :

Ngày xanh mấy độ cái xuân qua,
Biết lỗi Cừ-Công tuổi sớm già.
Nam Bắc cánh hồng chiều gió thuận,
Giang-hồ vó ngựa nẻo đường xa.
Con quốc đầu cầu kêu nước nước,
Chim đa ngoài nội gọi nhà nhà ! (1)
Vườn cũ an nhàn cơn mộng tỉnh,
Lầu cao Nam phố nguyệt chưa tà.

Thơ rất hay, nhưng tiếc thay hai câu *luận* (5, 6) lại dịch ý thơ của bà Huyện Thanh-Quan buộc người ta phải gọi là thơ sáo.

Thơ sáo không phải toàn là thơ dở, nhưng thi-sĩ trước hết phải là một « tiểu hóa-công », nghĩa là luôn luôn phải sáng-

---

(1) Biết là thất-niêm, nhưng bắt buộc phải dịch thế, mới sát nghĩa.

tạo. Bắt chước có khi không phải là một tội lỗi, nhưng thi-sĩ không phải sinh ra để bắt-chước.

Thi-sĩ phải luôn luôn nghĩ làm cho thơ mình có một cái « dấu hiệu » riêng, một-đặc - tính để phân - biệt với thơ người khác.

Vì tính hay bắt chước không chịu sáng-tác, nên tới nay thi-giới ta vẫn bằng - phẳng sàn sàn, như áng đồng bằng không có mô gò gì đột - khởi.

Và thi-sĩ ta xưa nay tuy không hiếm nhưng vẫn chỉ như muôn giòng nước đua nhau chảy dồn theo một chiều, không ai đứng được riêng ra thành một thi phái.

XII

MỘT ngày kia, đến thăm thầy giáo Hồ-năng-Ngôn ở Phúc-lâm (Hà-đông) tôi được xem một đôi câuđối của ông Đỗ-huy-Đan giáo thụ Hà-đông, viết bằng chữ « nôm » trên liễn làu mừng thầy giáo Ngôn, nhân dịp cưới vợ.

Vế trên :

Trước ngại vắng nhà, lên tỉnh Bác thường không chịu ở

Về dưới :

Nay mừng có bạn, khám trường tôi cũng dễ ra về.

Nghĩa là : trước kia, khi chưa có vợ, Bác lên tỉnh (vì Bác dạy học ở nhà quê) tôi mời ở Bác không chịu, chối rằng nhà vắng, ngủ đêm không tiện :

Ngày nay, bác có vợ rồi (bạn) tôi về khám trường bác (vì tôi là Giáo Thụ) tôi cũng khỏi ngại Bác cô-độc, quạnh hiu ra về cũng dễ.

Đôi liễn ấy, tôi cho là có thể truyền tụng được. Vì ở trong đôi liễn ấy, có phưởng phất cái chí-tình.

Đọc ba chữ ấy, nhất là ba chữ « dễ ra về », người ta biết rằng trước kia những lúc về khám trường, ông giáo-thọ Đan khó dứt ra về lắm, vì ngậm-ngùi thương bạn ở một mình quạnh hiu.

Thương bạn đến thế thì thôi !

Cái ý-tứ kín đáo mà lộ ra rõ rệt !

Thế gọi là « ý tại ngôn ngoại », cái ý nó ẩn hiện phảng phất trong óc người đọc, chớ không ở mặt giấy : đó chính là cái đặc-sắc của văn-chương Tàu và ta !

XIII

THƠ vịnh cảnh đã không phải là dễ làm mà thơ vịnh sử cũng không phải là làm dễ ! Làm làm sao cho sự thật rõ ràng, đầy đủ, có chỗ trong những lời du-dương chải chuốt. Làm thơ vịnh sử tức cũng như xe cho sự thật và sự mơ-màng kết hôn với nhau cho tốt đôi đẹp lứa. Trong « đôi-lứa » đó một bên nào « xấu » hơn bên nào cũng không được.

Một cặp vợ chồng như thế cũng còn khó lựa thay, huống chi đôi lứa « thực, mộng » trong thơ vịnh sử.

Cho nên kiếm được những bài thơ vịnh sử như bài « thành Cổ-Loa » của Á-Nam Trần-tuấn-Khải, hay như bài « Trưng-Vương » của cụ Quản Hoàng Thái Xuyên (húy Cao Khải) là việc khó lắm.

Thành-quách còn mang tiếng Cổ-Loa
Trải bao nắng dãi với mưa sa !
Nỏ thiêng hờ-hững giây oan buộc,
Giếng ngọc vơi đầy giọt lệ pha.
Cây cỏ vẫn cười ai bạc mạnh,
Cung đình chưa sạch bụi phồn-hoa.
Hưng vong biết chửa người thiên cổ ?
Tiếng quốc năm canh bóng nguyệt tà.

Á-NAM

Tượng đá trời Nam giãi tuyết sương
Ngàn năm công đức nhớ Trưng-Vương
Tham-tàn trách bởi quan gây biến
Oanh-liệt khen cho gái dị-thường!
Liều với non sông hai má phấn,
Giành nhau nòi giống một da vàng.
Cột đồng Đông-Hán tìm đâu thấy?
Chỉ thấy Tây-Hồ bóng nước gương.

THÁI-XUYÊN

Bài « Khoa Thi » của ông Tú-Xương cũng là một bài thơ vịnh quốc-sử, có giá-trị :

Nhà-nước ba năm mở một khoa
Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
Lôi-thôi sĩ-tử vai đeo lọ.
Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.
Xe kéo rợp giời quan Sứ đến.
. . . . . .
Sao không nghĩ đến điều tu-sỉ?
Ngoảnh cổ mà xem lại nước nhà.

Cũng như bài « Thành Cổ Loa », bài này vừa có giá-trị về sử-học, vừa có giá-trị về tả-chân. Hai bài vừa là thơ vịnh sử vừa là thơ tức cảnh.

Bài vịnh « Lý-thường-Kiệt » tôi đọc thấy trong báo Tân-Văn cũ của tác-giả Bích-Khê cũng là một bài thơ vịnh sử truyền-tụng được:

Trời Nam ai chẳng biết tên ông !
Công cả ngàn thu dọi núi sông.
Đánh Tống hai phen oai đất dậy,
Bình Chiêm một trận tiếng trời rung.
Thơ thần khêu giận lòng quân-sĩ
Tóc bạc còn đeo nợ kiếm cung.
Danh-tướng như ông đà mấy kẻ ?
Đài mây đáng vẽ tượng anh-hùng !

XIV

ANH muốn bận đồ Tây thì bận ! Chớ anh đừng nên chê bộ đồ Annam mình là hủ-lậu !

Cái áo có làm nên thầy tu đâu !

Cái vỏ của anh tây thật, nhưng nếu óc anh không Tây, nghĩa là vẫn cũ rich, thì anh chẳng thể nào tự-phụ là văn-minh !

Anh muốn làm thơ theo lối Tây thì làm. Chớ anh đừng nên kiếm cớ nói xấu lối thơ Đỗ-Phủ, Lý-Bạch, Tú-Xương ! Vì, theo thi-hào Pháp André Chénier thì « nghệ thuật chỉ làm nên những câu thơ thôi, tâm-hồn mới là thi-sĩ. »

Tâm-hồn tức là tư-tưởng, tinh-thần của thơ. Cái hình-thức của thơ, cách diễn-tả ý-

tứ trong thơ, dầu theo lối Pháp, lối Ăng-lê gì mặc ! nếu tứ thơ vẫn cũ-rích, tinh-thần thơ vẫn khách - sáo, tầm - thường, thì thơ anh cũng vẫn là thơ sáo, thơ dở.

Cứ làm thơ lối cũ, cứ làm thơ lối An-nam, lối Tàu , mà diễn tả những ý - tưởng tân kỳ đặc biệt, những triết - lý cao siêu, những lẽ phải bất diệt, cứ làm lối thơ có hạn hệ, có qui-tắc nhất định mà phô-diễn cái thật,cái đẹp, cái phải ra, bằng một cách mới mẻ, khéo léo, thì thơ cũng vẫn là thơ hay.

Bảo rằng làm thơ theo niêm luật của Tàu, khó, thì làm thơ lối cổ phong mà người ta vẫn làm. Có niêm luật bó buộc đâu ! Bảo rằng làm thơ theo lối Tàu là nô-lệ chú con Trời, thì làm thơ Annam! Và nếu bảo rằng làm thơ phải theo lề lối nhất định, phải có vần, có điệu, có hạn chữ... khó làm, thì tốt hơn là đừng làm thơ nữa ! Thơ nào cũng vậy, có nghĩa là điều hòa và trật-tự. Không có lệ-luật qui-tắc hạn định thì không thể có điều - hòa và trật - tự, tức là không có nhạc, không có thơ.

Những nhà thơ xứng đáng với thơ, không

bao giờ bị niêm-luật làm rầy, bị biền-ngẫu bắt lúng túng. Họ làm lối thơ mà người ta kêu là khó làm, một cách dễ dãi lắm. Tài nghệ cho phép họ làm thơ dễ như ta nói chuyện, tự nhiên một cách lạ. Niêm luật không bó buộc họ, biền ngẫu không quấy rầy họ chút nào, như người ta vẫn tưởng lầm.

Tôi không định bài bác thơ mới! Thơ làm theo kiểu nào, hễ hay cũng là hay. Cái hay tùy theo tài nghệ của nhà làm thơ. Thơ cũ trong những bài dưới đây, có phải là một lối thơ khó làm đâu!

SAI ĐẦY TỚ TÊN LÀ CAM

Cam! Tốc ra thăm gốc hãi-đường
Hái hoa về để kết làm tràng!
Những cành mới nhánh đừng vin nặng
Mấy lá còn xanh chớ bứt quàng!
Rồi lại tây hiên tìm liễn xạ,
Với sang đông-viện lấy bình-hương.
Mà về cho chóng đừng thơ-thẩn,
Kẻo lại rằng: chưa dặn kỹ-càng.

ÔN-NHƯ-HẦU

(tác-giả *Cung-oán ngâm-khúc*)

THĂM - BẠN

Ai về nhắn hỏi bác Châu-Cầu !
Lụt lội năm nay bác ở đâu ?
Mấy ổ lợn con mua đắt ? rẻ ?
Vài gian nếp cái ngập nông ? sâu ?
Vận đen lo tính càng thêm mệt !
Tuổi cả chơi bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói
Linh-đinh chiếc lá, rượu lưng bầu.

NĂM 74 TUỔI

Năm nay tớ đã bảy mươi tư
Rằng lão, rằng quan tớ cũng ừ.
Tức hứng đánh thêm ba chén rượu.
Khi buồn ngâm láo mấy vần thơ.
Bạn già lớp trước nay còn mấy ?
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa
Thử xem mãi mãi thế này ư ?

NGUYỄN-KHUYẾN

THẾ-TÌNH

No thời ra bụt, đói ra ma
Chẳng lạ nhân tình đất kẻ (xứ) ta.
Khôn khéo chẳng qua-thằng có của,
Yêu vì đâu đến đứa không nhà.

Ở đời mới biết cùng thời dễ,
Muôn sự cho hay nhịn cũng qua
Cơ Tạo có đi mà có lại,
Vạch vôi lấy đó mãi ru mà !

NG.-CÔNG-TRỨ

MÙA NỰC BẬN ÁO BÔNG

Bức sốt như mình vẫn áo bông
Tưởng rằng ốm đậy hóa ra không.
Một tuồng rách rưới con như bố,
Ba chữ nghêu-ngao vợ chán chồng.
Đất biết bao giờ xoay vận đỏ
Trời làm cho bõ lúc chơi ngông.
Gần chùa gần cảnh ta tu quách,
Cửa Phật quanh năm sẵn áo sồng.

THAN NGHÈO

Người bảo ông cùng mãi,
Ông cũng thế này thôi.
Vợ lăm le ở vú,
Con tấp-tểnh đi bồi.
Ai trói voi bỏ rọ?
Đời nào lợn cạo ngôi?
Khách hỏi nhà ông đến,
Nhà ông đã bán rồi.

TÚ-XƯƠNG

KHUYÊN KẺ KHÓC CHỒNG

Văng-vẳng tai nghe tiếng khóc chồng
Nin đi kẻo thẹn với non sông.
Ai về nhắn nhủ đàn em bé,
Xấu máu thì khem miếng đỉnh chung !

QUA ĐỀN THÁI-THÚ SẦM-NGHI-ĐỐNG

Ghé mắt trông qua thấy bảng treo
Kìa đền Thái-thú đứng cheo-leo.
Vì đây đổi phận làm trai được,
Thì sự anh-hùng, há bấy nhiêu ?

HỒ-XUÂN-HƯƠNG
(Nữ-Sĩ)

CÔ ĐẦM

Cô ở nước nào da trắng hung ?
Hỏi cô, cô chẳng nói năng cùng.
Nước đời được mấy người như thế
Mới nửa trên mà đã muốn trông.

TỪ-DIỄN-ĐỒNG

GIỞ GIANG

Nửa giở ông Tàu, nửa giở Tây
Giở giang biết tính thế nào đây ?
Toan đi vỡ ruộng, cày không biết
Chực nhảy làm quan, học chẳng hay.
Buôn muốn tranh quyền nhà hẹp vốn,

Nghề mỏng đoạt xảo nước không thầy.
Thôi thôi ta chịu mình ta giỏi,
Ta giỏ còn tầy vạn chúng bay.

NG. HỮU-CHU
tức Đồ-Liên
v.v... v.v...

Không phải chỉ trong những thi-văn các bực tiền-bối, người ta mới thấy sự dễ-dàng, tự-nhiên đó ! Hiện giờ cũng có lắm bài thơ tự-nhiên tài-tình lắm, không sao lục ra hết được. Như thơ của Tú-Mỡ tác-giả « *Giòng nước ngược* » chẳng hạn, có thể là một câu trả lời mạnh-bạo cho những cuộc bài-xích thơ cũ, thơ lối Đường hay lối ta.

XV

Trong một câu thơ hay, thay đổi đi một chữ cũng không được. Hình như bông hoa đẹp thì sắc tất phải như thế, và tất phải như thế mới là câu thơ hay, như thế khác, thì câu thơ mất hay.

Thí dụ như hai câu này trong bài thơ « khóc Bằng-Phi » của vua Tự-Đức :

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
Xép tàn-y lại để dành hơi.

Nếu ta thay chữ *hơi* bằng chữ *mùi*, thì câu thơ mất hay ngay, tuy rằng mùi với hơi cũng đồng một nghĩa.

Hoặc như hai câu kết trong bài thơ « giã vợ đi làm quan » của cụ Phan-thanh-Giản :

Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng ?

Nếu ta đổi một chữ đi, như vầy :

Rằng nhớ hay *quên lòng hỡi lòng* ? thì câu thơ tự nhiên giảm mất lực-lượng và mất hay.

Hình như câu thơ hay là do trời sinh ra chỉ có thể như thế, chớ không thể khác được.

Thế mà lại có người dám cả gan sửa chữa thơ của các thi-gia tiền-bối, mới thật là lếu láo và dại dột.

Như bài « Thu-phong » làm theo thể phong thi, có hai chương của Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu dưới đây :

I

Trận gió thu-phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.
Vàng bay mấy lá, năm già nửa,
Hờ-hững ai xui thiếp phụ chàng ?

II

Trận gió thu phong rụng lá hồng
Lá rơi tường bắc, lá sang đông
Hồng bay mấy lá, năm hồ hết,
Thơ thẩn kìa ai vẫn đứng trông.

Mà ông Lê-Tràng-Kiều, trong V.H.T.C 1935 đã « lựa lấy có một chương và sửa chữa đi như dưới » (nguyên văn của V. H. T. C 1935).

Trận gió thu-phong rủ lá vàng
Lá bay hàng xóm lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm hồ hết,
Hờ-hững ai xui thiếp phụ chàng ?

Và đăng vào mục « Thơ dự thi » khiến cho tác-giả lấy làm bất-mãn và đã phải có lời biện-minh trên báo-chương.

Tản-Đà tiên-sinh biện-minh là phải lắm. Vì quả nhiên Tràng-Kiều đã làm cho thơ của tiên-sinh mất hay và trở nên vô-nghĩa.

Tôi muốn khuyên Tràng-Kiều đừng « nên sửa thơ người ta », «hòng khỏi mang một cái ách giữa đường» như ông Phan-Khôi đã nói.

Tản-Đà tiên-sinh đã viết :

Trận gió thu-phong rụng lá vàng

và

Trận gió thu-phong rụng lá hồng
Lá rơi tường bắc, lá sang đông...

nhưng ông Tràng-Kiều đã thu lại và đổi đi như thế này :

Trận gió thu-phong rủ lá vàng
Lá bay hàng xóm, lá bay sang

Tôi phải lắp lại mấy câu đó, là vì tất cả sự khờ dại, sự dốt nát về nghề làm thơ của Tràng-Kiều ở trong sự sửa chữa hai câu thơ ấy.

Thật thế. Mấy câu thơ của Tản-Đà tiên-sinh nghĩa thế này :

I

Trận gió thu thổi rụng lá vàng
Lá thì rơi ở gốc bên hàng xóm, lá thì bay sang nhà mình.

II

Trận gió thu thổi rụng lá hồng. Lá thì rơi ngay xuống gốc cây ở cạnh tường phương bắc, lá thì bay sang tận tường bên phía đông

Còn hai câu thơ Tràng-Kiều đã sửa chữa thì nghĩa thế này :

Trận gió thu thổi lá vàng rủ xuống,
Lá bay sang hàng xóm, lá bay sang nhà mình.

Đó, các bạn thấy chưa ? Tràng-Kiều đã vô tình hay cố ý bôi nhọ thơ của Tản-Đà !

Theo thơ của Tản-Đà, thì cây ở bên hàng xóm, gió thu thổi rụng lá cây vàng, lá rơi xuống gốc, lá bay sang nhà mình.

Theo hai câu thơ Tràng-kiều đã đặt bút vào, người ta không biết là cây ở đâu, mà lá vừa bay sang hàng xóm vừa bay sang nhà mình? Có lẽ là cây ở trong rừng! Nhưng nói « lá bay » thế nào được? Lá mới rủ xuống, chớ có rụng đâu mà bay đi được?

Rõ ràng là hai câu thơ vô-nghĩa, ngớ-ngẩn! Mà chỉ vì có hai chữ. Thay chữ *rủ* bằng chữ *rụng*, bỏ chữ *bay* trên đặt chữ *rơi* thế vào.

Trận gió thu phong rụng lá vàng.
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang,

Thì hai cầu thơ lại là hai câu thơ hay!

Trả César cái gì của César! Trả Tản-Đà cái gì của Tản-Đà! Đừng có xâm-phạm vào mà mang tiếng dốt.

XVI

Thi-ca có thể di-phong dịch tục.

Thật thế, ai nghe bài thơ này của ông Tú-Xương, mà không lấy làm e-lệ ngấm-ngầm, tự xét thầm xem ông Tú có

định mắng nhiếc mình không ?

Có nước nào, như nước ấy không ?
Phố-phường chen-chúc ở bờ sông.
Nhà đâu thói-phép con khinh bố ?
Mụ nọ chanh-chua vợ chửi chồng.
Keo-cú người đâu toàn cứt sắt ?
Tham-lam miệng thở rặt hơi đồng
Bắc, Nam thử hỏi bao nhiêu nước ?
Có nước nào, như nước ấy không ?

Lại bài sau này cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ làm để diễu một ông hoàng-giáp lĩnh chức đốc-học. Ông Đốc này con nhà hèn-hạ làm nên, và tính hay tham-ô, hằng năm có kỳ khảo-hạch lấy mỗi quyển ba đồng bạc, mà ngày thường lại làm ra bộ giả ngây giả dại, nên mới có bài thơ này :

Ai rằng ông dại với ông điên ?
Ông dại sao ông biết lấy tiền ?
Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp,
Khoét thằng mặt trắng lấy tam nguyên (3p)
Dấu nhà vừa thoát sừng trâu đỏ,
Phép nước xin chừa móng lợn đen.
Chỉ cốt túi mình cho nặng chặt,
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

Sừng trâu đỏ là lấy chữ *Lê ngưu chi tử tuynh thả giác*, (con trâu mẹ đen mà đẻ ra con trâu con có vằn và sừng đỏ) nói con nhà hèn mọn mà làm nên.

Móng lợn đen là tiếng gọi đùa cây súng sáu.

XVII

NĂM 1937, Bắc-Kỳ gặp nạn lụt lớn. Mùa-màng mất, nhà cửa trôi, tình cảnh dân-gian rất là thảm-khốc. Hưởng-ứng với nhà cầm-quyền, các hội từ-thiện, tương-tế khắp nơi mở cuộc lạc-quyên để giúp đồng-bào bị nạn.

Phùng-Tương Đồng-nghiệp-hội ở Saigon cũng mở cuộc lạc-quyên và tổ-chức cuộc thi thơ để hiệu-triệu đồng-bào trong Nam giúp đỡ anh em ngoài Bắc. Kết-quả năm bài thơ sau này được chấm thưởng. Xin lục ra đây, để tỏ rằng trong lúc phong-trào thơ mới bồng-bột, tại ngay Nam-Kỳ, cũng còn nhiều nhà thơ làm thơ Đường-luật nghe rất thông :

GIÚP NẠN DÂN THỦY TAI BẮC-KỲ

Đê vỡ Bắc-kỳ báo gọi vang.
Nghe tin ai chẳng động can tràng.
Người còn kể mất tình thê thảm,
Vật hết nhà trôi cảnh nát tan,
Đất đỏ mà thành vùng nước bạc.
Trời xanh nỡ phụ giống da vàng,
Đồng bào này những ai ai đó?
Giúp bạn trầm-luân chóng khỏi nàn.

SÔNG-ĐÔNG

* * *

Nghe báo đường đê vỡ tứ tung.
Một vùng mấy tỉnh nước mênh mông.
Nhân dân kêu cứu vang trời Bắc.
Súc vật đua trôi chật bể đông.
Trên ruộng nhà như ghe dưới biển,
Trong vườn người tợ cá ngoài sông.
Kìa ai lo lắng giang-hồ đó,
Kiếm chước mau mau giúp kẻ cùng.

LƯƠNG-TRAI

* * *

Trận lụt Bắc-hà lớn đã kinh.
Cả vùng Phú-Thọ đến Ninh-Bình,
Mấy tuần, nước bạc tràn sông « Đỏ »
Tám tỉnh đồng vàng hóa bể xanh,
Của cải hư hao mười một triệu.
Bà con đói lạnh bảy trăm nghìn.
Hỡi ai thương xót người trong nạn.
Sẻ áo chia cơm tỏ chút tình.

CẨM-ĐƯỜNG

* * *

Nạn lụt Bắc-kỳ hại biết bao,
Trăm bè cảnh trạng ngó lao nhao,
Người non nửa vạn thân chìm nổi,
Nhà ngót vài ngàn sóng cuốn xao,
Nam Bắc đôi đường tình cứu tộc.
Tồn vong hai chữ nghĩa đồng-bào,
Cứu sanh ai kẻ dân Nam-Việt,
Sẻ áo san cơm chút với nào.

THANH-TÙNG

* * *

Bắc-kỳ mấy lỉnh nước mênh-mông
Người chết nhà trôi có thảm không ?

Sóng bạc đã tràn bờ cõi Bắc,
Lòng vàng xin cậy chị em Trung.
Giúp nhau một miếng khi cơ cẩn,
Cứu được bao nhiêu cảnh khốn cùng,
Hằng sản, hằng tâm ai đó tá?
Mau mau tế độ giống nòi chung.

PHÁC-HỌA

XVIII

THƠ cũng như văn xuôi hay về tự nhiên, không cầu-kỳ gò-gập và hay về chỗ ai nghe cũng biểu được, ai đọc cũng thấy hay.

Bạn tôi, ông Nguyễn Hữu-Chu tục kêu là ông Đồ Liên vốn là một bực túc nho. Năm nay tuổi ông đã hơn năm mươi, và dù ông là một vị lão - nho, song thơ ông vẫn mới và hợp - thời lắm.

Ông đã được tiếng là «xuất khẩu thành chương» ở khắp một vùng huyện Chương-Mỹ tỉnh Hà-đông chúng tôi. Thơ ông đủ giọng tự-nhiên, dễ hiểu và rất điêu-luyện.

Nhưng tính ông không ưa đem thơ để

khoe mình như nhiều nhà thơ khác, nên người ta nhớ được rất ít thơ của ông, và ông vẫn còn là một tên lính vô-danh trên tao-đàn Việt-Nam hiện giờ.

Một nhà thơ ích-kỷ quá hay khiêm-tốn quá như vậy thật đáng kính phục. Nhưng sự đó có hại cho làng thơ, cũng đáng tiếc thay!

Tôi lục ra đây mấy bài thơ tôi nhớ được của ông, một là để giới-thiệu cùng làng thơ một nhà thơ ẩn-dật, hai là để góp thêm chút ít tài liệu cho thi-xã Việt-nam, tưởng cũng không đến nỗi vô-ích vậy.

ĐỀ VÁCH MỘT CẢNH CHÙA

Kinh kinh, sách sách nghĩ mà rờm!
Tốn bấc, hao dầu, chỉ hại cơm.
Miệng đọc, tai nghe, lòng chẳng nghĩ,
Trông trên mắt Phật vẫn đương lườm.

NHẮN CÔ TIỂU NON

Sịch vừa trong cửa bước chân ra
Trông thấy người đâu đứng thướt-tha
Hỏi mới biết là cô tiểu trẻ,
Gửi về bạch với mụ sư già:

Tội gì vương lấy giây oan ấy,
Đã chắc vo tròn quả phúc a?
Thôi chớ ăn chay nằm mộng nữa!
Gì hơn« tu chợ » với « tu nhà » !

CẢNH GIÀ

Ấy ai hình thể rất hom hem.
Chân giả chắp vào chống đỡ thêm.
Gối mỏi, gân chùng, tai nghễnh-ngãng,
Răng long, tóc bạc, mắt kèm-nhèm,
Nói thời hổn-hển, ăn thời nghẹn,
Đi cũng lừ-thừ đứng cũng rên.
Trông thấy cảnh già mà chán chuyện
Già không đới tật cũng là tiên.

* * *

Già không đới tật cũng là tiên,
Phải biết tu từ lúc thiếu - niên.
Nuôi khí, tiết tinh bồi đại địa,
Tu tâm luyện tính bổ tiên thiên.
Trẻ phòng sinh đẻ, già phòng chết,
Ăn được điều hòa, ngủ được yên.
Già chẳng chót đời, thiên-hạ khối,
Cái gương tầy liếp vẫn treo bên.

CẢNH BỊNH

Ấy ai lăn lóc ở giường đây?
Thân-thể hình-thù thảm - hại thay!
Da nổi cam sành, sùi mặt mũi,
Bụng to trống cái, ngẳng chân tay.
Lở lang đâu thấy không xa lánh,
Ho hắng ai gần chẳng sợ lây?
Tật-ách nhân-gian nào xiết kể,
Rặt là quả báo với cơ - đầy,

* * *

Rặt là quả báo với cơ đầy,
Tội hết đâu mà đã khỏi ngay?
Cốc-cốc cheng-cheng bêu tiếng Thánh!
Thang-thang thuốc-thuốc uổng công Thầy.
Hại tiền hại của tìm phương gỡ,
Chạy ngược chạy xuôi đủ cách xoay.
Mà chết vẫn hoàn là chịu chết,
Rút vào cái Mệnh hết khoe hay!

CẢNH CHẾT

Ấy ai ai sùi sụt khóc bên kia
Hẳn chỉ khóc vì nỗi biệt - ly.

Kiếp ở phù-sinh sao ngắn ngủi?
Ngày về âm-phủ mới dài ghê.
Trên mồ cỏ cấy chưa vàng úa
Trong vạc dầu sôi đã trói ghì.
Xác sướng bao nhiêu hồn khổ bấy,
Ai tường nông - nỗi dưới âm-ty?

* * *

Ai tường nông nỗi dưới âm-ty?
Cha mẹ khổ con có sướng gì?
Khách chén trên nhà cười vỡ đỗ,
Người ngồi trong ngục khóc như di.
Đã hoài xôi thịt hơng cùng bái,
Lại uổng công lao phục với quỳ.
Dỗ lớn, ma to vì nợ miệng,
Mấy người đã biết hiếu là chi ?

DÀY NHỨT MẶT ĐÀN ÔNG

Mười hai bà mụ vụng về thay.
Nặn mặt đàn ông cũng quá tay,
Dao kéo cắt luôn nào thấy khuyết
Râu ria cạo mãi vẫn còn đầy

Trơ mà đến nỗi băm không lỗ,
Rắn quá như ai vạc (đẽo) vẫn dày
Nếu để tự nhiên thây kệ nó,
Dễ thường mọc lấp mất mồm ngay

MỎNG NHỨT MẶT ĐÀN BÀ

Mặt các cô sao vẫn mỏng quèn ?
Hay là bà mụ nặn không nên
Tốn bao son phấn tô vào mãi
Chẳng thấy xương da mọc nữa lên.
Trẻ vẫn da công bôi với trát,
Già còn đái lật lóm và đen !
Từ nay có muốn thêm dầy dặn ;
Đừng rửa, đừng chùi, cứ để nguyên.

Có một độ, ông Đồ-Liên làm thơ đăng lên báo Công-Luận Sàigon nhưng tiền nhuận bút về thơ thường chẳng được bao nhiêu. Lấy làm bất - mãn, ông không giúp việc báo nữa và có làm một bài thơ đầu đề là « *Bị vợ mắng* » viết lên chiếc quạt giấy như vầy để tỏ ý bất-bình :

Thơ ông tôi biết tỏng ra rồi,
Đọc nữa làm chi tổ điếc tai ?

Nửa chữ nửa nôm lòe vợ dốt,
Vừa ngâm vừa vịnh nựng con cười.
Đổi thơ lấy rượu sao không đổi?
Mài chữ mà ăn được chẳng mài?
Làm báo không làm ăn báo mãi!
Lấy gì cho đủ gái này xài?

Đọc bài thơ này và mấy bài thơ trên, người ta thấy giọng trào-phúng của ông sâu xa và thấm-thía chẳng kém gì dọng trào-phúng của Tú-Xương. Và người ta muốn liệt ông vào chung một thi-phái với thi-hào sông Vị.

XIX

Tôi được nghe người ta kể chuyện lại rằng :

— Ở vùng ngoại-ô thành Hanoi, có một người thuở hàn-vi làm nghề hót « phân hối » và vớt những bọt bẩn đọng lại ngọn sông Tô-Lịch (chỗ thuộc làng Hương-chí Đống-Mác) đem bán cho người ta bón ruộng, làm kế sinh-nhai.

Nhờ về sự bán phân bón đó, người ấy sau trở nên một ông nhà giàu nhà hai từng, ruộng chục mẫu.

Đã giàu lại muốn sang, liền nhân dịp khuyết, vung tiền ra vận-động chân phó tổng (adjoint au Chef de Canton.)

Khi làm tiệc rượu đãi thân bằng và dân tổng, trong số hằng trăm đôi liễn mừng, có một đôi viết như vầy :

Thăng-long thành ngoại hoa hương phức,
Tô-lịch giang đầu ý-vị thâm.

Chủ-nhân cho là hay nhất. Vì nó tả được hết cái vị-chí nhà mình : ở ngoại-ô Hanoi (Thăng long thành ngoại) và ở ngọn sông Tô-lịch (Tô-lịch giang đầu).

Nhưng sau ông hằm-hằm mặt giận đem đốt đôi liễn ấy đi. Vì có người giải cái nghĩa « uyên-thâm » của hai câu đó cho ông nghe.

Những chữ « hoa hương phức » nghĩa là « mùi hoa thơm phương phức » và « ý vị thâm » nghĩa là « mùi vị sâu » người ta bảo chính là những chữ khêu-gợi ý nghĩ mọi người về cái nghề chủ-nhân làm thuở hàn-vi và chính như chửi mát chủ-nhân vậy.

Cho hay văn chương có lắm nghĩa bất ngờ muốn hiểu ra thế nào cũng được !

Thanh đấy mà tục đấy. Khen đấy mà chê cũng đấy.

XX

Có người hỏi :

— Vẽ gì dễ nhất ?

Hàn-Phi-Tử trả lời.

— Vẽ ma quỷ dễ nhất.

Tôi cho câu trả lời ấy chí lý lắm. Vì ma quỷ không ai trông thấy bao giờ. Vẽ ma quỷ thì dầu có vẽ một mắt nằm ngang trên trán hai tai ở mãi trên đỉnh đầu hay rủ mãi chấm vai, tay có bốn ngón, hay sáu ngón mũi mọc ở dưới miệng v. v. người vẽ cũng có thể cãi rằng mình vẽ đúng.

Ông Lê-tràngKiều phê - bình thơ Thế-Lữ :

— Tôi thấy thơ Thế-Lữ như phảng phất toàn một vẻ bồng - lai. Nhà thi sĩ quả như người xưa đã nói là người có tiên cốt... Bồng lai đối với Thế-Lữ chính là cái « quê hương thực » nơi đi về của hồn nhà thi-sĩ. Cho nên khi nói đến cái quê-hương của mình, giọng

văn của Thế-Lữ thấy dễ dàng tự nhiên và kín đáo một cách lạ. Chính cái đặc-sắc của quyển « Mấy vần thơ » là ở những bài có ít nhiều vẻ « tiên ».

Rồi nhà phê-bình họ Lê chép hết cả bài « Vẻ đẹp thoảng qua » cho là bài thơ hoàn toàn nhứt trong tập « Mấy vần thơ ».

Tôi thì tôi muốn bảo :

— Làm thơ tả cảnh tiên dễ nhất cũng như vẽ ma quỷ vậy. Vì ông Tràng-Kiều cũng như tôi và hết thảy mọi người, chúng ta chưa được tới cõi « tiên » bao giờ, để biết mà phê cho thơ Thế-Lữ chữ « sao » hay là « không đúng sự thực ».

Hôm qua đi hái mấy vần thơ,
Ở mãi vườn tiên gần Lạc-Hồ
Cảnh tĩnh trong hoa chim mách lẻo,
Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.

Nước mát hơi thu thắm sắc trời
Trời xanh xanh ngắt đượm hồng phai.
Ái ân bờ cỏ ôm chân trúc
Sau trúc, ô kìa ! xiêm áo ai

Rẽ lá thi-nhân bước lại bên
Mấy vòng sóng gợn, mặt hồ yên

Nhởn nhơ vùng vẫy ba cô tắm
Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc xen.

Hồ trong như ngọc tấm thân ngà
Lồ lộ da tiên thô sắc hoa
Mỉm miệng ánh đào tan tác rụng
Tóc buông vờn mặt nước say sưa

Say sưa người khách lạ Bồng-lai
Giận lũ chim kia khúc-khích hoài.
Van khẽ gió đừng vi vút nữa
Nhưng mà chim gió có nghe ai ?

Lời oanh trên liễu yến bên hồng
Hạc ở trong không, phụng dưới tùng
Bỗng chốc cùng nhau cao tiếng họa
Đờn tiên dộn dã khắp tiên cung...

.

Hoa lá cùng bay, bướm lượn qua
Người tiên biến mất, khách trông ra :
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận
Một áng hương đưa, khói tỏa mờ,

Chúng ta thử tìm hiểu bài thơ tả cảnh tiên này mà Tràng-Kiều cho là hoàn-toàn nhứt trong « Mấy vần thơ » của Thế-Lữ. Giá bài thơ

này không tả cảnh « tiên » thì ta có thể bẻ được thi-sĩ nhiều chỗ lắm, cũng như ta có thể bắt bẻ nhà họa - sĩ kia, nếu họa - sĩ không viết ở dưới bức họa mấy chữ : « Đây là hình-dung con Ma Lem » chẳng hạn. Đành rằng cảnh « vườn tiên gần Lạc - Hồ » chúng ta không biết nó như thế nào, nhưng thơ của Thế - Lữ thì lúng - túng một cách lạ, nếu không phải là thơ tả cảnh tiên.

Ta hãy nghe đây :

Cảnh tĩnh, trong hoa chim mách. - lẻo,
Có chim mách lẻo trong hoa, thì cảnh

không thể gọi là *tĩnh* được ! Do mấy câu :

Cảnh tĩnh trong hoa chim mách - lẻo
Gió đào mơn-trớn, liễu buông tơ

Ta nhận thấy rằng bấy giờ là mùa Xuân, và mấy câu :

Mỉm mieng ánh đào tan tác rụng

Cũng chứng rằng bấy giờ là về mùa Xuân. Nhưng chưa phải thế. Vì thi - sĩ nói :

Nước mát hơi thu thắm sắc trời

Thì bấy giờ lại là mùa Thu. Nếu *hoa quỳnh* là một thứ hoa có họ với hoa quỳ,

hoa sen, thì bấy giờ lại là mùa hạ, chớ không phải là mùa Thu :

Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc sen.

Nhưng câu thơ này :

Lời oanh trên liễu yến bên hồng.

Lại nói rõ rằng bấy giờ là mùa xuân. Ta hãy mặc cái « mùa » cùng thi-sĩ. Ta hãy nghe thi-sĩ nói về gió và hồ.

Van khê gió đừng vi vút nữa,
Nhưng mà chim gió có nghe ai ?

. . . . . .

Hoa lá cùng bay ; bướm lượn qua.
Người liên đâu mất, khách trông ra :
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận.
Một áng hương đưa khói tỏa mờ.

Gió thổi bay hoa, lá, bay cả bướm, mặc gió, mặt hồ *nước vẫn phẳng nghiêm như giận !*

Đấy là hồ tiên nên khác hồ thường cũng như mùa tiên khác mùa trần, vừa là xuân, vừa là thu, và có lẽ vừa là mùa hạ...

Ta đừng lấy làm lạ ! Vẽ ma quỷ dễ thế nào thì làm thơ tả cảnh tiên cũng dễ như thế !

XXI

HƠN 20 năm trước đây, Án-sát tỉnh Kiến-an là ông L. N. T. xuất-thân là một ông Tiến-sĩ, thơ nôm hay vào bậc thời bấy giờ.

Nhưng tính ngài nóng nảy như một vị quan võ.

Trên bàn giấy ngài, lúc nào cũng có để một con xấu đá. Con xấu này có người tặng ngài làm cái chặn giấy, nhưng ngài thường dùng nó vào việc khác hơn.

Khi hỏi kiện, quan Án thường cầm con xấu đá đập chan-chát xuống bàn để thị oai, và lột lấy sự thật trong óc kẻ bị-cáo.

Không những thế, quan Án lại trợn tròn xoe cặp mắt, đăm đăm nhìn vào mặt bị-cáo, khiến cho kẻ non gan phải run lên. Miệng quan Án thì ư-ử, mắng nhiếc người ta đủ lời. Có khi nóng nảy, ngài tạt tai người ta, như thầy đồ đánh học-trò.

Ngài vốn là một ông quan rất minh-chính và thanh-liêm, xử kiện công-minh rất mực, không bao giờ để mờ lương-tâm và công lý.

Song dân-gian thường chẳng bằng lòng ngài, vì cái cách xét hỏi của ngài làm cho người ta mất vía.

Một buổi sáng kia, lính canh thấy một tờ giấy chữ gián ở cổng dinh, liền bóc vào trình quan Án.

Thì ra đó là một bài thơ tám câu :

Án sát gì. . . . . .

Miệng thì ư ử, mắt thì dương.
Tạt tai tổng-lý sao không nghĩ ?
Xích-tử Triều-đình dạ chẳng thương.
Hỏi kiện lờ mờ dương mắt ếch,
Án từ phê chữ dáng đuôi lươn.
Nào là tổng-lý ta đâu tá ?
Xỏ khố khênh ra trả Sứ-đường.

Biết là mình bị sĩ-phu làm thơ chế-diễu, quan Án rất lấy làm căm. Nhưng khác hẳn với lúc xử kiện, ngài chẳng tỏ vẻ gì nóng nảy, cứ kín đáo, bình-tĩnh như thường. Ngài sai lấy một tờ giấy giống hệt tờ giấy kia, viết luôn tám câu thơ họa lại bài nguyên xướng :

Án sát Kiến-An . . . . . .

Gặp tuần hoa nở, cánh hồng dương
Đù cha Tổng-lý, sao không nghĩ ?
Xích tử Triều-đình dạ vẫn thương.
Trộm cướp bỏ tù, dương mắt ếch,
Gian ngoan đòn đánh tuốt da lươn.

Nếu còn « cò trắng quay đầu lại ».
Có bữa căng thây giữa sảnh đường.

Linh hầu theo lệnh đem dán luôn cả hai bài thơ xướng-họa ở hai bên cột cổng tòa Án.

Khách qua đường dừng chân, dân phố kéo lại, người xem thơ đông như xem hội.

Mọi người đều phục tài-bộ và cử-chỉ quan Án.

Từ đó trở đi, dân-gian không ai còn dám tỏ ý khinh-mạn ngài.

XXII

NGƯỜI ta tưởng và tin rằng những nhà làm thơ lối mới như Thao-Thao, Thế-Lữ, Huy-Thông...không thể làm được thơ luật Đường.

Họ không thuộc niêm luật thơ Đường hoặc không quen làm bạn với những niêm-luật khắt-khe ấy.

Cũng có lẽ.

Nhưng riêng về Thao-Thao, thi tôi biết là một thi-sĩ làm được thơ Đường.

Vì một sự tình-cờ tôi đã được đọc một bài thơ « thất ngôn bát cú » của Thao-

Thao, đề dưới một bức tranh in trong một cuốn sách giáo-khoa cũ :

Bên rẫy chuối già tha - thướt bóng,
Tôi ngồi tắm gội ánh trăng trong.
Phao bèo hỏi sóng linh đinh nổi,
Cần trúc nhìn ao vắt vẻo cong.
Cá chửa cắn câu vơ vẩn dạ,
Riều lên tiếng sáo lửng chừng không,
Lòng vui nệm cỏ đang êm - ái,
Xịch động vội vàng nhấc thử trông.

Tuy hai chữ « tha thướt » dùng không trúng, và câu cuối cùng « xịch động (?) vội vàng nhấc (?) thử trông » còn tối nghĩa, song bài thơ này nếu sửa chữa đi một chút, cũng có thể thành một bài thơ hay.

Làm thơ cũ mà diễn - tả ý - tứ một cách mới mẻ được như Thao-Thao cũng là một sự hiếm có vậy.

XXIII

ÔNG Đoàn-tiến-Cầu tục gọi ông Cửu Năm ở xã Thượng-lâm, huyện Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông, vốn là một ông bạn của ông thân tôi.

Ông Đoàn có đi lính tình - nguyện sang Pháp hồi đại-chiến 1914-1918 về được hàm Chánh-Cửu-Phẩm Đội-trưởng. Nghĩa là ông xuất thân là một trang võ-biền.

Song ông hình như có duyên nợ với thơ...

Sau khi sang Pháp về, ông mở trường dạy học chữ Hán Tuy là bực phụ - chấp của tôi, song ông rất thân-mật với tôi. Ông có đưa tôi coi một tập thơ viết vào giấy bản nhan là « *Mãi Tiếu Thi thập thủ* » do ông làm ra bằng chữ Hán và tự diễn nôm, trong những khi ông nhàn-rỗi và có hứng. Như nhan-đề, tập thơ ấy có cả thảy 10 bài chữ Hán và 10 bài chữ nôm đối chiếu nhau.

Cứ tôi xem thì thơ ông cũng không lấy gì làm đặc-sắc cho lắm. Nhưng một nhà võ mà biết làm thơ thì tưởng cũng là một sự hiếm có. Và cách « mua cười » (mãi tiếu) bằng thơ văn đó, tưởng ta cũng nên soi gương mà bắt chước theo.

Tôi lục ra đây vài bài trong tập đó, để giới-thiệu với làng thơ, một nhân- vật sống sót của Hán-học và đang lăn-lộn chạy theo cái mới mà hình như không kịp.

Tiện-thể để ghi tên Đoàn tiến-Cầu một tên lính đã từng cầm súng, và hiện đang cầm bút lông-mèo, vào sổ tao-đàn Việt-nam.

MỤ MAI DONG BẢO NGƯỜI CON GÁI

Ngã hữu hà-năng thuyết nhĩ tường :
Thần y nhân hĩ, kiệt trung hương
Anh niên tảo phát hoè sâm thụ.
Độ nhật do lưu túc mãn sương,
Liên trầm ngu phu tu mỵ sắc;
Bảo khâm quân tử úy trung trường
Trường, trường, đoản đoản, hưu đàm luận
Thẳng hữu như hà thị ngã đương.

DIỄN NÔM :

Tôi chẳng khôn gì, bảo ả hay :
Thầy ta đứng-đắn ở làng này.
Tuổi tuy còn trẻ con từng lũ,
Nhà tiếng rằng nghèo thóc mấy cây.
Chánh-thất vũ-phu duyên trái nhỉ
Tiểu-tinh quân-tử phận là may
Thôi đừng quản-thiệt thì hơn nữa
Hễ có điều gì đã lão đây.

KHUYÊN BẠN...

Nhân dục vô nhai khả tiếu nhi
Cổ kim thê tử khỉ dư vi ?
Sự phiền hồi tưởng nhưng thiêm thủ.
Thừa hứng độc kham bất dữ thùy.
Thiện thuyết khai thần ngôn vị liễu,
Trung ngôn nghịch nhĩ thính do trì.
Tương lân đồng bệnh nhi đồng hứng,
Thủ thất thủ tam tác kiện nhi.

DIỄN NÔM :

Nực cười nhân-dục ấy vô nhai.
Vợ lắm con nhiều, mới cưới hai.
Bận việc lấy liền thêm mấy đứa,
Cơn nhàn giữ cả chẳng phần ai.
Lắm khi dẫu phải đành câm miệng
Nhiều lúc điều lành hóa điếc tai.
Cùng bệnh cùng thương thời mới phải
Lấy ba lấy bảy mới là trai !

Trước khi đáp tầu sang Pháp, ông có làm mấy bài thơ sau này :

GIÃ VỢ ĐI TÂY

Gọi tiểu - quân ra dặn đó mà !
Biển Tây, một phút vượt tầu xa.
Anh em nghĩa nặng, yêu vì nước,
Chồng vợ tình riêng, gác để nhà.

Vó ký những mong chân cứng đá,
Tăm kình nỡ để quấy lầm sa !
Sụt sùi xin tạm ngừng hàng lệ,
Phỉ chi nam nhi, thế mới là

* * *

Gọi tiểu-quân ra dặn đó mà !
Nghe lời ta dặn, nhớ cho ta.
Nước non tuy cách, tình không cách,
Trời đất dầu xa, nghĩa chẳng xa.
Hiếu-thuận ấy là câu xử kỷ,
Tắc công phải giữ chữ tề-gia.
Để ta vượt biển sang phù Pháp,
Phỉ-chí nam-nhi mới gọi là !

HAY LỜI VỢ ĐÁP

Xin chúc bình-an mấy chữ này !
Tặng chàng nhẹ bước, trẩy sang Tây.
Ruổi dong vó ký đường hòe chạy ;
Phất phới màu cờ dặm liễu bay.
Ái quốc, trung quân chàng nhận lấy,
Cung thân, khóa tử, thiếp xin thay.
Dẹp yên giặc Đức về Nam-Việt,
Rồi chuyện hàn-huyên sẽ giãi bày !

* * *

Con nhà thơ, đi đến đâu cũng làm thơ, dù trong khi tòng-quân nơi đất lạ :

PHONG CẢNH NÚI VOSGES

Liếc mắt non sông lạ một màu
Lạnh lùng cảnh sắc dục cơn sầu.
Rừng thông tuyết trắng phơi phơi xuống,
Trại liễu cờ hồng chút vút câu.
Nuốt tuyết dám bi quan Hàn-sứ !?
Nằm sương đâu vội đấng Lê-hầu !?
Lòng trời như hậu cho ta nhỉ
Quanh quẩn làm chi cõi Áo-Âu ?

. . .

PHONG CẢNH THỔ-NHĨ-KỲ

Phong cảnh châu Kỳ lạ đó mà !
Càng nhìn đường đất lại càng xa.
Líu lo tiếng nói : chim truyền giọng
Văn vẻ màu thêu : thú vẽ da.
Nếu có phong quang nhưng đất ngoại,
Lấy đâu lịch - sự sánh trung-hoa.
Thôi thì quen lạ, bàn chi nhỉ,
Mong chóng ta về tới nước ta !

. . .

VỊNH TRẬN KỶ-NIỆM 1904 BẰNG ĐỒNG Ở THÀNH LA-MÃ

(Có một ông tướng cầm loa với một người cầm cờ).

Binh-mã quân nào đứng mãi đây?
Lần thâu hết tháng lại sang ngày!
Loa cầm còn nhịn hơi, chưa thổi:
Cờ phất nhưng chờ gió, chẳng bay.
Mưa nắng không phai hình sắc rám.
Tuyết sương trải nhuộm tóc râu gầy,
Gan vàng dạ sắt lay không chuyển,
Lưu để ngàn thu, một trận này.

. . .

VỊNH SALONIQUE

(Một thành phố lớn nước Hy-lạp, chỗ đóng quân Đồng-minh phương Đông hồi Đại-chiến)

Lạ thay Sa-lô-ni!
Lạ thay Sa-lô-ni!
Châu là châu Á, (?) nước gọi nước Hy!
Biển rộng mông-mênh, sóng rộn nghê kình nhộn nhịp,
Núi cao chơm chởm, tiếng vang hổ báo gầm ghì.

Thuyền trung châu vận tải quân nhu, chẳng khác lá tre chi rụng.

Súng đại-bác sửa-sang chiến-khí rỗ-ràng sạn trúc chi uy

Mặt nước tuần phòng ; cá lội vi veo thủy đĩnh

Lưng trời khám-sát : bướm bay phấp phới cơ-phi.

Nào đồng-minh kéo đến ầm ầm, cờ bay đỏ khẻ

Những thuộc-địa trẩy qua lườn lượt, quân kéo đen si

Nhà chồng-riêm quay lá chạy quanh, trông chừng lịch sự

Cửa lát kính màn hoa bốn mặt, nghĩ cũng thanh kỳ

Đèn khí sáng choang, thoạt tưởng thiên tinh lạc hạ

Xe hơi chạy tít, ngỡ chừng phong-bá ra đi

Phong cảnh trang-hoàng, thói giữ tang gian bộc thượng

Nhân tình tân khổ, ngâm câu phùng thử cách ly

Tiếng nói năng lo liu, liu lo nghe chăng chẳng hiểu

Đường cư xử lăng nhăng lít nhít hỏi chẳng biết chi

Bỏ cả cương - luân chán thực những loài hồ lỗ!
Không còn đạo-lý trách chi loài giống man ri!
Trai chơi bời lắm cách tà tâm rở nghề lá trái
Gái ăn mặc ưa màu gián sắc : khoác những lông gì!
Vịnh chơi một khúc, để lại làm ghi!

XXIV

BẠN tôi ông Tử-Siêu Nguyễn-trọng-Thoát tác-giả nhiều cuốn tiểu-thuyết lịch-sử có giá-trị như Đinh-Bộ-Lĩnh, Hai-Bà, Bố-Cái Đại-vương, Tiếng sấm đêm đông...có tài làm thơ, nhưng không thích làm thơ bằng làm văn.

Khi ngồi Hương-Sư ở quê nhà (làng Hương-Ngãi, huyện Thạch-Thất, Sơn-Tây) một hôm uống rượu cưới tại một nhà trong làng. Trong tiệc rượu đám cưới đó, có cả ông sư ở chùa làng. Lúc rượu ngà-ngà say, cao hứng, ông Tử-Siêu khẩu - chiếm mấy câu lục-bát tức-cảnh, nghe thật tự-nhiên và thú-vị :

Tiệc vui sao lại có sư?
Ấy sư gõ mõ hay sư gõ đầu?

Cùng là sư cả như nhau,
Ngẫm ra chỉ khác cái đầu còn nguyên.

Sư gõ đầu tức là ông Hương-sư. « *Cái đầu còn nguyên* » mấy chữ ấy ngụ ý trào-phúng mới sâu-xa làm sao ?

XXV

ÔNG Phan-Khôi nói :

— Tất nhiên là người có thiên-tài, lại phải có học vấn, có luyện-tập chầy ngày rồi mới nên được một tay thi-nhân.

Tôi đồng-ý với ông Phan. Người ta thường thấy lắm người có học-vấn, có luyện-tập mà không làm được thơ hay, là vì thiếu cái thiên-tài, thiếu cái « tâm hồn thi sĩ ».

Cũng có người có tâm hồn thi-sĩ, có học-vấn hẳn hoi mà không làm được thơ hay, là vì thiếu sự luyện-tập. Cái « ca » này rất đáng tiếc ! Vì có « thiên-tài » thì khó, chớ luyện-tập cho có nghệ-thuật làm thơ, thì có khó gì !

Cho nên tôi rất tiếc cho ông Nguyễn-Vỹ Ông Nguyễn-Vỹ không làm được thơ hay chính là ông không chịu để tâm học lấy nghệ-thuật làm thơ !

Ông Tự-Tri ở V. H. T. C. 1935 đã phê bình ông nguyễn-Vỹ :

« Ở ông nguyễn-Vỹ thực có một tâm hồn thi-sĩ. »

Tôi cũng nhận thấy thế. Tôi cũng nhận rằng ông Nguyễn-Vỹ có một tâm-hồn thi-sĩ và chỉ có thế thôi. Ông Nguyễn-Vỹ không thể là một thi-sĩ được mặc dầu theo André Chénier, thì « nghệ thuật » chỉ làm nên những câu thơ, tâm-hồn mới làm nên thi-sĩ ».

Lời nói của thi - hào Pháp là để tặng những thi gia chỉ chăm-chăm chải - chuốt lời thơ cho đẹp, cho thanh mà không để ý đến th -tứ. Chớ không có nghệ-thuật thi-gia, chỉ có tâm-hồn thi-sĩ thôi, thì không bao giờ là thi - sĩ được.

Ta cứ đọc thơ của tác-giả «Tập thơ đầu » tự-khắc thấy ngay cái tâm - hồn thi-sĩ ẩn-hiện ra lờ mờ phảng-phất, còn thi-nghệ thì thật là trống-trơn ;

Hỡi những cặp mắt đẹp ! Ta, khách qua đường lạ.
Thoạt thấy các ngươi như những hạt châu.
— Chẳng hay, trong ẩn nấp bao nhiêu sự nhiệm mầu ?
(Những đêm trằn trọc VII)

... Ngờ đâu ! đài-miếu năm xưa nay còn là
cái tháp bỏ
Dần dần những khi gió hạ, mưa xuân,
chiều thu dịu dàng,
Hoặc những khi cùng nhau hai ta ngồi im
trên bãi bể
Ta cùng nghe một tiếng đồ, tan trong cái
rỗng không-gian :
Một chút đền-đài tự - nhiên rời-rạc bể
Thôi vậy ! Thì bỏ mặc đấy, cho nắng dọi,
cho mưa giầm
Cho bao nhiêu cái mộng vẩn vơ nằm yên
dưới nền cỏ
Rồi cánh đồng dĩ-vãng lui dần trong bóng
tối âm-thầm
Thỉnh-thoảng ta hãy thắp cây hương hắt-
hiu trong tháp cổ...
(Đền đổ)

... Họ đói ! Họ khổ ! Họ đau ! Con họ ốm !
Nhà họ nghèo.
Bởi người phàm không an ủy được những
nỗi họ kêu reo.
Họ phải dâng một đĩa hoa, vài nén hương,
một cập nến
Khẩn cầu đức thánh Quan-Công may ngài
soi xét đến...
(Đức Thánh Đồng-đen)

. . . . . .

... Hỡi Trâm ! đêm nay ta nhớ Trâm lòng ta
thật bùi ngùi...
Chiếc giường đôi ta cùng nằm trò chuyện
mấy canh thâu.
Còn kia... nhưng hình-ảnh của Trâm đã
dần-dần xóa mất.
Mà dưới cỏ phủ mồ Trâm, còn gì ?... Hay
xương với đất !

(ĐỖ-THÚC-TRÂM)

Những câu thơ trên đây đọc cũng e khó đọc, chớ đừng nói đến ngâm !

Cho biết rằng một mình tâm-hồn chưa làm nên thi-sĩ. Ông Phan-Khôi nói :

— « Thơ hay không cốt ở lời mà thôi, cốt ở ý nữa ! »

Ở đây, tôi muốn nói :

— Thơ hay không cốt ở ý mà thôi, cốt ở lời nữa !

XXVI

NĂM ấy, năm 1932 thì phải, nhân đặt tiệc tiễn hành quan Tuần-Vũ thăng nhậm đi tỉnh khác, các ông Thừa-Phái tỉnh Kiến-An, có hội-họp nhau lại ăn uống chuyện

trò vui vẻ vô cùng.

Khi quan Tuần-Vũ đứng dậy về, các ông Thừa vẫn chưa tan tiệc.

Các ông nói chuyện rất lý-thú.

Có một ông Tú-Tài cổ, trong khi say rượu có thách các bạn đồng sự làm hai câu thơ nôm vịnh bốn chữ « gia phạn thê luân. »

Gia-phạn là cơm của nhà : Thê luân là.... của vợ. Nói « gia-phạn thê-luân » là nói cái gì của nhà mình thì mình hay chán.

Một ông đọc liền :

Dẻo thơm hai bữa nhờ ơn nước.

Một ông khác đọc tiếp theo :

« Giầy mỏng năm canh sẵn của nhà ».

Mọi người vỗ tay khen hay.

Ông Tú-tài nọ chữa chữ « của » ra chữ « nếp ».

Dẻo thơm hai bữa nhờ ơn nước,
Giầy mỏng năm canh sẵn nếp nhà,

Nói dẻo thơm tức là nói hạt cơm. Hai bữa là hai bữa cơm. Năm canh là suốt đêm. Nếp là cái lề thói đây là cái nếp dăn, cái « pli » theo tiếng Pháp.

Thật là thanh mà thô ! Thô mà thanh ! Và thật đã vịnh được sát nghĩa bốn chữ « Gia phạn thê luân » vậy.

XXVII

Cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ Nguyễn-Khuyến và ông Tú-tài Trần-kế-Xương đều là những thi-hào cận đại nước ta.

Cụ Nguyễn-Khuyến thì đỗ Tam-Nguyên làm nên quan lớn. Ông Trần-kế-Xương thì đỗ Tú-tài chẳng làm nên quan chức chi.

Thân-thế hai thi-hào thì có thể cân nhắc được, nhưng thi-nghệ của hai nhà ấy thì khó mà phân được kém, hơn!

Mỗi nhà hay mỗi vẻ. Mỗi nhà có một tài-nghệ riêng.

Tôi lục ra đây hai bài thơ cùng một đầu-đề do hai nhà thơ trên làm ra, để làng thơ ta thử cân-nhắc.

GÁI Ế CHỒNG

Bực gì bằng gái chực phòng không,
Tơ tưởng ai cho một tấm chồng.
Trên gác rồng mây ngao-ngán nhẽ,
Bên trời cá nước ngẩn ngơ trông.
Mua vui lắm lúc cười, cười gượng,
Bàn dại nhiều khi nói, nói ngông.

Mới biết có chồng như có cánh,
Giang-sơn gánh vác nhẹ bằng lông.

NGUYỄN-KHUYẾN

Em giận rằng em chửa có chồng,
Ngày năm bảy mối tôi nằm không,
Thiếu gì chỗ nọ xêu trầu, vỏ,
Mà lại nơi kia tết cốm, hồng.
Hầu-lố khách đà ba, bảy chú,
Mét-xì tây cũng bốn năm ông.
Ép dầu, ép mỡ, duyên ai ép?
Có mắn may ra đã bẽ-bồng!

TÚ-XƯƠNG

XXVIII

NHỮNG bài *vè* tức là thơ bình-dân, nhiều bài nghe cũng thú vị. Vì nhiều bài chính do những nhà đại-bút soạn ra, nhưng giấu tên đi, nên ta tưởng là xuất tự đám bình-dân. Như bài vè riễu cô gái con một vị quan lớn ở làng Mọc Quan-Nhân gần Hanoi chửa hoang, ta đọc dưới này, là do một vị khoa-bảng vì không được làm thông-gia với vị quan lớn ấy, đã soạn ra.

Duy-Tân niên hiệu thứ mười
Tháng 5 mồng 7 ra chơi tỉnh Hà
Lắng tai nghe đàn bà kháo chuyện :
Gái hồng nhan họ Nguyễn Quan-Nhân
Bạn sang chưa kết Tấn Tần
Liễu kia đã nảy tinh thần nét ngang
Người yểu điệu con quan dáng dấp
Sớm nầy nòi học tập gian-phong
Chị em ghi lấy làm lòng
15, 16 lấy chồng quách đi.
Kẻo miệng thế tiếng chi tiếng bấc
Chàng say mê một giấc còn ghi.
Ấy là chữ « hữu » bạc thì (?)
Không chồng hồ dễ giữ thì được chăng
Ấy mới biết sự tình là thế
Gái không chồng hồ dễ tranh khôn.
Bên tai nghe tiếng ồn-ồn
Thử ngồi mà hỏi dại khôn thế nào ?
Người giảng lại tiêu hao mọi nhẽ :
Làng Quan Nhân có kẻ hồng-nhan
Con quan Tuần-Phủ Tuyên Quang
Con người phong nhã trọng làng vẻ vang
Hôm nọ thấy tới sang nhà thuốc
Thăm bệnh tình có bớt được chăng ?
Quan Ba bắt mạch bảo rằng :
Bệnh này trong bụng có thằng tí-nhau !
Kể trước sau được đâu sáu tháng

Dầu thuốc hay nên phạm cùng chăng ?
Ngẫn ngơ nàng mới thưa rằng :
Lạy quan cho thuốc xin thằng bé ra
Quan mắng bảo : đàn bà thơ dại
Bảo phu-quân mày lại tao cho
Dẫu mà bệnh thế đừng lo
Dân làng nào có bắt bò làm chi ?
Sự này kể từng ly từng tí
Thôi con nhà vô qui kể chi !
Tai nghe bán tín bán nghi
Vậy làm một bản đề thì trình quan
Người đại - chức trong làng tiên - chỉ
Để con đi làm đĩ sao nên
Sự này phải bắt làm khuyên
Để cho kẻ khác thảo hiền từ đây
Chớ có để vạ lây người khác
Tiếng ong ve xào xạc về sau
Chớ rồi lại bắt chước nhau
Trốn đi nơi khác lâu lâu lại về
Mặc miệng thế cười chê chênh lệch
Bụng bé rồi lại miệng khoe khoang
Có hay thì ở trong làng
To rồi lại bé khoe khoang nỗi gì !

XXIX

THƠ nôm như thơ của Hồ - xuân - Hương, thì dầu trăm ngàn năm về sau, dẫu ở giữa phong-trào mới cũ chi chi nữa cũng không bao giờ mất được giá trị: Thật thế, như những câu:

. . . . . .

Ai về nhắn nhủ đàn em bé
Xấu mảu thì khem miếng đỉnh chung

. . . . . .

Một đèo, một đèo, lại một đèo,
Khen ai khéo tạc cảnh treo leo!

. . . . . .

Chiếc bách buồn về phận nổi nênh
Giữa giòng ngao ngán nỗi lênh-đênh

. . . . . .

Dê cỏn buồn sừng húc dậu thưa

v. v. . .

Thì bao giờ cũng rất hay rất mới và rất An-nam.

Còn thơ nôm bà huyện Thanh-quan thì khó được như vậy.

Vì sao?

— Vì thơ của bà Huyện là thơ của một bà lớn, chỉ để cho đức Vua và các ông

lớn, bà lớn ngâm và hiểu được thôi ! Thơ của bà Huyện chứa chan vẻ đài-các, thượng lưu, nghĩa là rất ít vẻ tự-nhiên, như lời Phạm-Quỳnh tiên-sinh đã nói. Thơ của bà Huyện cầu-kỳ, gò gập làm sao ! Thơ của bà Huyện trúng *niêm*, trúng *luật*, *đối chọi* chan chát, lời *chuốt đẹp*, ý *thanh tao* vô cùng, nhưng kém sự trong sáng, kém vẻ bình dân, kém vẻ tự-nhiên, và kém luôn cả tính cách quốc-gia nữa.

Như bài thơ dưới này chẳng hạn :

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng-hôn
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn
Gác mái ngư ông về Viễn-phố
Gõ sừng mục tử' lại cô - thôn
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn chương - đài, người lữ - thứ.
Lấy ai mà kể nỗi hàn-ôn

Những chữ nho : *hoàng hôn*, *ngư ông*, *viễn phố*, *mục tử'*, *cô thôn*, *chương đài lữ-thứ*, *hàn-ôn*, làm cho bài thơ trở nên thượng lưu, khách sáo, và tối nghĩa.

Những tiếng : *gác mái*, *gõ sừng*, tuy là tiếng Annam, nhưng ở đây cũng tối nghĩa khó hiểu làm sao !

XXX

THƠ sáo, là thơ thế nào ?

Thơ sáo là thơ bắt chước một cách ngu-dốt nô-lệ (imitation servile) thơ lắp lại câu hay chữ của một tác-giả trước mình, thơ không thành-thật, ý-tứ không có gì là đặc sắc, hoặc tả một cảnh không có ở nước mình, xứ mình.

Trong quyển « Những áng thơ hay » tôi nhận trong bài đầu sách là bài « *Chiều-Thu* » của *Thái-Can* có một câu thơ « sáo » hết chỗ nói :

Mỹ-nhân lững-thững thăm hoa rụng
Ta ngỡ Hằng-Nga náu Quảng-Hàn

Hai câu thơ trên nghĩa là :

Thấy người đẹp lững-thững thăm hoa rụng
Ta tưởng là (ngỡ) nàng Hằng-Nga ẩn-náu ở cung Quảng-Hàn.

Thái-Can cũng như chúng ta chẳng được biết mặt mũi Hằng-Nga, bao

giờ ! Cung Quảng-Hàn, người ta bảo là cung Trăng, nhưng ai đã thấy cung đó ra làm sao chưa ?

Thế mà Thái-Can nói : *ta ngỡ . .* tức là ta *tưởng là Hằng-Nga náu Quảng-Hàn.* Nói như Thái-Can thì hình như Thái-Can đã được biết qua nàng Hằng-Nga và cung Quảng-Hàn một đôi lần rồi, nên trông một người gái đẹp thăm hoa mới tưởng là Hằng-Nga ở Cung-Trăng ! Ý đã sáo mà văn lại sáo hơn ! Vì câu này dập theo câu thơ của Hồ-Xuân-Hương, chỉ đổi đi hai chữ : Trong bài « Vấn Nguyệt » H. X. Hương hỏi :

Hỡi chị Hằng-Nga náu Quảng-Hàn !

H. X. Hương viết thế không sao ! Vì nữ-thi-hào nghe thấy nói đến Hằng-Nga và Quảng-Hàn-cung nên mới thử hỏi xem sao !

XXXI

TÔI không bao giờ muốn phân biệt Thơ Cũ với Thơ Mới. Tôi cũng không muốn khen Thơ Cũ, chê Thơ Mới, hoặc ngược lại. Hay thì thơ nào cũng là thơ hay.

Nhưng tôi chắc chắn Thơ của các thi-gia trẻ tuổi ngày nay khó sống được lâu dài, vì khó nhớ. Khó nhớ là vì quá rậm lời, quá dài dòng, quá lãng-mạn.

Nhiều khi người ta không biết nó bắt đầu tự đâu và ngừng ở chỗ nào, một bài thơ dài lê thê, mà người ta gọi là thơ mới. Nó khó sống vì thế là một. Nó lại khó sống vì âm-điệu kém du-dương, câu đặt nhiều chữ quá, ý tưởng liên-miên lộn xộn vô cùng.

Ai thuộc lòng được bài « Tiếng sóng » của Huy-Thông hay bài « Đức Thánh Đồng Đen » của Nguyễn Vỹ, thì người ta phải bái phục sát đất. Có lẽ may lắm thì chỉ có tác-giả những bài thơ ấy là đọc thuộc lòng được thơ mình thôi.

Lại nhiều khi đọc xong một bài thơ người ta nghĩ đi, nghĩ lại mãi mà không hiểu thi-sĩ định nói gì.

Ba nguyên-nhân đó sẽ làm cho th ơ ự do ngày nay khó sống.

Thơ của các bậc tiền-bối thi không thế.

Người ta có thể tóm đại-ý bài thơ một cách dễ dàng, và muốn nhớ cũngkhông khó. Thơ các cụ, dầu sao, cũng « thọ » hơn thơ của anh em thi sĩ trẻ tuổi bây giờ. Giấu

đầu đề đi, bài thơ này của cụ Nguyễn-Khuyến nói gì tưởng không ai là không hiểu :

Chớ năm sinh bác lại sinh tôi.
Số bác sao mà khác số tôi !
Kể bực tài hoa tôi kém bác,
So bề khoa-bảng bác thua tôi :
Cuộc đời say tỉnh tôi cùng bác,
Cõi thọ nghênh ngang bác với tôi.
Lần thần xuân thu trăm mốt tuổi !
Nửa phần phần bác, nửa phần tôi !

Xem thơ ta biết ngay thi-hào làm thơ tặng một ông bạn đồng-canh (cùng tuổi) làm tiệc thọ năm 55 tuổi $\frac{(110)}{2}$

XXXII

TÔI tin rằng : « Văn là người ». . . . Như ông Nhượng - Tống, một thanh niên chí - sĩ khi viết thơ cho gái (mèo) mà vẫn để thò cái chí-khí của mình ra. Ba bài thơ ông viết gửi cho gái tôi đã lục trên kia rồi.

Nay đọc bài « *Đêm buồn* » người ta lại vẫn thấy rõ con người chí khí ấy.

Chợt thức đêm khuya, mở cửa nhìn.
Thềm khuya vắng vặc bóng trăng in.
Vắng tanh hàng phố năm canh mộng.
Xanh ngắt buồng văn một ngọn đèn.
Sốt ruột hồi chuông người tỉnh trước
Bực mình tiếng ngáy khách nằm bên.
Nghe gà toan tuốt thanh gươm dậy.
Tức nỗi nghề tay múa chửa quen.

XXXIII

THƠ không những chỉ dành cho sự ngâm-vịnh khi tửu-hậu trà-dư mà thôi. Thơ, lại có thể giúp ích cho quốc-sử nữa.

Quốc-sử, là sử của toàn-thể một dân-tộc.

Một bộ kinh-Thi là một tàng-cổ viện của dân-tộc Trung-hoa. Xem đó, người ta có thể biết qua những tư-tưởng, những phong-tục, những nguyện-vọng, cách sinh hoạt vật chất và tinh thần của dân Tàu thời trước.

Còn như ở nước ta thì ai dám bảo những

câu ca-dao, phong-dao, đồng-dao, những câu hát phổ-thông của dân, như những câu này chẳng hạn :

Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.
— Nàng về nuôi cái cùng con
Để anh trẩy thú nước non Cao-bằng.

. . . . . .

Ru em, em ngủ cho lành
Mẹ còn gánh nước rửa bành ông-voi.
Muốn coi lên núi mà coi
Thấy bà Quan tướng cưỡi voi bành vàng.

. . . . . .

Thương chồng nên phải ra đi
Nào ai xương sắt da chì đâu đây !
không liên-lạc mật-thiết đến quốc-sử ?

Đừng ai nghiêm-khắc bảo rằng những câu như thế không phải là thơ. Đó mới thật là thơ Annam. Ông Phan-Khôi cũng quả quyết như vậy. Gọi là « ca » chẳng qua chỉ một cách để đánh dấu thơ ta khỏi lẫn với thơ lối Tàu mà thôi !

Bài thơ nầy của cụ Đồ-Chiểu tức Nguyễn-đình-Chiểu, tác-giả cuốn « Lục-vân-Tiên » viếng cụ Phan-thanh-Giảng, cũng là một tài liệu cho nhà chép sử :

Quan Phan tiết-nghĩa sánh cao dầy
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may !
Hết dạ giúp vua trời đất biết,
Nát lòng vì nước quỉ thần hay.
Tuyệt lương một tháng rau xanh mặt,
Bị trách ba phen lửa đỏ mày.
Chỉn sợ sử'-thần biên chẳng ráo,
Tấm lòng ấm ức phải thày lay !

Chính cụ Đồ e rằng « Sử thần biên chẳng hết « ráo » các tình-tiết éo le cắc cớ của cụ Phan, nên phải có bài thơ viếng này, hòng rọi một tia sáng cho sử sách vậy.

XXXIV

Ở vùng tỉnh Thái bình (Bắc - kỳ), có truyền-tụng một đôi câu đối nghe rất thú vị. Câu đối là câu đối mừng một người lính đi Tây hồi đại - chiến 1914-1918 về được sắc làm khao. Thú vị là vì câu đối chữ Hán mà đọc lên như đánh vần chữ quốc-ngữ vậy :

Tiếp liệp hoan-hoàn tê ư tư sắc tứ
Binh bình thoái thoại hát ô hô huyền hồ

nghĩa là :

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

Tiếp được tin thắng trận vui vẻ ở Tây
về nay được vua ban sắc
Việc binh đã yên lui về nói chuyện, hát
than ôi treo cái cung.

Có người bảo câu đối này do cụ thượng Bùi-bằng-Đoàn hồi ấy còn làm tri-phủ ở Thái-bình làm. Không biết có đúng ?

XXXV

CÁC nhà thơ mới nước ta vẫn yên tri rằng thơ làm theo kiểu mẫu thơ Pháp là mới mẻ tân kỳ lắm.

Thật ra, không kể thơ của một đôi nhà thơ có tài, còn thì hầu hết thơ mới của ta chỉ mới ở những vần liền (rimes plates) vần cách (rimes croisées) và ở những gián đoạn (enjambements) nhiều khi hạ đến là vụng về.

Với những vần buông lối mới, câu đặt kiểu mới, họ cho thế là thơ mới thế là thơ hay.

Họ không hề nghĩ rằng trước họ đã lâu, ở phương đông, người ta đã biết làm thơ mới như thế rồi.

Lý Thái-bạch đời Đường đã làm thơ vận liền, như kiểu thơ Tây :

Hải-khách đàm Doanh-châu
Yên-đào vi mang tín nan cầu
Việt-nhân ngữ Thiên-Mỗ
Vân-hà minh diệt hoặc khả đồ.

Dịch :

Khách nói chuyện Doanh-châu
Sóng biển mênh mang biết ở đâu
Người Việt nói Thiên-Mỗ
Mây dáng tỏ mờ hoặc thấy rõ

Và ở nước ta, cụ Nguyên-Du, trong truyện Thúy-Kiều, đã biết hạ những gián đoạn rất hay :

Rằng : « Như hẳn có thế thì
trăng hoa, song cũng thị phi biết điều...
. . . . . .
Tiểu thư vội thét : con hoa
khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn !

XXXVI

ÔNG Chương-Dân có chép trong mục « Thi-Thoại » báo S. H. số 7 bốn câu thơ của Tuy-an-Công, một thi-sĩ đồng-thời với Tuy-lý-Vương ở Huế. Bốn câu thơ tiễu-

xảo ấy thế này :

Mây xây núi túi chim tìm tổ,
Khách cách đường trường nốt cột lau.
Lỏng khỏng đào cao nàng phậu xấu,
Lơ-thơ liễu yếu chị đàu đau.

Bốn câu thơ cổ ấy thật tối nghĩa khó hiểu. Chương-Dân tiên-sinh biết vậy, nên phải giải nghĩa ra như vầy :

« Bốn câu này nghĩa là : Mây xây (xây như xây thành) làm cho núi túi đi nên chim phải tìm tổ. Khách vì cách đường trường về không được nên phải cột thuyền (nốt) gần khóm lau. Phậu là nàng hầu của các ông hoàng thuở xưa, xấu như cây đào cao lỏng-khỏng. Chị đàu vì đau ốm nên lơ thơ như cành liễu yếu ».

Bài thơ đã khó hiểu, mà đoạn giải nghĩa lại cũng không dễ hiểu gì !

Có phải *núi túi* là *núi tối* không ? *cây đào cao lỏng khỏng* là hình-ảnh sự *xấu* (laideur) phải không ? Các nàng hầu (phậu) của các ông hoàng thuở xưa toàn là đàn-bà *xấu* cả ư ? Chị *đàu* có phải là chị ả-đầu hay ả-đào (chanteuse) không ?

. . .

Núi túi = núi tối ; *nôt cột lau* = thuyền

buộc vào khóm lau : *Nàng phậu xấu* = người đàn bà gầy (phậu = phụ = là đàn-bà ; xấu = gầy còm cao ngỏng) ; *chị đàu đau* = chị ả-đầu đau ốm . . .

Nếu Chương-Dân tiên-sinh giải-nghĩa ít nhất được rõ ràng như vậy, thì còn nói gì.

XXXVII

TRONG phụ-trương văn - chương báo T. M. ra ngày 3 Mai 1940 dưới đầu đề *« Người ta đã hiểu nhầm Nguyễn-Du »*, ông C. S. bảo rằng người ta hiểu nhầm cụ Nguyễn-Du, trong khi đọc câu :

Trong như tiếng hạc bay qua,
Rục như nước suối mới sa nửa vời.

mà ông cho là của cụ Nguyễn-Du ra làm :

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Ta hãy nghe lời ông C. S. biện bạch :

«... Vì hai câu trên này là do cụ dịch ở hai câu thơ chữ Hán :

Thanh như hạc lệ phi thiên thượng,
Cấp tự lưu toàn tống tiểu khê.

Nghĩa là :

Trong như tiếng hạc bay trên trời.
Gấp như suối chảy vào lạch nhỏ.

« Nguyên văn của cụ Nguyễn-Du như thế vậy, vì đâu lại có chữ đục vô nghĩa kia ?

« Theo chỗ tôi thấy biết (vẫn lời ông C. S.) thì chữ *cấp* nghĩa là *gấp*. . .là *nhanh-chóng*, là *vội vã* hay là *rục-rã*. Trong nguyên-bản của cụ, cụ dùng chữ : *Rục như nước suối mới sa*. . .

Rồi chữ *rục* có chữ *r* biến thành chữ *dục* có chữ *d*. Và rồi lại do chữ *dục* này mà thành ra chữ *đục* . »

« Thực ra, phải dùng chữ *rục* hay chữ *gấp* thì mới đúng với nghĩa hai câu chữ Hán và mới phải là nguyên-văn của tác-giả »

* * *

Theo ông C S. thì phải đọc :

Rục như nước suối mới sa nửa vời.

mới đúng nguyên-văn của tác-giả.

Thực ra, ông Cuồng-Sĩ đã nói mơ-hồ và vu-khoát.

Dựa vào bằng chứng gì, mà ông nói dựng đứng lên rằng « vì hai câu trên này là do cụ dịch ở câu thơ chữ Hán » ?

Ông lại kết tội luôn các nhà xuất-bản đi in lầm *r* ra *d* rồi ra *đ* để đến nỗi chữ *rục* hóa chữ *dục* rồi hóa chữ *đục*.

Vậy ra ông chỉ xem truyện Kiều quốc-ngữ, rồi quy tội bừa cho người ta. Sao ông không lấy các bản Kiều cổ bằng chữ nôm ra để làm khuôn mẫu và định rõ xem là chữ đục hay chữ dục, hay rục?

Theo tôi thì câu của cụ Nguyễn-Du phải là:

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

Không hiểu cụ lầm, hay tam sao thất bản, người ta chép lầm ra là *nước suối*...

Còn chữ *đục* ở đây thì rất đúng, nếu đổi đi sẽ mất tinh thần đoạn văn.

Vì trong đoạn đó, cụ Nguyễn-Du tả tiếng đàn: tiếng trong như tiếng hạc bay, tiếng đục như tiếng suối dội, tiếng khoan như tiếng gió thoảng, tiếng mau như tiếng trời đổ mưa.

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Tiếng trong là tiếng thanh thanh lanh lảnh, the thé (giây văn) tiếng đục là tiếng ồ-ồ, (tiếng giây vũ) tiếng khoan là tiếng từ từ, tiếng mau là tiếng vội, gấp.

Nếu đổi câu:

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

ra làm :

Rục như nước suối mới sa nửa vời.

thì câu đó hóa thừa, và bắt cụ Nguyễn-Du nói lắp. Vì *rục* tức là mau, mà tả tiếng mau, tác-giả đã nói : « sầm sập như trời đổ mưa ».

XXXVIII

THẾ nào là thơ hay ?

Ông Phan-Khôi đã trả lời như thế này :

— Theo tôi thì bài thơ hay không cốt ở lời mà thôi, cốt ở ý nữa . . . Cái ý của bài thơ hay, sau khi ngâm hay đọc thấy có cái hậu như cái hậu của trà ngon đắm thắm mà đặm đà, uống vào khỏi cổ rồi mà lưỡi vẫn còn muốn nhắp.

Vi cái cảm giác của mình sau khi đọc bài thơ hay với cái cảm-giác sau khi uống chén trà ngon, cũng là phải lắm.

Bài thơ hay phải gây cho người ngâm một cái cảm giác thỏa-mãn không thể tả ra được, như một chén trà ngon.

Cái hay cũng như cái ngon, « bất khả dĩ ngôn truyền », chỉ có thể lấy ý mà hiểu được !

Như câu thơ này của Thế-Lữ :

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan

câu thơ này của Thao-Thao

Suối nao nao như than thở cùng anh

hay câu thơ này của Huy-Thông ;

Tưởng giời đêm, giăng biếc lạnh lùng than

chẳng hạn, ta ngâm lên thấy hay lắm, nhưng nếu ai hỏi ta vì sao mà hay, hay về cái gì thì ta sẽ lúng túng không trả lời cho rành mạch, xác-đáng được.

XXXIX

TẠI làm sao ta lại bắt chước làm thơ theo kiểu thơ tây ?

Có phải vì những vận liền (rimes plates) vận cách (rimes croisées) những giáu-đoạn (enjambements) làm cho điệu thơ thêm du-dương, lời thơ thêm chải chuốt, khí-thế của thơ thêm mạnh-mẽ không ?

Người ta còn ngờ điều đó. Điều mà người ta biết chắc là vì « thơ kiểu tây » (tức là thơ

mới) nó mới lạ.

Thơ cũ, người ta chán vì nghe quen quá, người ta bỏ xó đấy mà đi vồ vập lấy thơ mới, tưởng rằng hễ làm thơ theo lối Tây là hay hơn làm thơ lối Tàu.

Thật ra người ta chỉ bị cái mới lạ lôi kéo, dối lừa.

Nếu chỉ kiểu cách thơ Tây la hay thôi, thì, thơ Tàu bài nào cũng vứt vào xọt giấy hết.

Nếu kiểu cách làm thơ làm cho thơ hay, hay dở được, thì sẽ chỉ có nước Tàu hay chỉ có nước Pháp là có thơ hay thôi.

Không, thơ hay hay dở là ở người làm thơ.

Với lại, nếu kiểu-cách thơ Tàu quá dở, thì thi hào Pháp Paul Verlaine đã chẳng bắt chước làm theo!

Đọc những câu thơ này của Verlaine, người ta tưởng đọc thơ trường-thiên của Tàu:

Il pleure dans mon cœur
Comme il pleut sur la ville ;
Quelle est cette langueur
Qui pénètre mon cœur ?

O doux bruit de la pluie
Par terre et sur les toits !
Pour un cœur qui s'ennuie
Oh ! le chant de la pluie !

Il pleure sans raison
Dans ce cœur qui s'écœure
Quoi ! nulle trahison ?
Ce deuil est sans raison.

C'est bien la pire peine
De ne savoir pourquoi
Sans amour et sans haine.
Mon cœur a tant de peine.

Diễn nôm :

MƯA

Trời mưa trong lòng tôi,
Như mưa ngoài đường phố ;
Cái buồn chi giết người
Nó thấm vào lòng tôi ?

Lách-tách tiếng mưa rơi
Trên nóc nhà, dưới đất
Đối với lòng ngậm-ngùi
Buồn ! ôi tiếng mưa rơi !

Trời mưa vô căn-cớ
Thánh-thót trong lòng đau !
Quái ! Đau vì sao chớ ?
Buồn này thật vô cớ.

Nghĩ cứ buồn rầu hoài
Vì không hiểu sao thế.
Không yêu không ghét ai
Mà lòng tôi đau hoài.

XL

BÀI thơ « khóc Bằng-Phi » của vua Tự-Đức (đức Dực-Tôn triều Nguyễn):

Ớ Thị Bằng ơi đã mất rồi !
Ỡ tình ! Ờ nghĩa ! Ớ duyên ơi !
Mưa hè nắng chái oanh ăn nói,
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi.
Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại để dành hơi,
Mối tình muốn dứt càng thêm bận,
Lẽo đẽo theo hoài mãi chẳng thôi.

đã được coi là một bài thơ tuyệt-tác. Nhất là cặp luận :

Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng,
Xếp-tàn y-lại để dành hơi.

người ta lại càng cho là hai câu thơ bất-tử. Hai câu này Ông Phan-Khôi đã khen : « Khắc hoạch mà có cái chí-tình ». Chính hai câu thơ ấy là cái « đinh » của bài thơ. Người ta tưởng trừ vua Tự-Đức ra, chưa ai tả cái si-tình được linh-diệu, tân-kỳ, đến thế !

Người ta lầm, trước Ngài, cụ Trần-danh-Án một thi-sĩ trung-thần thời Lê-Mạt cũng đã từng viết :

Phá toái lăng-hoa tầm cựu ảnh
Trùng phong khâm-tử hộ dư-hương

Nghĩa là : *Đập vỡ tan gương tìm bóng cũ,*
Lại phong mền lớn giữ hương thừa.

Ý cũng tựa-tựa như ý hai câu thơ của vua Tự-Đức.

Nhà phê-bình Pháp Sainte-Beuve nói rằng :

« Có nhiều ý tưởng đẹp, nhưng nếu nhắc đi nhắc lại nhiều quá thì nó hóa sáo »

XLI

Có lẽ trong thi-giới ta ngày nay, không có nhà thơ nào có cái đời ly-kỳ bằng đời Hoàng-ngọc-Giao biệt hiệu Phương-rì tiên-tử (le Bienheureux de la Mare des

Parfums).

Hoàng-ngọc-Giao là người làng Phương-trung (làng Chuông) huyện Thanh-Oai Hà-đông (Bắc-kỳ), trước kia đã từng làm thơ-ký tòa-sứ (secrétaire des Résidences), bị giải-chức.

Năm 1931, Hoàng-ngọc-Giao mắc bịnh loạn thần, ăn nói đi đứng điên trăm phần trăm. Tôi còn nhớ một ngày gặp họ Hoàng đi lang thang giữa phố Hàng Đào Hanoi tay cầm một cái chai đút nút kín, dơ cao lên, rao :

— Ai mua lọ văn ra mu a !

Tuy điên như vậy song Hoàng-ngọc-Giao vẫn làm thơ. Thơ nghe cũng được nhưng không khỏi có cái tư tưởng điên rồ. Phục thuốc một độ, hiện giờ Hoàng-ngọc-Giao đã khỏi điên. Nhưng cái tinh ngông cuồng, thì họ Hoàng vẫn còn. Thật là một nhân vật kỳ-quặc nhất trong làng thơ ta ngày nay. Hồi năm trước, ở sở mỏ Clotilde về, Hoàng-ngọc-Giao có đưa tôi coi một tập thơ, anh định in ra bán, nhưng chưa có tiền.

Cái nhân cách của an h đã lạ-lùng mà cái tứ thơ của anh cũng vậy, nên tôi lục ra đây it bài thơ của anh để góp chút tài-

liệu vào thi-xã Việt-nam và cũng để an-ủi một nhân-tài bất đắc chí.

ẢNH THI-SĨ PHƯƠNG-TRÌ

(Tự chụp bằng thơ)

Trán cao mũi thẳng mặt hơi dài
Răng vẩu mà trông vẫn điển trai.
Mắt sáng phường gian kinh mất mật,
Mày thanh, người ngọc muốn quàng vai,
Lưng gù khom xuống coi hình đất,
Tai lớn vênh lên hóng chuyện trời.
Môi thắm, mắt xanh, da bánh mật,
Ảnh mình thơ thẩn tưởng hình ai.

KHUYÊN EM THÔI HÁT BỘI

Bảo phải thời em sớm liệu nghe,
Lau son, dũ phấn sạch mà về.
Bầy phông xếp cảnh đời mai mỉa,
Vẽ mặt ra hề chúng riễu chê.
Dầu sắm vua quan vai hống hách,
Hơn gì sen, quít kiếp ê-chề
Sẵn tiền anh đã dành cho đó;
Chim lấy con mèo, đủ sướng mê.

THUẬT CHÍ
(Làm khi điên)

Thiên hạ chưa yên tớ chửa già
Căm phường hung bạo muốn can qua
Nhe nanh gấu giữ chưa no bụng,
Dượng vuốt hùm thiêng chực nhảy ra
Mặt biển Thái-bình con sóng vỗ
Sườn non Phú-sĩ mặt trời tà
Cứu đời ai kẻ tài hơn chúng ?
Ngó lại ngàn xưa, dễ một ta !

NGHÈO

Cái nghèo làm lụy cái thân ai ?
Có thấu hay chăng ? hỡi chú Trời ?
Báo viết, không cho thiên hạ đọc,
Thơ mần chỉ để mình ngâm chơi.
Em trai học dở, âu đành vậy,
Bạn gái, yêu nhiều cũng chịu thôi !
Túng thiếu cũng đành dè-dặt vậy,

GIÀU

Tớ vì trời thương có được giàu,
Chẳng thèm mua ruộng, chẳng mua trâu.
Con, cho du-lịch khắp thế-giới,
Vợ, cưới lung-thiên toàn ả-đầu.
Sách cổ, sách kim, thu lấy hết,
Thằng khôn, thằng dại, mặc ghen nhau.

Thơ tiên, rượu thánh chơi kỳ thích,
Đến chết thì thôi, chẳng biết sầu.

* * *

CŨNG THƠ

Ta thấy người thơ, ta cũng thơ
Cũng tình lai láng, cũng duyên vờ.
Không niêm, không luật không chi cả,
Hết vẽ cua, thôi lại vẽ cò.

XLII

LỐI thơ « thuận-nghịch-đọc » trong thi-giới nước ta thường có. Một bài thơ đọc xuôi được, mà đọc ngược cũng được, kể thật là một lối thơ khó làm. Thế mà người ta vẫn làm được. Có điều là người ta nhận thấy rằng các bài thơ « thuận-nghịch-đọc » xưa nay, bài nào đọc xuôi, lời lẽ và ý-tứ cũng hay hơn đọc ngược!

Đọc ngược, bài thơ tuy vẫn đọc được nhưng lời-lẽ ép-uổng, và ý-tứ thường ngớ ngẩn làm sao!

Cho nên, tôi rất phục nhà thơ Tàu nào

đã làm được bài thơ « thuận-nghịch-đọc » này :

Xứ xứ phi hoa phi xứ xứ
Sàn sàn bích thủy bích sàn sàn.
Thụ trung vân tiếp vân trung thụ,
Sơn ngoại lâu già lâu ngoại sơn.

Nghĩa là

Nơi nơi hoa bay bay nơi nơi
Phẳng phẳng nước biếc, biếc phẳng phẳng.
Giữa cây mây đón mây giữa cây,
Ngoài núi, lầu che lầu ngoài núi.

Tôi không thể dịch bài này ra thơ ta được. Song tưởng cứ coi nguyên - văn, ai cũng phải chịu là tài-tình. Đọc xuôi vậy mà đọc ngược cũng vậy. Câu thơ nghĩa thơ không thay đổi đi chút nào. Đó chỉ là một cái tiểu xảo của nhà thơ, nhưng cũng là một cách tiêu-khiển thú-vị.

XLIII

THƠ ta xưa, gì chớ về cách nói bóng gió, nói phản-ngữ (ironie) thì không ai bằng !

Khi vào Huế làm hành-tẩu ông Cao-bá-Quát có làm một bài ca tả phong-cảnh đế-đô, tôi nhớ có câu :

Câu thơ Thi-xã, chiếc thuyền Nghệ-an.

Thi-xã đây là Mặc-văn thi-xã, trong có các ngài Tuy-lý-Vương, Tùng-thiện-Vương v. v. . .

Ông Quát làm câu thơ ấy là để chê thơ Mặc-văn thi-xã không hay, nó *thúi khẳn* như mùi thuyền Nghệ-an vậy. Thuyền Nghệ-an ra Bắc hầu hết là đem nước mắm, mùi thuyền tức là mùi nước mắm.

* * *

Cụ Nguyễn-Khuyến tức Tam-Nguyên Yên-Đổ khi về chí-sĩ, có tuổi, mắt đâm lòa, không trông thấy gì.

Ra đường, nhiều người chào cụ Lắm khi cụ không biết người lạy mình là ai, tức mình, cụ làm mấy câu thơ :

Hỡi hỡi đi đâu lũ lạy dài ?
Chào ta, ta chẳng biết là ai !
Khoan khoan ! đứng lại cho ta mó
Mó thử, không lầm gái lẫn trai.

Thơ nghe có giọng « lỡm », giọng tục

giọng đùa, nhưng có hàm một ý-nghĩ chua chát lắm !

XLIV

Có bức tranh vẽ một thằng bé ăn xin, phía sau có một con chó theo cắn. Trên bức họa có đề một bài thơ rằng :

Ngã thảo ngã đích phạn
Dữ nhữ hà tương can ?
Sinh thành thế lợi-khuyển
Đơn giảo phá y sam.

Lược dịch :

Ta kiếm miếng nhồi bụng,
Việc gì đến ngươi chưa ?
Chó cũng biết xu phụ
Chỉ cắn áo rách sơ !

Đọc thơ mắng chó, mà mình nghe cũng động lòng ! Ảnh-hưởng thơ ngụ-ngôn (fable) như thế nào, ta có thể biết vậy.

XLV

Sử cũ nước ta và sách An-Nam-Chí của Cao-Hùng-Trưng (người Tầu) có chép rằng :

Trong đời vua Thục (257-207 trước Thiên-Chúa giáng sinh) nước ta có một người tên là Lý-Ông-Trọng mình cao hai trượng (?) 3 thước có chí khí khẳng-khái, sang Tầu du học rồi làm đến chức quan Tư-lệ-hiệu-úy ở đó.

Lý-ông-Trọng được vua Tần sai đem quân đóng giữ đất Lâm-Thao (nay là đất huyện Dận, tỉnh Cam-Túc bên Tầu). Rợ-Hung-Nô khiếp sợ oai thanh ông không dám đến quấy nhiễu nữa. Sau già về quê, nhà chết. Vua Tần đúc tượng ông bằng đồng lớn bằng người thật, đặt ở cửa Tư-Mã thành Hàm-Dương, trong bụng chứa được vài mươi người, để vặn máy cho cử động y như người thực. Sứ thần Hung-Nô trông thấy tưởng Lý-ông-Trọng vẫn còn, không dám có bụng sang Tần quấy rối.

Nay ở làng Chèm tức là làng Thụy-hương, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông (gần Hanoi) có đền thờ Lý-ông-Trọng.

Về đời vua Càn - Long nhà Thanh, có một ông quan Hàn-Lâm (không rõ tên họ) vâng lệnh nhà vua soạn bài minh mộ-chí Lý-ông-Trọng.

Quan Hàn ta chép lầm ra làm Lý-trọng Ông. Vua Càn-Long quở và giáng-chức bổ ra làm thông-phán tỉnh Sơn-Tây (bên Tầu).

Vốn là một ông vua hay chữ, vua Càn-Long có làm một bài thơ chế nhạo quan Hàn-Lâm đó. Toàn bài bốn câu, câu nào cũng có hai chữ nói ngược như « Trọng - Ông » nghe rất chua chát mát mẻ, và thú vị.

Ông-Trọng như hà tác Trọng-Ông ?
Thập niên song hạ khiếm phu-công
Tòng kim bất hứa quy lâm-hãn,
Biếm nhữ Sơn-Tây tác phán-thông.

dịch

Ông-Trọng sao lầm bảo Trọng-Ông ?
Mười năm đèn sách thiếu phu-công
Từ nay không khiến về Lâm-hãn,
Bổ giáng Sơn-Tây chức phán-thông

Đáng lẽ Ông-Trọng, thì nói Trọng - Ông. đáng lẽ *công phu* thì phu công, đáng lẽ *Hàn Lâm* thì nói ra *Lâm - Hàn*, đáng

lễ *Thông phán* thì nói Phán-thông. Thật nhà vua đã khéo đem cái lỗ lầm của ông quan ra làm cái trò cười hời hợt mà thấm thía.

Theo người Tầu thì bài thơ trên đây là của vua Càn-Long nhà Thanh. Ta thì có người bảo của Vua Gia-Long.

Chẳng hiểu thuyết nào đúng sự thật?

XLVI

Ông Phan-Khôi tự Chương-Dân, năm 1929 đã viết trong mục Thi-thoại báo Phụ-Nữ Tân-Văn một câu chuyện và mấy câu thơ như vầy:

«... Có người mượn chuyện của đàn bà mà mượn đến chuyện rất tầm thường viết ra nghe cũng thanh bai dễ chịu. Năm ngoái tôi ở Saigon có người bạn ở Hanoi viết thơ cậy kiếm chỗ làm. Tôi viết lại, hỏi muốn tiền lương mỗi tháng bao nhiêu. Sau tiếp được thơ người bạn, mở ra coi, không phải là bức thư mà chỉ có mấy câu lục bát rằng:

Cậy chàng mua lụa Đồng-nai
Chàng sao lại hỏi vắn dài làm chi?
Đã từng ăn cận ngồi kề
Vóc này bao nả chàng thì nhớ cho.

Thi vàng liệu lấy mà mua !
(Chương Dân thi thoại trương 66)

Người ta tưởng là chuyện có thật. Ai dè Chương Dân tiên-sang đã « bịa » chuyện, « bịa » thơ ra để đánh lừa và mua vui cho độc giả

Trong một cuốn sách về loại hoạt-kê của Tầu in lần thứ mười năm Trung Hoa dân quốc thứ 16, tức là năm 1927 (trước năm ông Phan Khôi viết thi-thoại trong Phụ-nữ tân-văn, nhiều) người ta đọc thấy một tắc nói rằng :

« Thi-nhân hay tự ví mình với con gái, như mấy nhà thơ đời Đường chẳng hạn.

Có một người hàn-sĩ cậy bạn kiếm nơi ngồi gõ đầu trẻ giúp. Người bạn ấy hỏi xem muốn số tiền « thúc tu » bao nhiêu, hàn-sĩ liền làm thơ đáp lại rằng :

« Xách mãi Ngô-lăng đoạn,
Hà tu vấn đoản trường.
Thiếp thân lang quán bão,
Xích thốn tế tư lường.

« Mượn lời ký thác rất khéo, thơ có thể truyền tụng với thơ Đường ».

Bốn câu thơ trên đây có thể dịch tạm ra quốc- văn như dưới :

« Cậy mua đoạn Ngô-Lăng,
« Còn hỏi chi vắn, dài ?

« Minh em chàng ôm thường,
« Thước, tấc chàng đà hay !

Đó, chỉ khác một đằng nói « lụa Đồng Nai » một đằng nói « Đoạn Ngô-Lăng » còn thì bài thơ của nhà văn-sĩ Tàu ý-tứ giống-hệt bài thơ của ông tú Khôi.

XLVII

CÙNG đỗ một khoa với ông Hoàng-giáp Nguyễn-thượng-Hiền, ông Thám-Hoa Vũ-phạm-Hàm, người làng Đôn-Thư huyện Thanh-Oai Hà-đông là một người thông-minh tuyệt-đỉnh.

Năm ông lên 7, 8 tuổi, bạn thầy học đến chơi, thấy người dĩnh-ngộ liền ra câu đối thử tài :

Mâm quy môn để trong cửa

Hàm đối liền :

Kiệu long-đình đỗ ngoài sân

Câu ra có chữ *môn* là *cửa*, câu đối có chữ *đình* là *sân*.

Bạn thầy học khen là hay, và ra cho câu nữa :

Màn tía vén đôi bên (tức cảnh bàn thờ)

Hàm đối :

Lọng xanh che ở giữa (cũng tức cảnh)

Năm 18 tuổi, Vũ-phạm-Hàm đậu thủ khoa kỳ thi Hương. Năm 21 tuổi đậu Thám-hoa đình-nguyên tức là đậu cao nhất nước.

Ông Hàm là con một ông đồ Nho, họ Phạm, sau làm con nuôi một nhà vọng tộc trong làng, họ Vũ, nên họ đổi là Vũ-Phạm. Biệt hiệu ông là Mộng-Hải. Tương truyền khi đi tầu thủy (?) vào kinh-đô thi, ông nằm mơ thấy tầu vỡ ống khói, rồi khoa ấy ông đỗ Thám-hoa. Ông liền tự đặt tên hiệu là Mộng-Hải, nghĩa là nằm mơ trên biển. Người ta bảo ông là một vị thần-đồng. Cũng có người bảo ông là hậu thân của Hà-tôn-Quyền một danh-sĩ thời trước đây, không biết có đúng?

Ông có làm bài thơ con cua bằng chữ Hán như sau này :

Đan tâm nhất điểm tự bình sinh,
Thùy bả vô-trường nhập phẩm bình?
Thảo dã thử thân nguyên hữu dụng
Giang sơn đáo xứ tận hoành hành.
Huyền hoàng mãn phúc văn tâm nhuận.
Qua giáp đương đồ võ lược tinh.
Tứ hải chinh đương cơ khát vọng
Như quân bất xuất thục điều canh!

lược dịch :

Lòng son một tấm thuở vừa sinh
«Không ruột» ai đem tiếng phẩm bình
Cỏ rác thân này nguyên có dụng
Non sông đâu đó cũng hoành hành
Đen vàng chứa chất lòng vừn nhuận
Gươm giáo nghênh ngang ngón võ tinh
Thiên hạ ai ai đều khát ngóng
Không ngươi ai dễ nấu nên canh ?

«Vô trường» nghĩa đen là không ruột nghĩa bóng là « con cua » vì người Tàu thường gọi con cua là « vô trường công tử » (công tử không ruột) Giang sơn đáo xứ tận hoành hành nghĩa là : (con cua) khắp non sông đi tới chỗ nào cũng đi ngang hết, vì cua bao giờ cũng đi ngang. Huyền hoàng mẫn phúc văn tâm nhuận, lại có nghĩa là trong bụng cua có chứa chất gạch mầu đen và mầu vàng ươn ướt (nhuận).

Thục điều canh là ai nấu canh. Câu cuối này có nghĩa là không có cua thì lấy gì mà nấu canh? Hai chữ điều-canh lại trỏ công việc một ông tể - tướng lo việc nước.

XLVIII

Ở hạt Thanh-Oai Hà đông (Bắc Kỳ) có một ông sư gọi là Sư Lê, ở một ngôi chùa rất giầu có. Người ta nói Sư Lê có tới hai vợ và mười một người con giấu một nơi.

Hoàng ngọc-Giạo biệt hiệu Phương Trì Tiên - Tử, người làng ông Tú Xuất (làng Chuông) có làm tặng sư Lê một bài thơ rằng :

Cõi trần lạc lối chiếc thân tiên
Kinh kệ nhường cho lũ tiểu điên
Nữ sắc nhạt phèo hai má bạc,
Nam vô đầy ứ một chum tiền
Muốn nâng trái đất vai còn yếu.
Mong chiếm ngôi trời nước chửa yên
Trái gió chưa về Tây-Trúc được,
Lộn-lèo, bè đỗ tạm vài niên.

* * *

Phương-Trì Tiên-Tử khi điên, muốn chết, có làm bài thơ :

Sống mãi đàn ngây nó ước ao !
Thế mà muốn chết có thằng tao
Mũ vàng, ấn ngọc không màng tưởng
Nước Nhược, non Bồng những khát khao

Chín suối đã yên hồn bất diệt,
Ba sinh thôi hết truyện tầm phào.
Trời cao vì muốn tìm trao mạng,
Đố biết ta chơi phiếm chỗ nào?
Thật là thơ điên!

XLIX

BÀ Sương-nguyệt-Anh, con gái cụ Đồ-Chiểu tức là Nguyễn-đình-Chiểu, (tác giả cuốn Lục Vân Tiên) trước đây thấy có tên trên mặt tờ « *Nữ-Giới-Chung* » nhưng thật ra, bà có viết gì nữa đâu. Dường như lúc ấy bà đã ở trong cái cảnh : *bút rỉ, hồn tan, bóng Nguyệt mờ* rồi thì phải? Mặc dầu vậy, cứ xét ở một mớ thơ-văn, người ta có thể gọi bà là « Bà Huyện Thanh-Quan của xứ Nam-kỳ » được.

Thơ bà tuy không trác luyện, đúc đắn du-dương bằng thơ bà Thanh-Quan, song người ta cũng phải nhận là thơ có số hạn, ít có ở các bạn phụ-nữ thuở gần đây.

Hồi còn sinh thời, có lần lên viếng Điện Bà (tục kêu là chùa Bà đen) ở núi Tây-Ninh với ông Đốc-phủ sứ Tô-ngọc-Đường lúc ông này còn làm thơ-ký ở tỉnh đó và ông giáo quả cố Võ-Sâm, nhân lúc nhàn sầu, đứng bên cạnh gốc mai to mọc gần

kể bên Điện, bà tức cảnh có vịnh một bài thơ như vầy :

Non linh đất phước trổ hoa thần,
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,
Sương sa bóng nguyệt ánh màu ngân
Mây lành, gió tạnh nương hơi chính,
Vóc ngọc, mình băng bặt khói trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến,
Non linh đất phước trổ hoa thần.

Nói là vịnh « Hoa-Mai », chớ nói là bà tự vịnh cũng được.

* * *

Bà có tiễn chân ông Trần khải-Sơ đổi đi làm quan ở Sadec, một bài thơ, nghe cũng hay :

Ngàn xưa dễ mấy hội tao-phùng ?
Sadec nay thầy tách cõi đông,
Phong cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung.
Quê người tạm gởi nhành dương liễu,
Đường hoạn xin tròn phận kiếm cung,
Cải tác râu mày thì phải vậy
Nặng bằng non Thái, nhẹ bằng lông.

Lời lẽ thật là thanh bai, ý tứ thật là cứng cát, khiến người ta ngờ là thơ

của một bực tu my đại-bút. Theo lời thơ, thì bà Sương Nguyệt-Anh với ông Trần-khải-Sơ là một đôi bạn chí thân thì phải ?

* * *

Bà lại có tặng một ni-cô bài thơ tả cảnh chiều, lời lẽ thật chải-chuốt, ý thật là thâm-trầm, tỏ ra tác-giả là một người vừa có thi-tài, vừa có đạo-đức.

Vắng vỏi xa gần tiếng Pháp-chung
Tinh đời ấm lạnh, dễ nguôi lòng.
Am thanh thăm thẳm trần ai lặng,
Các tịnh làu làu ngọc giá trong.
Cánh cửa từ bi nương phận bạc,
Mảnh gương tế độ nhuốm màu hồng.
Trời tây biển khổ xem ngao ngán,
Tỉnh giấc hoàng lương nguyệt nửa vòng.

* * *

Người ta nói bà Sương-nguyệt-Anh góa chồng từ khi còn trẻ. Trong thời-kỳ ấy, ông phủ Học (?) có gửi bà một bài thơ chọc ghẹo :

Phải gần với Nguyệt lúc lưng vơi,
Đặng hỏi Hằng-Nga nỗi sự đời.
Ở hạ mây mưa còn kém sắc,
Về thu non nước tỏ cùng nơi.

Hãy trông Du-lượng xây lầu rước,
Hoặc đợi Thanh-liên cất chén vời.
Vóc ngọc há sờn cơn gió bụi,
Tài tình rỡ mặt khá đua chơi.

Bà có họa thơ đáp lại rằng :

Đường xa vòi-vọi dặm vơi vơi
Nghĩ nỗi mày xanh ngán sự đời.
Biển ái, sông ân còn lắm lúc,
Mây ngàn, hạc nội biết là nơi ?
Một giây oan trái rồi vay trả,
Mấy cuộc tang thương há đổi dời !
Chước quỉ mưu thần âu những kẻ !
Gặp cơn nguy hiểm khó đua bơi.

Trả lời như vậy kể cũng đã là cương-quyết lắm.

Song chừng như tứ thơ còn dào-dạt, bà họa luôn một bài nữa :

Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi,
Dinh hư trong cuộc phải coi đời
Vén mây bắn thỏ xa ngàn dặm,
Đạy nước cung thiềm tỏ khắp nơi,
Nội trí đứa gian hèm vẻ rạng,
Vui lòng người triết thú đua bơi,
Khơi dòng Hối Thực ưng ra mặt,
Đứng giữa trời xanh tiết chẳng dời.

Đến bài này, Bà nói càng rõ hơn :

Đứng giữa trời xanh tiết chẳng dời

Xem chuyện xướng-họa của bà với ông phủ Học (?), người ta lại tưởng tượng đến chuyện Hồ-xuân-Hương với ông Chiêu-Hổ ở Bắc, bà Ngọc-Lầu với ông phủ Đước ở Vĩnh-long.

Có điều, theo lời thơ, thì bà Sương-nguyệt-Anh là người đức hạnh tiết-tháo hơn.

Bà Sương-nguyệt-Anh qua đời đã ngoài mười năm nay tại Rạch-Miễu (Mỹtho).

Thân-thế và văn-chương của bà, người bây giờ còn muốn hiểu rõ hơn nữa, nhưng biết tra-cứu vào đâu ?

L

CÂU chuyện nỏ thần của An-dương-vương, và đoạn tình-sử của Trọng-Thủy, Mỵ-Châu, tưởng người nước ta không con ai là không biết !

uy là câu chuyện hoang-đường, nhưng vì mục-đích tồn-cổ, bộ Sử nào cũng có chép.

Không những thế, tao-nhân mặc-khách lại thường lấy câu chuyện cổ tích đó làm đầu-đề cho lắm bài thơ rất hay.

Câu chuyện có ghi trong Sử-sách tưởng không cần thuật lại làm gì. Chỉ xin lục ra đây vài bài thơ của thi-sĩ đương-thời để làm chứng cớ :

THÀNH CỔ-LOA

Thành-quách còn mang tiếng Cổ-Loa
Trải bao nắng dãi, với mưa sa ! ?
Nỏ thiêng hờ-hững giây oan buộc.
Giếng ngọc vơi đầy giọt lệ pha.
Cây cỏ vẫn cười ai bạc mạnh.
Cung đình chưa sạch bụi phồn hoa.
Hưng vong biết chửa người thiên-cổ ?
Tiếng quốc năm canh bóng nguyệt tà.

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

VỊNH MỴ-CHÂU

Trong khi đằm thắm cuộc nồng-nàn
Còn giấu gì nhau phải nói man ?!
Trót lấy móng rùa khoe máy nỏ,
Lại ngồi mình ngựa thả lông ngan
Cô nàng vẫn chắc ông chồng thật,
Bố vợ đâu ngờ chú rể gian !
Quay lại lưỡi gươm chia cốt nhục
Xét tình mới biết gái này oan.

LIÊN-SINH NG-HỮU-CHU

Thơ vịnh đã nhiều mà lại có riêng những tập sách nói về câu chuyện cổ-tích đó, như « Ngọc Trai Nước Giếng », « Nghĩa Nặng lình Sâu », « Bức gương lòng son »... vừa truyện-ký vừa kịch-bản vừa tiểu-thuyết văn vần của các nhà danh-sĩ đương thời như các ông Phó-bảng Hoàng tăng - Bí và Nông-Sơn Nguyễn Can-Mộng.

Nghĩa là câu chuyện Mỵ-Châu, Trọng-Thủy không phải là câu chuyện lạ tai cho ai.

Vậy sao tôi lại thình lình nhắc tới ?

Vì tôi thấy câu chuyện ấy nó hơi khác dưới ngọn bút một danh-sĩ Tàu, hoặc nói theo sử Tàu cũng được.

Nhà danh-sĩ Tàu ấy là Viên-Mai, tự là Tử-Tài, hiệu là Giản-Trai, quán đất Tiền-Đường, đậu Tiến-Sĩ triều vua Càn-Long nhà Thanh, bổ Hàn-Lâm Thứ-cát Sĩ. Sau Viên được cải bổ ra làm Tri-Huyện, tại các huyện Luật-Thủy, Giang-ninh, có tiếng là một ông quan tốt.

Năm 40 tuổi, Viên xin từ-chức lập vườn dưới chân núi Tiểu-thương-Sơn, huyện Giang-ninh, gọi là Tùy-Viên. Từ đó trở đi, Viên Tử-tài chỉ lấy ngâm vịnh, trước tác làm thú vui. Người đời gọi Viên là Tùy-Viên Tiên-sinh. Tiên-sinh có tập thơ « Tiểu Thương-Sơn phòng » và một tập sách nói về

thơ, rất có giá-trị là tập «Tùy-Viên thi-thoại».

Chính do tập « thi-thoại » này, mà người ta thấy chuyện My-Châu, Trọng- Thủy trong óc người Tàu nó khác với câu chuyện trong óc người Nam.

Tùy-Viên tiên-sinh đã viết đại - khái thế này :

« Lòng con gái hay nghĩ tới người ngoài, từ xưa vẫn thế. Cổ-Man-động nước Nam-Việt về đời Tần rất mạnh. Dân bắn giỏi lắm, dùng tên bằng đồng, mỗi phát bắn ra trúng suốt qua mười người. Triệu Đà e sợ.

« Man-vương có người con gái tên là Lan-Châu, người rất đẹp mà chế nỏ rất tài.

Đà sai con trai đến ở gửi rể; không đầy ba năm con trai Đà hiểu hết cách chế nỏ và phá nỏ. Đà liền đem binh tới đánh, giết Man-vương, chiếm đất làm vua. Việc này thấy chép ở sách « Việt-kiệu-chí ».

Tôi có vịnh bài thơ rằng :

Triệu-vương phụ tử khai biên-giới,
Lại chủng Lan-châu nhất đóa hoa ;
Đồng-nỗ tam thiên tùy tế khứ,
Nữ-nhi tâm thái vị phu-gia !

lược dịch

Cha con vua Triệu mở bờ cõi,
Nhờ đóa hoa Lan đã khéo trồng
Ngàn chiếc nỏ đồng theo rề tếch,
Xưa nay gái chỉ vị nhà chồng!»

LI

Trong tập thơ của Lý-thái-Bạch gồm hằng ngàn bài văn-thơ, người ta đọc thấy hằng chục bài thơ thi-hào làm để tặng vợ. Trong số đó, có nhiều bài lời lẽ rất đứng đắn ý-tứ rất cao-xa. Cũng có bài ý-tứ rất ngộ-nghĩnh như bài này chẳng hạn:

Tam bách lục thập nhật,
Nhật nhật túy như nê.
Tuy vi Lý-Bạch phụ,
Hà dị Thái-Thường thê

lược dịch

Ba trăm sáu mươi ngày,
Ngày ngày say như tương (1)
Là vợ Lý-Bạch đấy
Nào khác vợ Thái-thường?

(1) Đáng lẽ phải dịch là «bùn»; dịch là «tương» sai với nguyên-thi là để cho hiệp vận.

Lý thái-Bạch say rượu cả ngày đã đành, nhưng sao thi-hào lại bảo vợ mình cũng giống vợ Thái-Thường ? Nguyên theo sách Hậu-Hán-thư thì Châu-Trạch làm quan Thái Thường. Quan Thái-Thường có bổn - phận phải trông coi các tôn-miếu nhà Vua. Trạch vốn là người thanh-khiết rất mực, lại hết sức tôn kính các tôn-miếu, thường nằm dưỡng bịnh tại Trai-cung. Vợ Trạch thương chồng tới thăm hỏi. Trạch cả giận, cho là vợ phạm vào trai-cấm, liền xin Vua bắt giam vào ngục, để trị tội. Người thời bấy giờ ngờ là chàng làm bộ để làm công làm cán với Vua. Người ta nói rằng : Sinh ra đời, không may phải làm vợ quan Thái - Thường, một năm 360 ngày thì trai giới 359 ngày, còn một ngày « ăn mặn » thì lại say mềm như bùn vậy ».

Xem bài thơ này, ta thấy Lý-Bạch biết mình lắm và không phải là thi-hào không biết khôi-hài.

LII

NƯỚC ta khi ấy gọi là Giao - châu bị giặc Nam-chiếu khuấy rối luôn 10 năm trời. Cao-Biền dẹp quân Nam chiếu, rồi đem

nước ta về quyền thống-trị nhà Đường.

Vua nhà Đường đổi Giao-châu ta làm Tĩnh-Hải và phong cho Cao-Biền chỉnh-đốn mọi việc trong nước, đắp lại thành Đại-La (Hanoi) và đặt lệ đóng sưu-thuế... Công việc Cao Biền làm được dân-gian kính-phục, khen-ngợi nên người ta tôn Cao là Cao-Vương.

Năm 875, vua Đường đổi Cao-Biền về làm Tiết-độ-sứ Tây-Xuyên (Tứ-Xuyên), rồi sau làm Tiết-độ-sứ Hồ-Nam, Biền tiến-cử người cháu họ là Cao-Tầm sang thay mình làm Tiết-độ-sứ nước ta.

Cao Biền là dòng dõi nhà Tướng. Tinh ưa văn-học, được quân-sĩ kính yêu. Ta cứ coi bài thơ của Cao dưới đây thì rõ tài văn-học của Cao như thế nào !

SƠN CƯ HẠ NHẬT

Lục thụ âm nùng hạ nhật trường
Lâu đài đảo ảnh nhập tri-đường
Thủy-tinh liêm động : vi phong khởi,
Mãn giá tường-vi nhất viện hương.

Lược dịch

MÙA HẠ Ở NHÀ QUÊ

Cây biếc lá um ngày hạ dài,
Ao trong lộn ngược bóng lâu-đài

Rung rinh như bức rèm châu động
Gió lướt dàn hoa, hương thoảng bay

LIII

Có người nói « thượng lưu trí-thức Việt-Nam thiếu khiếu trào-lộng » (ironie). Tôi không tin. Trái lại, tôi thấy thượng-lưu trí-thức Việt-Nam có nhiều khiếu ấy.

Để nói « không », các nhà thơ ta thường không nói « không » mà nói « có » bằng một cách,.. trào-lộng (ironique). Như nghèo đã xác, mà Tết đến, ông Tú-Xương không chịu nói là mình nghèo :

Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo !
Tiền bạc trong kho chửa lĩnh tiêu
Rượu cúc nhắn đem hàng biếng quẩy,
Trà sen mượn hỏi giá còn kiêu
Bánh đường sắp gói e nồm chảy,
Giò lụa toan làm sợ nắng thiu
Thôi thế thì thôi, đành Tết khác,
Anh em đừng nghĩ Tết tôi nghèo !

Bạn đến chơi nhà, cụ Tam Nguyên Yên-Đổ không có gì tiếp-đãi. Cụ không chịu nói thế. Cụ nói thế này kia :

Đã bấy lâu nay, bác lới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.

Để chê một ông Thủ-Khoa nọ có một mắt, một quan chủ-khảo lại phê rằng :

Thiên-hạ đồ dồn hai mắt lại,
Anh-tài chỉ có một ngươi thôi.

Cứ xem thơ của các thi-nhân và nhất là các câu ngạn - ngữ của nước ta, như những câu này chẳng hạn :

Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại mày ra đằng nào

. . . . . .

Con cá mày ở ngoài ao,
Tao tát nước vào mày chạy đi đâu ?

. . . . . .

Con chim mày ở trên cây,
Tao đứng dưới gốc mày bay đằng nào v.v...

người ta thấy dân Việt-Nam cũng biết nói bóng, nói gió, nói mát, nói chua, chớ không phải bao giờ cũng thô-tục, chất-phác !

LIV

MỘT buổi chiều kia, tôi dạo bước trên đường đê nọ về miền trung-châu xứ Bắc-kỳ. Trước mặt tôi, một giải đất phù-sa bồi, nay thành những khu ruộng tốt. Hết giải đất đó thì đến sông. Giải đất đó, gọi là bãi. Trên bãi, cạnh sông, có trồng những cây vải. Thân cây to lớn, cành lá xùm-xuê, những gốc « lệ-chi » này trồng từ bao giờ, không biết. Xa trông những cây cổ-thụ đó chẳng khác gì những chiếc tán tròn khum, cọi đẹp mắt lạ. Hằng trăm ngàn chiếc tán xanh um đó cắm thành hàng thẳng trên vệ sông làm người ta tưởng-tượng đến những ngày trọng-đại oanh liệt thuở xưa, những ngày Vua ngự đi tuần-thú.

Con sông thì như một tấm lụa căng thẳng, trắng xóa, phẳng-lì nước có chảy không, không biết. Phong-cảnh coi đẹp như trong

một bức tranh, màu cây làm nổi màu nước, màu nước làm nổi màu cây. Trước cảnh ấy, tôi bắt nhớ tới hai câu thơ của bà Huyện Thanh-Quan ;

Xanh om cổ-thụ tròn xoe tán,

Trắng xóa tràng-giang phẳng lặng tờ.

Và tôi rất phục tài quan sát và tài tả cảnh của bà. Nhưng ông Phan-Khôi đã chê hai câu thơ trên đây là dở quá. Ông bảo người ta thử nhìn những cây trông ở miệt Lái-thiêu xem nó có giống những chiếc tán không ? Giá ông Phan-Khôi được đứng trước cảnh « bãi vải » và sông con ngoài Bắc như tôi, thì có lẽ ông biết ngay là ông đã chê oan thơ bà Huyện. Bà Huyện người Bắc-Hà, tả cảnh ở Bắc-Hà, đem cảnh Lái-thiêu so với thơ Bà thì sao cho đúng ? — Đọc muôn cuốn sách không bằng đi muôn dặm đường. Thật quả như vậy.

LV

BỌN nhà nho Đông-Phương toàn là hạng rất thông-minh. Chỉ vì cái giáo-dục hủ-bại nô-lệ cổ-nhân, thành ra cái

thông-minh ấy đem dùng cả vào chỗ vô dụng. Mối không-tưởng, chỉ mơ màng những tình, những cảnh, những cảm, những sầu, những gió, những trăng, những hoa, những cỏ, rồi thành người sống bằng mộng, trí-não xa hẳn với sự thực-tế ở đời. Quá đến nỗi như Ngô-bội-Phu, giặc đuổi đến nơi, còn mải làm thơ đánh chén (1).

« Sống bằng mộng, trí não xa hẳn với sự thực-tế ở đời ». Đó quả là bệnh trạng của nhà nho phương đông. Nhà văn sĩ, thi-sĩ kiêm chí-sĩ Nhượng-Tống Hoàng-phạm-Trân « bắt mạch » nhà nho rất đúng.

Nhưng ông Hoàng không phải là người thứ nhất đã làm việc ấy.

Trước ông Nhượng Tống bằng ngàn năm, Lý thái-Bạch thi-hào đời Đường bên Tầu đã « nói đùa » nhà nho bằng một bài thơ, bắt đầu có những câu này :

Lỗ tẩu đàm ngũ kinh
Bạch phát tử chương cú,
Vấn dĩ kinh-tế sách,
Mang như trụy yên vụ

---

1) Xem lời Phê-bình của Nhượng-Tống trong cuốn Lời Hoa thứ 1. Xuất bản năm 1928 tại nhà in Thụy-Ký Hanoi.

Túc trước viễn du lý
Thủ đới phương sơn cân.
Hoãn bộ tòng trực đạo,
Vi hành tiên khởi trần...

Lược dịch :

Cụ Lỗ giảng năm kinh
Đầu bạc chết chương cú
Hỏi tới sách kinh-tế,
Ngẩn như người mơ ngủ (2)
Chân đi đôi giầy nhẹ.
Đầu đội chiếc khăn bằng,
Chậm bước trên đường thẳng,
Chưa đi, bụi đã vung... (3)

Đùa mà thật, thi-hào đã thấy rõ bệnh-trạng của nhà nho. Chỉ chúi đầu vào chương cú, nhà nho phương Đông ta không biết khoa kinh-tế là cái gì. Hỏi đến kinh-tế sách nhà nho ngơ ngẩn như mới rớt xuống tự chín từng mây.

Coi đó ta thấy thi-hào họ Lý, không chỉ là một nhà thơ ham thơ và rượu. Ta thấy

---

2) *Trụy yên-vụ* là rớt từ trên mây khói xuống. Đây dịch ý.

3) Xin các bạn biết cho rằng đây chỉ là lược dịch mà thôi.

thi-hào là một nhà nho có óc mới, hiểu kinh-tế là một món cần-thiết mà thiếu hẳn ở bọn nhà nho.

Thế mà Lý-Trích-Tiên vẫn chỉ là một nhà thi tửu, là vì đời bấy giờ người ta chưa hiểu giá-trị kinh-tế-học như thế nào. Thành ra nha nho có tài kinh-tế đành phải giấu tài mình đi, không đem dùng được.

LVI

VĂN thơ khôi-hài không phải là dễ làm. Chỉ người thông-minh lắm mới làm được cho người ta buồn cười bằng những lời nói đùa nhã-nhặn đứng đắn. Và cũng chỉ có người thông-minh mới thưởng-thức được hết cái ý-vị sâu-xa của một bài thơ, bài văn khôi-hài.

Cho nên, giữa lúc người ta đang muốn chôn sâu những văn-chương sầu cảm giết người, thấy được một bài thơ văn, khôi-hài, bất cứ của ta của tây, hay của tàu, tôi cũng coi báu như hòn ngọc. Tôi vội-vàng chép lấy, dịch ra, cống-hiến độc giả, hòng mua vui, và cũng mong khuyến-khích các văn sĩ, thi-sĩ sầu cảm ta bớt sầu-cảm đi một chút.

Trong một cuốn sách hoạt-kê của Tàu, có hai bài thơ hài-hước rất hay :

Khứ tuế tương chiêu vân « lộng ngõa »
Kim niên « lộng ngõa » hựu tương chiêu
« Lộng » lai « lộng » khứ vô phi « ngõa »
Lịnh-chinh nguyên lai thị « ngõa » diêu

Lược dịch :

Năm xưa mời đến rằng : « chơi ngói »
« Chơi ngói » năm nay lại cũng mời
Chơi lại chơi đi toàn thị « ngói ! »
Té ra « lò ngói » chính Bà Hai !

Bài thơ này là bài thơ đùa người đẻ con gái, liền hai lần. Tàu đẻ con trai thì nói bóng là « lộng chương » nghĩa là « chơi ngọc » ; Đẻ con gái thì nói bóng là « lộng ngõa » nghĩa là « chơi ngói ».

Tác giả bài này — tiếc không biết tên — đem hai chữ « chơi ngói » đó ra làm cái tứ chính cho bài thơ khôi hài. Năm ngoái nói « chơi ngói », năm nay lại nói « chơi ngói », cứ vậy mãi thì có lẽ Bà nhà ông là một cái lò « ngói » chớ không chơi đâu !

Đó đại-ý bài thơ. Dựa vào hai chữ quen

dùng trỏ việc sinh con gái mà làm thơ hài-hước được như vậy, kể đã là tài-tình ! Ta nên nhận rằng tác-giả đùa người sinh con gái có một phần, còn 9 phần thì chế diễu người đặt ra hai chữ « lộng ngõa » dùng nó khách sáo, viển-vông làm sao ! . . .

Lại có người sinh luôn một xâu 6 con gái liền. Có thi-gia làm đùa một bài thơ rằng :

Ngũ nữ chi gia tặc bất qua
Cánh thiêm nhất cá nại như hà !
Chỉ lân nhất đối ngu phu phụ
Quán thế nhân gia tố lão-bà !

Lược dịch :

Nhà năm con gái giặc không vào
Thêm một cô ra, biết tính sao ?
Thương cặp vợ chồng ngu dốt tệ !
Chỉ quen nặn vợ giúp anh nào !

Tàu có một câu nói cửa miệng nghĩa đại khái rằng : nhà 5 con gái thì giặc cướp không vào, ý nói nhiều con gái, thì nhiều người ngấp nghé dòm-ngoài muốn cầu thân, nên kiêng-nể.

Thơ hài-hước mà lời văn đứng đắn, nhã-nhặn được như thế thật là thơ hay, nhất là câu kết ý-tứ mới tân-kỳ làm sao !

LVII

TRONG thơ của Tô đông-Pha đời Tống có ẩn-hiện lờ mờ mấy việc thuộc về lịch-sử xã-hội như :

Độc thư vạn quyển bất học luật
Trí quân Nghiêu, Thuấn chung vô thuật.

nghĩa là :

Đọc muôn cuốn sách, không học luật
Giúp vua Nghiêu, Thuấn cũng không đắt

Ta thấy thời bấy giờ (đời Tống) luật học là một món cần dùng tới bực nào.

Khởi thị văn Thiều vong nhục vị
Nhĩ lai tam nguyệt thực vô diêm

dịch nghĩa :

Há nghe nhạc Thiều quên vị thịt,
Ba tháng gần đây thiếu muối ăn

Đức Khổng-Tử nghe khúc nhạc Thiều của vua Thuấn chế ra thích quá đến nỗi luôn trong ba tháng quên cả vị thịt. Nhưng ở đây, không thế, không phải là nhạc Thiều làm cho người ta quên vị thịt trong ba tháng. Mà chính là vì ba tháng nay, người ta không có muối ăn.

Sao lại thiếu muối như vậy ?

Vì dưới quyền độc-tài của thủ-tướng Vương-an-Thạch, thời bấy giờ thuế khóa nặng nề, dân không đủ tiền mua muối. Vả lại, muối thời ấy cũng đã phải chịu thuế, giá bán rất đắt. Có thứ muối ty, mnối lậu, nên sự mua bán càng ngày càng khó khăn.

Trượng lê phù phạn khứ thông-thông
Quá nhãn thanh tiền chuyển thủ không
Mãi đắc nhi đồng tiếu âm hảo,
Nhất niên cường bán tại thành trung

dịch nghĩa :

Chống gậy, đìu cơm đi vội vàng
Qua mắt, tiền vay đã hết phăng.
Mua được tiếng cười cho lũ trẻ,
Vất vả trong thành quá nửa năm.

Thời bấy giờ, nhà nước có lệ cho dân vay tiền ; già yếu người ta phải chống gậy, đìu cơm nắm, lật đật đi cho đúng ngày giờ. Vay thì được ít không đủ sài. Hoặc gặp bọn nha-lại ăn đầu ăn đuôi gần hết. Tiền vay chỉ đủ mua quà bánh cho trẻ con. Nhưng vì sự vay tiền đó mà rồi người ta phải vất-vả làm lụng quá nửa năm trời, trong thành để trả nợ. Hoặc không trả được

nợ, người ta phải bị tù cấm trong 6, 7 tháng chi đó, làm « cỏ vê » đền nhà nước.

Đó thơ và sử liên-lạc với nhau như thế đó.

Nhưng tưởng trừ Đông-Pha ra, rất khó kiếm những vần thơ kín đáo nhẹ nhàng, và sâu cay, mát mẻ như vậy.

LVIII

THUỞ nay, cửa Phật thường là chỗ náu nương những tâm hồn khiếp-nhược, ngu tối. Cho nên người ta phải lấy làm ngạc nhiên khi thấy một ni-cô như ni-cô Diệu-Thiện ở Gia-Hòa (Sóc-trang).

Ni-cô đạo-hạnh thế nào không rõ, nhưng xem thơ người ta biết ni-cô là một nữ thi-sĩ có tài và nếu văn-chương không nghịch với tâm-thuật, thì tâm-trí ni-cô cũng có thể gọi là xứng đáng với Phật-tổ Thích-Ca.

Đọc báo Tân-văn cũ người ta thấy ni-cô viết dưới đầu-đề « Phật-tự quy đầu cảm tác » :

Mượn nước nhành dương rửa bụi trần,
Xét thân thôi lại thẹn cùng thân
Lỡ lầm xưa đã gặp phiền não
Tỉnh ngộ nay nguyền đoạn ái ân.

Cửa phật quyết dời câu đạo đức
Lòng phàm toan diệt tánh tham gian,
Niết-Bàn đây dám mong kề dựa,
Xin miễn được tròn chút quả nhân.

Ông Nguyễn-thanh-Dân ở báo Tân-văn có gửi cho ni-cô một bài thơ đăng lên báo, chỉ trích sự ni-cô đi tu.

Thơ ông Nguyễn nghe cũng thông lắm:

Nâu sồng chưa lấp vẻ trăm hoa,
Nặng nợ vì đâu phải xuất gia?
Chỉ biết sắc không về với Bụt,
Còn thì tình hiếu để cho ma.
Ai rằng thoát tục cho xong nợ,
Tớ bảo: Chăn đơn lạnh lắm mà,
Nhắn nhủ kìa ai người mộ Phật,
Tu đâu bằng được cái tu nhà!

Đáp những-lời chỉ-trích của ông Nguyễn ni-cô họa-vận lại rằng:

Phong trần kiếp đã đọa đầy hoa
Ngán ngẩm tình đời mới xuất-gia.
Đuốc Huệ lần soi đường đạo đức
Chuông thần gióng tỉnh lũ tà ma.
Sen vàng, tịnh thổ chân lần bước,
Bụi đỏ, nhành dương quét sạch mà.
Cám cảnh kìa ai trong biển khổ,
Sao chưa thoát được cái yêu nhà?

Lời thơ đã chải chuốt, dễ dãi, tự-nhiên mà ý-tứ lại cứng cát mạnh mẽ. Tiếc một điều là một người có tài có trí như ni-cô mà lại đi tự giam mình vào nơi cô-tịch.

LIX

TƯỚNG quân họ Viên tên là gì quên mất, người tỉnh Hồ-nam, khoảng năm Bính-Tuất đời vua Càn Long, làm quan Phân-phòng hạt Lĩnh-châu. Bấy giờ có bảy con hổ cùng kéo nhau ra làm hại người vật vô số. Tướng quân phụng hịch nhà vua đi bắt hổ. Hổ chết, tướng-quân cũng không còn. Nhà thi-sĩ áo vải Trương-tử-Trinh, nghe biết chuyện ấy liền làm bài thơ này.

Chúng tôi phiên-dịch ra đây để tỏ một lần nữa rằng thơ mới của ta chỉ là thơ cổ-phong của Tàu, riêng về phương-diện thi-luật.

VIÊN TƯỚNG QUÂN SÁT HỔ HÀNH

Lĩnh-châu thành trung chú bế môn
Lĩnh-châu thành ngoại hổ thực nhơn
Nhứt hổ chi bạo thượng nan nhĩ,
Thất hổ chi bạo khả tri hĩ.

Thương nhơn hổ mạn sinh kỳ quần,
Sát hổ tự hữu Viên tướng quân.
Tướng-quân đĩnh thân triệt hổ lộ,
Hổ thức tướng quân hổ tiên bố.

Tướng-quân kiến hổ nộ xúc phát,
Tich lịch nhứt thanh hỏa sang phát.
Tứ hổ liên ế, tam hổ đào.
Địa hạ dương tửu như sơn cao

Châu-nhơn tương hạ tướng-quân hành,
Hổ độc toàn nhập tướng-quân doanh.
Tướng-quân trực thân qui sở hạt,
Xích thủ tư tương hổ nha bạt.

Tướng-quân vong thân, hổ vong tử,
Nhân hổ, sơn trung nhật tương tử.
Tinh phong quyển địa, sơn động-rao.
Trường-lâm phong thảo thu tiêu-tiêu

Tướng quân tiên tri hổ nhiếp hậu,
Huy-chuyển không sang dữ hổ đấu.
Sơn thâm địa tịch hỏa cụ di,
Sang bất đắc phát, lực khả thi.

Huy sang kích hổ, hổ như cầu,
Nhất hổ trúng sang toái kỳ thủ.
Hổ thế tiệm suy nhân đảm thô,
Lưỡng hổ tâm khiếp nan chi ngô,
Nhất hổ dụ địch, nhất hổ tẩu.
Tiềm thân cánh xuất tướng-quân hậu

Tướng-quân tả bối tao hổ thương,
Hổ hiếp toàn thiết tướng-quân thủ,

Thử thời, tướng quân thủ trung vô thốn thiết
Nhất hổ bằng lăng nộ dữ liệt
Nghịch thụ cương mao song lễ liệt,
Đương đầu nhất bộc như sơn quyết

Tướng-quân lực tận, kế dĩ cùng.
Dĩ thủ xúc hổ, hổ đồng hung,
Bạch nhựt thảm đạm lai bi phong
Nhơn hổ đồng tệ hoang-sơn trung,

Châu-nhơn thâm cảm tướng-quân công,
Tứ giao cảm khấp thanh ma không
Quân bất kiến : Tướng-quân chi dũng hổ nan địch,
Tướng-quân vị dân thân bất tích,

Chí kim nhân quá Tỉnh-châu-thành,
Cố lão do truyền sát hổ tích.
Ô-hô ! nhĩ lai giả hổ nhân gian đa,
Tướng-quân dĩ hĩ tương như hà ?

VIÊN TƯỚNG-QUÂN GIẾT HỔ

Trong thành, cửa đóng suốt cả ngày
Ngoài thành Tỉnh-châu hổ thịt người
Một con hổ dữ còn khó bẫy,
Bầy con hổ dữ ghê biết mấy !

Hại người hổ dữ kéo từng đàn.
Giết hổ đã có Viên tướng-quân.
Tướng-quân đứng sững chặn lối hổ,
Hổ biết tướng-quân hổ đã sợ.

Thấy hổ, tướng-quân giận điên tiết,
Súng nổ vang ầm như tiếng sét.
Bốn hổ cùng chết, ba hổ « chuồn » (1)
Mặt đất rượu thịt chất như non,

Dân châu đem lễ mừng tiễn chân.
Mùi hổ sặc tận nơi tướng-quân.
Tướng-quân đi thẳng vô nơi nó,
Tay không toan nhổ phăng nạnh hổ

Tướng quân quên mình. hổ quên chết
Trong rừng, người, hổ đấu kịch-liệt,
Hơi thở tung bụi, núi như xiêu.
Rừng dài, cỏ rậm, thu đìu-hiu.

Tướng-quân biết hổ xông phía hậu,
Quay dơ báng súng cùng hổ đấu.
Rừng sâu, người vắng, đạn không còn,
Súng không bắn được, sức chưa chồn

Dơ súng đánh hổ, hổ tựa chó
Một con trúng phải, chết vỡ sọ.

---

(1) « Chuồn,» tiếng bình-dân, cũng nghĩa như trốn

Thế hổ dần suy gan người hăng,
Đôi hổ sợ e khó địch chăng

Một con dụ đánh, một con chạy
Nhằm lưng tướng-quân nhón mình nhảy
Vai trái Tướng-quân bị hổ cào
Tay Tướng-quân bị hổ bẻ gẫy,

Lúc này, trong tay Tướng-quân không tấc sắt,
Một hổ hậm-hực giận càng gắt,
Xù ngược lông mao trân trố mắt
Nhẩy xổ lên đầu, như núi sập,

Tướng-quân sức kiệt, kế còn đâu,
Húc thủng bụng hổ, húc bằng đầu,
Ánh trời thảm-đạm gió kêu sầu !
Người, hổ cùng chết trong non sâu !

Dân châu rất cảm công tướng-quân
Kêu khóc khắp đồng tiếng dậy ran.
Anh chẳng thấy : tướng-quân sức khỏe hổ khôn địch
Tướng-quân vì dân thân chả tiếc.

Tới nay người qua thành Tĩnh-Châu.
Còn nghe các cụ kể sự-tích
Than ôi ! Gần nay hổ giả thế-gian nhiều !
Tướng-quân mất rồi biết tính sao ?

LX

VỀ đời nhà Tống, nhà thi-sĩ đại-gia là cụ lớn Vương-an-Thạch làm thơ có câu :

Minh Nguyệt sơn đầu khiếu,
Hoàng khuyển ngọa hoa tâm.

Nghĩa là :

Trăng sáng kêu đầu núi,
Chó vàng nằm giữa hoa.

Trăng kêu là thế nào ?

Chó sao lại nằm được trên hoa ? Người thời ấy, ai cũng thì-thầm với nhau cho là thơ Cụ-lớn bất thông hết chỗ nói.

Một thi-sĩ có tiếng thời bấy giờ là Tô-Thức, tức Tô-đông-Pha đọc những câu thơ ấy cũng cho là vô-nghĩa. Thi-sĩ liền chữa lại mỗi câu một chữ, thành :

Minh nguyệt sơn đầu chiếu,
Hoàng khuyển ngọa hoa âm.

Nghĩa là :

Trăng sáng soi đầu núi,
Chó vàng nằm bóng hoa.

Chữa mỗi câu có một chữ, cùng vần mà câu thơ bỗng trở nên có nghĩa hẳn hoi, nghe thông lắm. Kể Tô-đông-Pha cũng là một thi-sĩ có kỳ tài.

Nhưng Vương-an-Thạch cho làm thế là làm thơ trở nên tầm thường. Vương cười lạt chê Tô-đông-Pha kiến thức hẹp hòi, không hiểu được thơ.

Sau này, vì Tô-đông-Pha có lỗi hay là tể-tướng Vương-an-Thạch thù-hiềm về sự chữa thơ, muốn cho Tô một bài học không biết, Tô bị nhà Vua đày đi một nơi xa.

Tới chỗ an-chí, Tô-đông-Pha mới chịu phục thơ của An-Thạch, vì ở đó Tô thấy có thứ chim tên là « minh nguyệt » và có thứ sâu tên là « *hoàng-khuyển* ».

Thì ra :

Minh Nguyệt sơn đầu khiếu,
Hoàng khuyển ngọa hoa tâm.

Nghĩa là :

Chim minh-nguyệt hót trên đầu núi
Sâu hoàng-khuyển nằm giữa bông hoa.

vẫn có nghĩa, không đáng sửa chữa gì... Đọc muôn cuốn sách không bằng đi muôn dậm đường, là thế đó.

LXI

TRONG hằng trăm bài thơ thi-bá đời Đường tặng-tống các nhân-vật trong chính-giới, thi-giới thời bấy giờ, người ta

đọc thấy một bài tặng Uông-Luân, một người không có tên tuổi gì trong chánh-giới hay thi-giới.

Bài thơ ấy nguyên văn như sau này :

Lý-Bạch thừa thuyền tương dục hành
Hốt văn ngạn thượng đạp ca (1) thanh
Đào-hoa-đàm thủy thâm thiên xích
Bất cập Uông-Luân tống ngã tình !

lược dịch :

Lý-Bạch ngồi thuyền sắp muốn đi
Trên bờ bỗng nổi nhịp ca gì ?
Đầm Đào nước có sâu ngàn thước
Chẳng sánh tình Uông tiễn mỗ về.

Đào-hoa-đàm tức là đầm Đào-hoa (2) theo sách « Nhất thống chí », ở phủ Ninh-quốc, huyện Kinh (Kinh Huyện) tỉnh An-Huy nước Tàu. Đầm cách huyện thành Kinh-Huyện một trăm dặm về phía Tây Nam, nước sâu không biết đâu mà lượng.

Bài thơ này, Lý-thái-Bạch viết vào giấy chứ không phải khẩu-chiếm. Con cháu

---

(1) Đạp-ca là vừa dậm chân xuống đất đánh nhịp vừa ca.

(2) Đàm : Đầm. Đầm là một giải nước rộng và sâu, khác hồ về chỗ thường dài hơn là rộng.

Uông-Luân giữ mãi bài thơ làm của gia-bảo nhân thế mà ngày nay mới được lưu-truyền.

Nhưng, một người vô-danh như Uông-Luân thì chi mà Lý-Trích-Tiên hay Lý-Hàn-Lâm mến chuộng đến khen rằng cái tình của Uông-Luân đối với mình nó sâu hơn nước Đào-hoa-đàm ?

Đành rằng sự tống-tặng thi-từ là sự rất thường của Lý-thái-Bạch. Song các thơ tống-tặng ấy, ngày nay người ta lượm được hàng trăm, đều là thơ tống-tặng mấy nhân-vật trứ-danh thời bấy giờ.

Một người. — chỉ có một — một người không tên tuổi gì mà được trích-tiên tặng thơ khen thì là một sự lạ.

Người ta nói rằng, khi Lý-thái Bạch sắp du-lịch tới Kinh-huyện, thì một người nhà quê ở miền đó (ý hẳn là một ông đồ nho thì phải !) — tên là Uông-Luân, biên thơ cho Lý. Trong thơ đại-khái nói rằng :

— Tiên-sinh có thích chơi đất này « chăng? Đất này có ngàn gốc « hoa đào !

« Tiên-sinh có thích rượu chăng ?

« Đất này có vạn-gia tửu-điếm « (muôn nhà bán rượu) ».

Được thơ, Lý-thái-Bạch thích lắm, nhận lời ngay, đinh ninh rằng mình tới đó tha

hồ mà thưởng hoa đào và uống rượu.

Tới nơi Uông-Luân nói :

— Ngàn gốc đào hoa thì không có, nhưng có đầm Đào - hoa, (Đào - hoa - đàm). Còn « Vạn-gia tửu-điếm » thì là tửu-điếm do một người họ Vạn đứng chủ (tửu-điếm nhà họ Vạn)

Lý-thái-Bạch mỉm cười.

Mấy ngày du-lịch ở đó, Lý-thái-Bạch đều được Uông-Luân thết đãi cơm rượu rất trân trọng. Do đó Lý cảm-khích thâm-tình tặng thơ trước khi từ biệt...

LXII

VÕ-XUYÊN-HẦU nhà Lê là Mạc-đăng-Dung, sau khi sai người ngầm giết vua Lê-chiêu-Tôn (1524) và vua Lê-cung-Hoàng (1517), bắt ép các quan nhà Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc. Các quan Triều - thần không bằng lòng, có ông nhổ vào mặt Đăng-Dung, có ông đập nghiên mực vào mặt Đăng Dung, có người thì nhảy xuống sông tự-tử, sau khi quay đầu về lạy Lam-sơn, nơi phát-tích của Lê-thái-Tổ.

Còn người nào sống sót thì chạy trốn sang Tàu, cầu cứu vua nhà Minh, hòng phò Lê giệt Mạc.

Vua nhà Minh sai quan đi Vân-Nam cùng với quan Tuần-Phủ sở-tại điều-tra mọi việc xảy ra bên nước Nam mình.

Cựu-thần nhà Lê sang Vân-Nam kể rõ việc họ Mạc làm điều thí-nghịch ; quan nhà Minh liền tâu Vua xin cử binh sang đánh nhà Mạc, ý không định cứu nhà Lê, mà định thừa cơ chiếm-cứ nước Nam ta !

Năm Đinh dậu (1537) tức là năm Đại-Chính thứ 7, (vua Đại-Chính húy là Mạc-đăng-Doanh nối ngôi vua cha Mạc-đăng-Dung năm 1530) vua nhà Minh sai ngươi Cừu-Loan làm đô-đốc, Mao-bá-Ôn làm tán-lý quân-vụ, đem quân sang cứu nhà Lê (!).

Mao-bá-Ôn là một quan đại-thần nhà Minh, tước phong Nam-xương-bá, được nhà vua rất trọng-đãi tin-dùng.

Khi Mao-bá-Ôn lên đường sang Annam ta, vua nhà Minh, bấy giờ là vua Minh-thế-Tôn sức vua Gia-Tĩnh, có tiễn Mao-bá-Ôn một bài thơ tám câu rằng :

Đại-tướng Nam-chinh đởm khí hào,
Yêu hoành thu thủy Nhạn-linh-đao ;

Phong suy đà cổ sơn-hà động,
Điện thiềm tinh kỳ nhật nguyệt cao,
Thiên thượng kỳ-lân nguyên hữu chủng,
Huyệt trung lâu-nghị khỉ năng đào ?
Thái-bình đãi chiếu qui lai nhật,
Trẫm dữ tiên-sinh giải chiến-bào.

Lược dịch.

Đại-tướng Nam-chinh khẳng khái sao !
Lưng đeo sáng quắc Nhạn-linh-đao ;
Gió lay trống trận, sơn hà động,
Chớp loáng cờ đồn nhật nguyệt cao (1)
Trời thẳm kỳ lân sinh giống sẵn,
Hang sâu kiến cỏ trốn đàng nào ?
Thái bình khi chiếu đòi về nước
Trẫm cởi giùm ông chiếc chiến-bào.

Cừu Loan và Mao-bá-Ôn đem quân sang đóng gần cửa Nam-Quan (Lạng-sơn) rồi truyền hịch đi mọi nơi, nói hễ ai bắt sống được cha con Mạc-đăng-Dung đem nộp, sẽ được thưởng quan-tước và hai vạn bạc. Chúng lại sai người dưa thơ sang cho Mạc-đăng Dung bảo phải nộp sổ đinh-điền và

---

(1) Câu này nghĩa là : chớp soi loang loáng vào cờ si coi bóng cao chót vót tới mặt trời, mặt trăng. Dịch thế này tối nghĩa, nhưng dịch-giả không thể dịch hơn được.

thân đến chịu tội, sẽ tha chết cho. Ngoài ra, Mao-bá-Ôn lại vịnh bài thơ « bèo » đưa sang cho vua quan Annam coi. Bài thơ ấy như sau này :

Tùy điền chục thủy mạo ương châm,
Đáo xứ khan lai thực bất thâm.
Không hữu bản căn không hữu cán,
Cảm sinh chi tiết cảm sinh tâm.
Đồ tri tụ xứ ninh tri tán,
Đãn thức phù thời nả thức trầm.
Đại để trung thiên phong khí ác,
Tảo quy hồ hải tiện nan tầm.

Lược dịch :

Ruộng nước lênh bênh nhỏ tựa kim (2)
Nơi nơi trông thấy mọc nông mèm.
Đã không cành cỗi, còn không gốc,
Dám có rễ mầm, lại có tâm.
Nào biết nơi tan, duy biết tụ,
Chỉ hay khi nổi, nọ hay chìm ?
Giữa trời giông tố thình lình nổi
Quét bạt ra khơi, hết kế tìm.

Thế là vua Minh-thế-Tôn (tức Gia-Tĩnh)

---

2) Dịch ép, nhưng đành phải chịu.

đã ví người Việt-Nam mình như lũ kiến và Mao-bá-Ôn thì như con kỳ-lân trên trời !

Và con « kỳ lân » ấy lại coi người Việt-Nam mình như cái bèo, cái bọt, tụ tán không chừng nổi chìm từng lúc, không lịch-sử, không căn-bản, không tương-lai.

Họ lầm.

Nếu người Việt-Nam là lũ kiến cỏ, thì lũ kiến cỏ ấy đã có phen đốt chết con « Kỳ-lân » Tàu !

Nếu người Việt-Nam mình là đám bèo, thì đám bèo ấy đã từng phen định lấp kín mặt biển Trung-Quốc.

Trưng-Trắc, Trưng-Nhị đã đuổi quan quân nhà Hán về Tàu, Lê-Hoàn đã chém Hầu-nhơn-Bảo, tướng nhà Tống ở Chi-Lăng, Lý-thường Kiệt đem quân sang hỏi tội Vua nhà Tống và hai châu Khâm-Liêm, Trần-quốc-Tuấn phá 50 vạn quân Nguyên ở Vạn-kiếp, Lê-Lợi, thì đánh nhau với quân Minh ròng rã trong mười năm trời (vẫn nhà Minh !) chém Liễu-Thăng, bắt Hoàng-Phúc đuổi Mộc-Thạnh, Vương-Thông. Đó là mấy đoạn lịch-sử vẻ-vang của người Việt-Nam trước thời Vua Minh Gía-Tĩnh và Mao-bá-Ôn, tướng người Tàu

vẫn chưa quên được ! chính cái lũ kiến cỏ ấy, cái đám bèo ấy, sau này đã làm cho vua Càn-Long nhà Thanh giật mình, khi được tin Tôn-sĩ-Nghị bại trận Đống-đa, bỏ cả ấn tín mà trốn về Trung-Quốc !

Ấy thế mà vua Gia-Tĩnh nhà Minh đã coi người Việt-Nam như lũ kiến, Mao-bá-Ôn đã coi người Việt-Nam như đám bèo.

Rất đỗi một văn-sĩ Tàu đã phê-bình sĩ-phu ta một cách bậy-bạ như vầy :

« *Kỳ sĩ-phu đa cứ-nhược nhi hiếu tác tráng ngữ.* »

Nghĩa là :

« Sĩ-phu nước họ phần nhiều hèn nhát nhưng hay làm thơ nói cứng ! »

Để cải-chính sự hiểu lầm đó, chúng tôi xin nói thẳng rằng, dầu sao, người Việt-Nam cũng đã có phen dám hô to cho người Tàu biết :

Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Vả chính cụ Trạng-Nguyên Giáp-

Hải thời bấy giờ cũng đã cho Mao-bá-Ôn biết giá-trị đám bèo An-Nam, bằng một bài thơ họa vận :

Cầm lân mật-mật bất dung châm
Đới diệp liên căn bất kể thâm,
Thường dữ bạch vân tranh thủy diện,
Khẳng giao hồng nhật chiếu ba tâm
Thiên trùng lãng đả thành nan phá,
Vạn trận phong suy vĩnh bất trầm
Đa thiểu ngư long tàng giá lý,
Thái-công vô kế hạ câu lầm!

Lược dịch :

Vầy gấm ken đầy chẳng lọt kim
Lá liền rễ mọc, kệ nông mèm!
Mây bạc không cho soi thủy diện (1)
Anh hồng đâu để dọi ba tâm?
Sóng dồi ngàn lớp khôn xô vỡ,
Gió dập muôn cơn khó đánh chìm
Rồng cá ít nhiều nương ở đó,
Cần câu Lã-Vọng hết mong tìm!

Chẳng biết vì bài thơ họa vận này hay vì Mạc-Đăng-Dung sai bọn Nguyễn-văn-Thái sang sứ xin hàng mà quân của Mao-bá-Ôn chuyến ấy, rút về, không đánh?

(1) Dịch thất-niệm, nhưng phải chịu vậy.

LXIII

Có người hỏi :

— Trong các nhà thơ xưa như Hồ-xuân-Hương, Nguyễn-Du, Cao-bá-Quát, Nguyễn-công-Trứ, Yên Đồ, Tú-Xương, và trong các nhà thơ đương-thời như Thế-Lữ, Lưu-trọng-Lư, Leiba, Tú-Mỡ, Thao-Thao, Hàn-mạc-Tử, Huy-Thông, Nguyễn-Bính, Trần-huyền-Trân v. v... nhà nào hay hơn cả?

Có người đáp :

— Các thứ hoa : Hồng, đào, mai, quỳnh, lan, huệ, thược-dược, hải-đường, mẫu đơn, thủy-tiên, sen, cúc... mỗi thứ đẹp một vẻ. Nếu mẫu-đơn được gọi là *thiên-hương quốc sắc* thì lan được gọi là *vương giả chi hương* ; mai được gọi là *hoa-khôi*, thì sen là *hoa-trung quân-tử*, không thể nói hoa nào đẹp hơn hoa nào và hoa nào đẹp nhất.

Nhân-tài cũng như hoa. Thi-gia mỗi người hay một vẻ, không thể nào so-sánh ai hơn ai thua. Có điều là người ưa hoa mai thanh khiết, kẻ mến hải-đường yêu-kiều. Người thích thơ phóng-dật của Tú-Xương, kẻ mến thơ bình-dị của Yên-Đồ. Sở-thích mỗi người một khác song không thể dựa vào cái sở-thích đó mà luận hoa-phẩm hay tài-nghệ nhà thơ.

LXIV

MUỐN thân oan cho các nhà thơ bị bỏ quên một cách oan-uổng như Phi-Yến và Thao - Thao, tưởng không gì hơn đem tác-phẩm của họ giới-thiệu với bà con.

Vì vậy, tôi lục ra đây bài « *Adam* » của Phi-Yến và bài « *Tiêu-Lang* » của Thao-Thao

ADAM

(Ba năm sau tội lỗi đầu tiên...)
Rồi ngày kia nhân một buổi chiều tà
Dưới rừng xanh lộng-lẫy sắc muôn hoa
Bên suối ngọc, nước ngân nga tuôn chảy
Đôi chim sắc, hân-han ca, hót, nhảy.

. . .

Adam ngồi mơ-mộng giữa rừng xanh,
Chàng buồn trông cây cỏ ở bên mình.
Như cảm thấy đời ai xa trơ-trọi.
Buồn vì đã dấn thân đường tội lỗi.

. . .

Nhưng đằng xa con trẻ chạy nô cười :
Bên khóm hồng, vợ đẹp ngắm con chơi.
Tóc đen mướt, bơ-thờ buông trước mặt,
Ngắm vợ đẹp, sự mơ-buồn tản mất.

. . .

Nhưng kim-ô hè nắng dọi bên sông,
Ánh dịu-dàng, gội rửa vết dơ lòng.
Chàng cảm thấy thân chàng đầy tội-lỗi
Rồi qui xuống chàng ăn-năn sám-hối,

. . .

Ở bên sông lảng-vảng tiếng cao siêu,
Như giục chàng hãy dẹp những tình-yêu,
Đã trói buộc không thôi nơi trần-thế.
Đã dìm-đắm thân ai nơi biển lệ.

. . .

Ở ven trời đạo-mạo tiếng xà đưa
Như khuyên chàng hãy tỉnh cuộc mơ xưa
Mà dừng lại bước đường chàng sẽ tiến
Bước hạnh-phúc mơ-màng không vĩnh-viễn

. . .

Rồi tiếng kia như nhắc nhở chàng về
Chốn thiên-thai, giứt bỏ chốn trần mê.
Lăn-lóc mãi tuyết sương cùng gió bụi,
Hãy tỉnh giấc mơ tiên đừng mê-muội.

. . .

Nhưng đường xa con trẻ chạy nô-cười,
Bên khóm hồng, vợ đẹp ngắm con chơi;
Tóc đen mướt bơ-thờ buông trước mặt,
Nhìn vợ đẹp lòng chàng thường ngây-ngất.

. . .

Rồi, bâng-khuâng, suy-nghĩ, chàng cân phân.
Bỗng tiếng ai vui-vẻ hát trên ngàn
Cùng tiếng suối, reo mừng tung trời đất,
Lẳng-lặng nghe nỗi mơ buồn tản mất.

∴

Chàng ngẩng đầu, đi lại đến bên con.
Âu yếm hôn người vợ hãy còn son.
Bên tai tiếng cao-siêu đà biến hẳn,
Trời nhuộm đỏ, mây hồng bay lảng-vảng-

(Tình-sử)

TIÊU-LANG

(Nhớ ai hồn lìa theo ai)

Khi còn Hồ-thu, nàng hát như ru
Như đẩy người vào thế giới mịt mù
Để mơ màng với trăng trong gió mát
Thì tiếng tiêu của Tiêu-Lang man-mác
Như hơi bay, như gió thoảng vi-vu...
Nhưng Hồ - thu mỏng mảnh kiếp phù-du
Một chiều thu, đã xa lìa cõi thế
Và người yêu nhìn đầm đìa giọt lệ,
Ôm Hồ-thu hồn vỗ cánh cao bay
Theo Tử - thần lướt gió và đè mây...
Từ đấy, Tiêu-Lang âm thầm sớm tối
Ống tiêu treo cũng thờ ơ biếng thổi,
Vì thổi chi trong lúc thảm - thê sầu?

Thà ôm đau mà rầu-rĩ canh thâu.
Nhưng đêm qua Tiêu-Lang chợt rền rĩ
Cố dặt-dìu, ngân-nga và kể lể
Nỗi lòng đau chất chứa vắng Hồ-thu
Tàn canh còn văng vẳng tiếng vi-vu...
Nhưng bình-minh thì Tiêu - Lang ngừng thổi
Và lặng im, vì gần khi hấp-hối
Chàng gượng đem tàn lực gởi trong tiêu.

Đọc bài thơ này của Thao-Thao, người ta lại bắt nhớ đến bài thơ của Paul Verlaine :

L'AUTOMNE

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
Deçà, delà
Pareil à la
Feuille morte

Lý-nguyên-Bách — (một thi-sĩ trẻ tuổi, từ giã đời giữa lúc tài-hoa đang phát-triển —) đã dịch ra như vầy :

Thổn thức sầu,
Thoảng đờn đâu.
Thu như rầu,
Bâng-khuâng lòng đau
Hiu hắt tuôn sầu
Sớm chiều như nhau

. . . . . .

Thổn thức gan vàng,
Lạnh lùng tình thương
Bỗng như nghe chuông
Chợt động can trường
Nhớ xưa vẩn vương
Lệ sầu như sương

. . . . . .

Lang thang ơ thờ
Lần theo gió thu,
Mặc cho gió đưa
Vần vần, vơ vơ
Nào khác chi là
Bên đường lá khô.

LXV

Có đôi người nói rằng: thi-ca nếu đem làm việc cho một cái gì ngoài nghệ-thuật, thì không thể nào hay được, nó sẽ mất hết cái bản-chất thuần-túy của nó.

Ta khbông hơi đâu mà « cãi vã » với họ Thử ngâm bài thơ sau đây của Nhượng Tống họ sẽ hiểu thi-ca có thể đem làm việc cho gì ngoài nghệ-thuật hay không :

CÔ HÀNG HOA

Cô em hàng xóm sinh nhà nghèo
Trồng hoa, tưới hoa sớm lại chiều.
Gió đông vừa thổi, hoa vừa nở,
Cắt, bó vội vàng đem bán chợ.

Chợ chiều lác đác người hồ (hầu) quang,
Gánh hoa còn nặng, cô bàng hoàng ;
Nào đâu quà em ? Nào cháo mẹ ?
Mẹ yếu, em thơ, lòng những thương

Đổ hoa xuống rãnh bưng mắt khóc,
Khóc ra giọt lệ như giọt ngọc.
Cúi đầu gạt lệ sợ người cười,
Nhìn hoa dưới rãnh mắt khôn dời

Thương hoa thương cả thân vun xới,
Sương, nắng công trình biết mấy mươi ?
Ô hay người đời riêng ttnh lạ :
Hoa thật chẳng thích, thích hoa giả

Hoa thật hỏi mua nào mấy người !
Hoa giả đắt hàng như tôm tươi !
Cô em ngồi nghĩ, bụng sực nhớ :
Vì nghèo âu phải liệu chiều đời.

Mua lụa mua phẩm, mua giây sắt
Nhuộm đủ các mùi (mầu) đem kéo cắt
Nào cành, nào cánh nào đài tràng,
Khéo làm chẳng khác chi hoa thật

Làm xong hoa giả bán nhiều tiền.
Lãi-lờ tấn-tới ngày một lên,

Mẹ khỏe, em học, chị buôn-bán
Tay không bỗng chốc dư bạc ngàn
Có khi thong-thả thăm vườn cũ
Mắt trông ngàn hoa chiều ủ-rũ
Tàn tàn, nở nở biết bao lần?
Mưa mưa, gió gió ai là chủ?
Tần-ngần ngẫm-nghĩa cô thương tâm
Chứa chan hàng lệ khôn ngăn cầm,
Thương hoa thương cả nghề buôn bán
Lai-láng tình riêng năm lại năm.

Cả một bài thơ dài này chỉ chứng-thực và giải-nghĩa cái ý-nghĩ chua-chát :

Vì nghèo âu phải liệu chiều đời.

Cô hàng hoa là cái trưng-tượng kẻ nghèo-hèn phải nén lòng chiều đời để kiếm cơm nuôi mẹ, nuôi em, nuôi mình...

Ôi ! vì nghèo mà mình phải tự dối mình, làm trái với sở-thích và cái bản-nghiệp mình, nép mình dưới làn sóng thị-hiếu của thiên-hạ ! Ngao ngán thay !

Ông Trúc-Khê đã phê-bình bài này « lời văn nhẹ nhàng, ý văn chua chát, khiến người đọc đến có một mối cảm ngấm ngầm mà sâu cay ».

LXVI

MỘT nhà văn, có lẽ là ông Tú-Xương nằm trong ngục, cứ kể Kiều hoài, coi bộ tự nhiên như ở nhà vậy. Quan Án thấy thế, cho đòi lên hạch hỏi và hăm-dọa sao đó.

Sau, không biết nhà văn ta kêu làm sao, mà quan Án truyền hễ khẩu chiếm (tức là làm miệng) được bài thơ vịnh Kiều tám câu cho hay, thì Ngài sẽ tha tội. Nhà văn kia liền xin phép đọc luôn như là đã nghĩ trước từ bao giờ rồi vậy :

Khóa cửa phòng xuân để đợi chờ
Mà em mất nết tự bao giờ
Chàng Kim mê gái công đeo đẳng
Viên ngoại chiều con chết ngất ngơ
Nợ trước hẹn hò con đĩ Đạm
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ
Mười năm lăm ấy bao nhiêu sướng
Còn trách làm chi chú bán tơ!

Trong hai câu 5, 6 có tên ông T. .Đ... mà nhà văn kia lại kêu là « bố cu » « con đĩ ». Quan Án cũng biết là thơ « xỏ

lá » nhưng phải chịu là hay và thec lời hứa, tha tội cho.

* * *

Khi làm Tuần-vũ Ninh-bình, ông T... có sai đục bốn câu thơ vào vách đá núi « Non-Nước » như vầy :

Người cúc tính ưa cúc
Bạn bè hồ chọn ai?
Mải xem non với nước
Có phúc được ngồi dai.

Ông lại sai thợ đục cả hai bàn chân ông tại chỗ ông hay ngồi chơi. Chỗ ấy ông có sai người trồng cúc, và sửa sang các tảng đá cho nhẵn-nhụi.

Có lẽ vì việc đó, mà làng văn hay chế diễu . . .

Tôi nhớ ông Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu trong « An-Nam tạp chí » năm xưa dưới đầu đề « ngàn năm non Thúy. . . » (núi Non-nước tên chữ là Thúy-sơn) đã làm mấy câu thơ diễu rằng :

Năm ngoái năm xưa đục bốn vần
Năm nay Quan lớn đục hai chân
Khen cho đá cũng già gan thật
Chịu được cho quan đục mấy lần !

LXVII

MẤY năm trước, trong một buổi diễn-thuyết, Cầu Đại-vương của Tàu là Lý-huệ Đường, có nói sơ-lược rằng tổ-quốc bóng-tròn là nước Tàu.

Có người cho Lý đã nặng lòng tự-ái mà nói thế, chớ thuở nay hầu hết các môn thể-thao đều xuất tự nước Ăng-lê.

Không, Lý đã nói theo sách «Tam-hợp minh-châu bữu kiếm» là một cuốn tiểu-thuyết cổ của Tàu. Sách ấy chép Vua Võ-Đế nhà Hán, cho công-chúa ngồi trên lầu cao, liệng quả cầu xuống. Trong đám người dự cuộc tuyển chọn đứng dưới, hễ ai cướp được quả cầu thì được kén làm phò-mã.

Đời sau để nói bóng sự kén chồng, người ta thường nói « gieo cầu ».

Cụ Nguyễn-Du, trong truyện Kiều cũng đã dùng tích này trong câu :

« Nuôi con những ước về sau :
« Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi ».

Cứ theo tích « gieo cầu » đó thì bóng tròn ít ra cũng có từ đời vua Hán-võ-Đế nước Tàu (tức là trên dưới 100 năm trước Thiên-Chúa.)

Có điều là không rõ thời bấy giờ người a có thường chơi bóng tròn không?

Nhưng điều chắc chắn là bóng tròn đã trở thành một môn thể-thao về đời vua Minh-Hoàng nhà Đường.

Chính vua Đường-minh-Hoàng cũng ham chơi bóng tròn lắm.

Người ta đã vẽ tranh ngài đá cầu, không biết nay có còn sót lại không, chớ về đời Tống thì tranh ấy vẫn chưa mất.

Một vị quan lớn kiêm thi-sĩ đời Tống, tên là Triều-vô-Cữu, tự là Cảnh-thiên, làm quan tới chức Bí-Các Chánh-tự kiêm Hữu-bổ Khuyết có làm bài thơ đề tranh « Đá-cầu » đó như sau này :

Xương-hạp thiên môn vạn hộ khai,
Tam-Lang trầm túy đả cầu hồi :
Cửu-Linh dĩ lão, Hàn-Hưu tử,
Vô phục minh triêu gián sớ lai.

Lược dịch

Cung-điện mở toang cửa vạn ngàn
Cậu Ba say khướt mới chơi « ban » :
Cửu-Linh già yếu, Hàn-Hưu chết
Hết thói ngày mai đệ sớ can !

Vua Đường-minh-Hoàng là con thứ ba

nên thường tự xưng là Lý-tam-Lang, Cửu linh họ Trương và Hàn-Hưu đều là hai người bầy tôi trung trực của vua Minh-Hoàng.

LXVIII

MỘT người mới học làm thơ hỏi rằng :
— Làm cách nào cho thơ mình được truyền - tụng ?

Có người đáp :

— Có một cách diệu nhất là đừng nghĩ đến sự truyền-tụng làm gì ! Những anh-hùng, liệt-nữ, chí-sĩ, nhân-nhân thời cổ khi hy-sinh tính-mệnh, quyền-lợi cho danh-giáo hay gia-đình, tổ-quốc, có nghĩ gì đến bia đá, tượng đồng hoặc lưu danh trong sử sách đâu ! Thấy việc nghĩa phải làm thì làm, còn hậu thế chê khen, họ không chú-ý tới. Các thi-gia bất-tử thời xưa cũng vậy. Thấy trong lòng có sự « *bất bình* » thì « *kêu* » lên bằng thơ, lấy thơ để tả chí mình, để giải-thoát cho con *tâm* mình. Họ làm thơ là làm cho mình, để riêng mình ngâm nga, để riêng mình thỏa-thích. Những tiếng lòng thành thật ấy tự-nhiên vang ra lưu-hành bằng miệng khắp chốn, và tự-nhiên được truyền-tụng mãi mãi đời sau. Họ

không tự đem thơ in thành sách như chúng ta ngày nay, thế mà thơ họ đời sau ai cũng nhớ. Trái lại, các tập thơ in bán ngày nay nhiều như nấm mọc, thường lại bị công-chúng quên bẵng đi ngay. Thành ra càng nhiệt-tâm về sự lưu-danh bao nhiêu càng xa sự lưu-danh bấy nhiêu.

LXIX

Ở Bắc-kỳ có nhiều bài thi-ca rất hay truyền-tụng, mà tiếc không biết tác-giả là ai.

Không kể những bài hát ả đào, các bài vè, còn nhiều bài thơ khác hay đáo-để, hoặc hay về nghệ-thuật hoặc hay về ý-tứ, hoặc hay về khôi-hài.

Như bài thơ « Ông thừa » này chẳng hạn :

Ông là Thừa-Phái Hoàng-Nông,
Ông ngồi ông nghĩ mình ông thật « thừa ».
Thế-gian người đã đủ vừa,
Cớ chi trời lại lọc « thừa » ra ông ?
Mắt « thừa » ông chẳng buồn trông.
Thấy gái má hồng ông liếc ông chơi.
Tai « thừa « ông chẳng nghe ai,
Thấy chuyện nực cười ông ghé thoảng qua.

Miệng « thừa » ông chẳng nói ra,
Thấy chuyện mặn mà, ông nói đủ nghe
Tay « thừa » ông chẳng muốn phê,
Thấy dầu đỏ lòe ông vẽ mực đen.
Chân « thừa » ông chẳng muốn chen
Thấy bước đường liền ông bước ông đi
Bụng « thừa » ông chẳng muốn suy
Ông cứ gan lỳ mà việc cũng xong.
Hỏi còn « thừa » cái gì không ?
Ngán cho cái bọn nhà nho
Mất tiền mất bạc mà lo ông Thừa !

Nhưng tới nay, bài thơ này không hợp-thời nữa. Vì ngạch thừa-phái đã đổi làm ngạch Thông-sự.

LXX

NGÔ-vỹ-Nghiệp tự Tuấn-Công lại tự là Mai-thôn, người đất Thái-sương, đậu Tấn-sĩ triều vua Sùng-Trinh nhà Minh bên Tầu.

Khi nhà Minh mất, ngôi vua về nhà Mãn-thanh, Vỹ-Nghiệp bị bắt ép ra làm quan tới

chức Tế-Tửu Quốc-tử-Giám, tức như chức Đốc-học vậy.

Ngô Tiên-sinh là một nhà văn-học, lại là một thi-hào. Thơ Tiên-sinh phần nhiều đượm vẻ buồn thảm, vì chính cái thân-thế của Tiên-sinh, Tiên-sinh cũng không cho là vui thỏa gì. Trong các thơ của Ngô Tiên-sinh — rất nhiều, — có bài « Viên-Viên khúc » được coi là một áng thơ tuyệt-tác.

Viên-Viên là tên một ả kỹ-nữ đất Cô-tô, người họ Hình, từ nhỏ theo mẹ nuôi họ Trần. Viên-Viên chính tên là Nguyên, tự là Uyển-Phần người đẹp, hát hay. Trước hết nàng là người của Điền-Uyển, sau Điền-Uyển bị buộc phải nhường cho Ngô-Tam-Quế. Sau Lý-tự-Thành nổi giặc đánh nhà Thanh phá kinh-đô, bắt giam cả nhà Tam-Quế và bắt Viên-Viên.

Tam-Quế giận lắm, xin vua nhà Thanh cho đem quân đi đánh Lý-tự-Thành. Tự-Thành bị thua. Viên-Viên lại về tay Tam-Quế. Vì mất Viên-Viên, Lý-tự-Thành giết cả nhà Ngô-tam-Quế, cả cha mẹ Ngô, tính cả thầy 13 mạng người.

Sau có công-trạng với nhà Thanh, Ngô-tam-Quế được phong tước Vương. Viên-Viên được lên địa-vị Vương-phi, cực kỳ cao

qui. Đến sau rốt, thấy Tam Quế định đánh đổ nhà Thanh, Viên-Viên xin phép đi tu, và tu tới già. Bài « Viên-Viên khúc » là một bài thơ thất-ngôn cổ-phong, một bài thơ dài, tả đoạn lịch-sử của Viên-Viên gặp gỡ Ngô-Tam-Quế.

Cả nhà Ngô bị Lý-tự-Thành bắt, Ngô cũng chưa quả-quyết đánh Lý. Đến khi được tin Viên-Viên bị Tự-Thành chiếm, bấy giờ Tam-Quế mới nổi giận cầm quân khôi-phục kinh-thành.

Vì thế, trong thơ Ngô-vỹ-Nghiệp có câu :

« *Anh-hùng nhất nộ vị hồng-nhan* »

Nghĩa là :

Anh-hùng nổi giận bởi hồng nhan.

Nhưng vì bốn câu thơ này gần cuối bài :

Thê tử khởi ưng quan đại kế
Anh-hùng vô nại thị đa-tình,
Toàn gia bạch cốt thành hôi thổ
Nhất đại hồng-trang chiếu hãn-thanh.

Lược dịch :

Cái việc vợ con đành việc nhỏ,
Anh-hùng luy vậy vẫn đa-tình !
Cả nhà xương trắng thành tro đất ;
Cốt giúp má hồng rạng sử xanh.

Mà Tam-Quế nghĩ thế nào không hiểu, bỏ ra một vạn đồng cho Ngô-mai-Thôn, yêu-cầu Ngô hủy bài Viên-Viên khúc đi đừng công bố ra thiên-hạ. Hai mươi tám chữ mà đáng giá một vạn bạc thì quả là « *nhất tự thiên kim* ». Ông Tản-Đà nói : *Văn-chương hạ giới rẻ như bèo* »có lẽ không đúng.

LXXI

NGÓT 30 năm nay, hồi Quốc-dân đảng Trung-Hoa khởi nghĩa diệt nhà Mãn-Thanh, phế vua Phổ-Nghi, các quan đại-thần Thanh-triều trốn chạy mỗi người một ngả và mỗi người dùng mỗi kế để thoát thân.

Như Thụy-Trừng thì ăn bận giả làm một chú nông-phu, đầu đội nón lá mê ; Sầm-xuân-Huyên thì cạo cả chòm râu đi, cho người ta khỏi nhận được mặt...

Một văn-sĩ kiêm thi-sĩ Tàu là Hồ-ký-Trần có làm tặng mấy vị đại-thần đó, mỗi vị một bài thơ.

Bài thơ tặng Thụy-Trừng như sau này :

Tạc đạn nhất thanh kinh mộng tỉnh,
Cải-trang đào xuất thái thông thông.
Yên soài vũ lạp, quân hưu tiếu :
Thần bản canh-tân nhất lão nông

lược dịch :

Bom nổ đánh đùng vùng tỉnh dậy,
Cải-trang chạy trốn vội vàng thay !
Áo tơi nón lá : Vua đừng chế
Thần vốn là ông lão thợ cày

Bài thơ tặng Sầm - xuân - Huyên nguyên văn như sau này :

Tiên-sinh tạc tự Vũ-Xương qui
Nhất tiếu kinh khan diện mục phi !
Quái sát bàng nhân bất tri đạo
Thác nghi trước ý mỵ thâm khuê !

lược dịch :

Hôm qua ông ở Vũ-xương về
Mặt mũi ô kìa sao khác ghê !
Trách bấy người ngoài ngu dốt quá,
Ngờ lầm : ông sợ vợ nhà chê !

Lời thơ thật lạnh như nước đá, mà chua nồng như dấm thanh, cay gắt như trái ớt !

LXXII

Cô Đàm-mộng-Hoàn là một đào hát trứ danh xóm Khâm-thiên Hanoi. Người ta nói cô, hát giỏi, thơ hay, giọng tốt, người đẹp. Năm đức Bảo-Đại Bắc-tuần, (1933) cô Hoàn đứng đầu trong bốn cô hát khúc Nghinh-Loan và sau đều được ân-thưởng ngân-tiền.

Người tới lui nhà hát cô hầu hết là các bực văn-nhân, tài-tử, tai mắt trong xã-hội hiện giờ.

Ông Phó-Bảng Nguyễn-can-Mộng có lẽ cũng là một người trong bọn ấy.

Vì chính ông đã đề ảnh cô như vầy :

Nghĩ-ngợi chi mà đứng mãi đây ?
Chẳng cười, chẳng nói, điệu như ngây.
Ngẫm cơ thế-sự vòng quay mãi
Vì chữ chung-tình mộng vẫn say.
Thân phận liễu bồ tờ giấy trắng,
Nếp nhà băng tuyết kiếp tu dầy
Này trăng đáy nước, hoa trong kính
Thưởng đến tinh-thần đã mấy tay ?

Thơ đề ảnh được như bài này đã là hay lắm. Thật không câu nào bỏ đi.

Ngẫm cơ thế sự Vòng quay mãi,
Vì chữ chung-tình Mộng vẫn say

Vòng là nghĩa của chữ Hoàn là tên Cô-đào ; Vòng tức Hoàn đối với Mộng là hai tên người.

Gò-gập thế, người ta biết Cụ Bảng có dụng-ý rồi.

LXXIII

CÁC thi-gia tiền-bối nước ta quanh đi quẩn lại chẳng được mấy lăm người, so với thi-giới Tàu hay Pháp thật còn vắng lắm.

Người ta chỉ nhớ được độ hơn chục tên thi-gia thuở trước từ Hàn-Thuyên tới Trần-kế-Xương rồi Tản-Đà, Á-Nam !

Tuy nhiên không phải tại cớ hiếm người biết làm thơ đâu !

Thật ra, chỉ vì thi-gia nước ta thời trước phần nhiều và hầu hết đều coi sự ngâm vịnh là một cách giết thì-giờ, mong mua lấy những phút tiêu - khiển hơn là mong chuốc lấy cái thanh-danh bất tử trên tao đàn. Nghề ấn-loát chưa được tinh-xảo và phổ-thông cũng là một cớ cho sự khó

lưu-hành những thiên danh-sơn trong thiên-hạ.

Một tập thơ chép bằng tay chỉ để cho bà con anh em thân-mật xem đọc với nhau, ít khi lọt ra ngoài.

Cho nên nhiều thi-gia đương thời thì có tiếng sành thơ mà đến đời sau, tên tuổi bị xóa mờ trong bóng tối.

Thế thì ta phải cảm ơn ông Tiên-Đàm Nguyễn-tường-Phượng, vì ông đã có công giới-thiệu ta một vị thi-hào bị bỏ quên và làm giầu thêm thi-sản trong nước, trong khi thi-giới ta lưa-thưa như buổi chợ chiều hôm!

Ấy là cụ Lê Lượng-Thề, hiệu Thảo-Trang người giáp Tiêu-hạ huyện Thọ-xương, tỉnh Hanoi, tục danh là quan án Hào. Cụ sinh năm 1847 nay đã mất, thọ 73 tuổi; đỗ cử-nhân, làm quan đến Án-sát-sứ. Đau mắt, cáo về, cụ lập biệt-thự ở Thái-Hà-Ấp (Hanoi) thường cùng xướng, họa với cụ Quận Hoàng-thái-Xuyên.

Cụ có để lại một tập thơ nhan là « Thảo-trang thi-tập » và hiện nay con cháu Cụ rất đông.

Ông Tiên-Đàm đã sao-lục ít bài thơ trong « Thảo-trang thi-tập » đăng lên tạp-

chí Văn-Học (Hanoi). Bài nào nghe cũng hay, và có một giá-trị riêng.

Theo tôi, thì tên Lê-Lượng-Thể cũng có thể liệt ngang hàng với các tên Tam-Nguyên Yên-Đồ hay Tú-tài Xương.

Dưới đây, xin lục ít bài thơ của cụ để giới-thiệu cùng làng thơ một thi-hào xứng đáng mà từ trước tới nay ta không được biết tên tuổi và văn-chương ra làm sao.

BUỔI CHIỀU MƯA MỚI TẠNH

Rứt hột mưa tà, gió điểm chuông,
Hãy còn thánh thót giọt sân vuông.
Màu cây ngàn bắc ai tô lục?
Bóng giáng non tây mới nhuộm vàng.
Cửa kính phất phơ hơi gió nhạt,
Giàn hoa lóng-lánh bóng giăng suông.
Thái-bình cảnh tượng nghe gần đến,
Mũ áo, cân đai, sắp dạo tuồng.

NÓNG NỰC

Lá cây chẳng động gió đâu rồi?
Bóng giải chang chang, buổi nắng nôi.

Chè búp nhấp luôn còn cóc giọng,
Quạt tây kéo mãi vẫn mồ hôi.
Giải nồng mưa sớm, mây chưa họp,
Hóng mát sông chiều, nước cũng sôi.
Bực lắm muốn xoay vòng đất lại,
Hồ-Tây mang để trước hiên ngồi.

VỊNH NÚI CÓC MẸ CÓC CON
(Ở thôn Thạch-Trùng huyện Phù-ninh Phú-thọ)

Lô xô đàn cóc một ghềnh khơi
Chắn giọc sông Lô giáng vái trời,
Gan tía không chùng cơn sóng gió,
Mình vàng già giãi bóng trăng soi,
Đường rêu lớp-sớp nhường da mốc
Ngấn tuyết lơm nhơm ngỡ dấu vôi.
Ai bảo trơ-trơ không biết nhẩy ?
Xem khi sóng cuộn, nước đầy vơi.

TỰ TRÀO

Tinh-khí hơi ương việc chửa tròn,
Mười năm sáu tỉnh gối không chồn.
Năm mươi tám tuổi già mà lẳng
Trăm rưỡi lương lăng nợ chửa mòn
Chắt nhỏ hàng hai theo nhẵng-nhẵng,
Hầu non năm một đẻ sòn-sòn

Thế mà hào-kiệt anh-hùng nhỉ ?
Cũng đã mang danh với nước non.

* * *

Hay là ta phải cả đường-ương ?
Chưa đủ ba mươi sáu nỗn-nường
Nhà bốn năm cô hầu chẳng hạ,
Chiêm tư chục mẩu ruộng không nương
Thơ từ chẳng được phê tam thánh,
Gậy gạch thì ra yếu nhất làng.
Chính sự cũng hay mà cũng dở
Thảo hèn không nổi tiếng Đông-dương !

VÀO CHÙA XEM TƯỢNG MỚI TÔ, XEM CHUÔNG MỚI ĐÚC, XEM CÔ LỘN CHỒNG

Tới xem chuông tượng cảnh nhà chiền,
Lại có cô nào mới trái duyên.
Soa phấn vừa khi trôn quả phúc,
Hờn hoa đâu đến lần toà sen.
Trăng nương bóng Phật gương còn tỏ,
Gió lọt buồng trai tiếng chửa quen
Chuông khánh thôi về tu với lão
Này chùa Nhất-Trụ rước cô lên !

TẶNG MỘT ÔNG QUAN VỀ HƯU

Có anh nó đuổi cũng không đi,
Ta chẳng tham quyền cố vị gì,

Tám tỉnh, sáu mươi về chí sĩ,
Một mình hai bận rước vinh-qui.
Lệ làng bô-lão vừa khao cả,
Việc nước Tây Tàu chẳng bận chi.
Giời đất còn dài non nước đó,
Kìa sông Nhị-thủy núi ba Vì!
Chim về thẳng cánh gió đưa veo.
Bỡ ngỡ thây ai buổi chợ chiều!
Bổng lểnh sáu mươi đồng chẳng tưởng
Ruộng nương hai chục mẫu không nghèo.
Lối xưa quen mặt hoa cùng cỏ,
Đường rậm chồn chân núi với đèo.
Thong thả tha hồ ăn ngủ đ...
Thôi thôi thôi cũng hết mè-nheo.

NƯỚC LỤT NĂM QUÝ-MÃO

Thấy ai cũng nói nước này to
To nước dân ta lại cả lo
Nọi cửa nhà cao còn bắc bực,
Lối xe ngựa cũ phải đi đò.
Phất phơ lá biếc bèo lưng dậu.
Vùng vẫy giòng ngân lá đỉnh gò.
Tức nước hèn nào bờ chả vỡ!
Muốn khơi sông cũ chẳng ai cho!

TẶNG MỘT ÔNG BẠN

Hỏi bác lâu nay vẫn khỏe khòe
Mấy năm dậy học ở nhà quê.

Năm châu sử mới chừng đương dọn,
Tám vẽ văn xưa hẳn hết nghề.
Bài tháng ba kỳ phơ tóc bạc,
Rượu ngày hai bữa vểnh râu dê.
Bỗ công lóc-cóc cho con học,
Chồi quế đầy sân sẽ nẩy huê.

TỰ THỌ SÁU MƯƠI

Lối xưa nghĩ lại dễ ta nhầm :
Xẹ ngựa xông pha bụi cát lầm.
Ba khóm cúc tùng nhờ quả phúc,
Sáu mươi mày tóc mới hoa dâm.
Hầu non hai chị sinh năm một,
Bạn cũ mười anh chết đến năm.
Non nước còn dài phong cảnh đó,
Giao đàn lại nối mấy câu ngâm.

NƯỚC LỤT BỤT TRÔI

Mông-mênh chùa đó ngập nông ? sâu ?
Bể khổ sao không sớm bắc cầu ?
Tượng gỗ muốn về Tây-chúc cả,
Nào thuyền Bát-nhã của ông đâu ?

CON HÁT CHẠY LỤT

Chị em sợ nhạt phấn phai son
Thấy nước chưa chi đã chạy non,
Thuyền nọ ôm đàn xa tếch cả,
Rập rềnh theo sóng, sướng chưa con ?

Có phải thơ của Thảo-trang tiên-sinh gồm cả vẻ tiêu-dao tự-tại của cụ Yên-Đổ và vẻ trào-phúng sâu cay của ông Tú-Xương không ?

Văn-chương ấy là văn-chương nhà đại-bút, và thi-sĩ đó ta phải tôn là một thi-hào có tài nghề và có tâm-huyết.

LXXIV

CÁI thông-bệnh của nhà thơ, bất cứ là nhà thơ nước nào, thời nào — là sự giả-dối.

Khi đặt bút làm thơ, người ta thường tưởng rằng phải tả cảnh như thế này, như thế nọ, hoặc phải tư-tưởng cảm-giác như thế nọ, như thế kia, nó mới nên thơ.

Thí-dụ như cảnh thì phải tả có liễu, có đào, có non, có nước, có lâu-đài, có thủy tạ, có tuyết rủ, có khói tuôn... như những cảnh vẽ trong tranh Tầu, tranh Nhật, hoặc tả trong thơ Tầu chẳng hạn, và tứ thơ thì phải phỏng theo Lý-Bạch, Đỗ-Phủ đời Đường hay Đông-Pha đời Tống, hoặc Victor Hugo, Lamartine, Musset bên Pháp, hoặc Tagore bên Ấn-độ, thì thơ mới nên thơ.

Do cái quan-niệm sai lầm đó về cái hay của bài thơ, mà nhiều nhà thơ cố ý làm thơ sáo, vừa về hình-thức, vừa về tinh-thần. Những áng thơ giả-dối đó chẳng giúp được gì cho danh-vọng và sự-nghiệp nhà thơ, trái lại chỉ làm cho nhà thơ mất tiếng.

Ngày xưa Platon ở Hy-Lạp muốn trục-xuất các nhà thơ, Malherbe ở Pháp cho nhà thơ là đồ « vô tích sự », một nhà văn nước Anh cho một nước càng văn-minh càng ít người làm thơ, . . . và ngày nay ở Ta và ở Tầu người ta thường cho nhà thơ là người mơ mộng gàn dở, có lẽ một phần lớn cũng vì các nhà thơ giả-dối và các áng thơ giả-dối.

* * *

Chính trong thi-giới người ta cũng đã nhiều phen đứng lên phản-động với cái phong-trào thơ giả-dối đó.

Ở Pháp, thi-sĩ Boileau, tác-giả tập « Thi nghệ » (Art poétique) đã phản-đối sự giả dối của thơ, một cách triệt-để :

« *Không gì đẹp bằng sự thật, chỉ có sự thật là đáng chuộng.* »

(*Rien n'est beau que le vrai, le vrai seul*

est aimable).

Thi-hào André Chénier cũng vậy, cũng cho thơ chỉ hay ở sự thật, ở sự tự nhiên :

« *Nghệ-thuật chỉ làm nên câu thơ, duý có trái tim mới là thi-sĩ* ».

Nói nghệ-thuật tức là nói nhân - công, nói sự cầu-kỳ giả dối. Nói trái tim tức là nói sự thật-thà tự-nhiên.

« Duy có trái tim mới là thi-sĩ » nghĩa là duy có ý tứ thật-thà tự-nhiên xuất tự trái tim mới làm nên thơ hay.

Sách « Độn-trai nhàn-lãm » của một thi-gia đời Tống chép rằng :

« Lý-đình - Ngạn tự - phụ là hay thơ, làm một bài thơ ngũ-ngôn một trăm vận đệ lên một vị quan triều, trong thơ có câu :

Xá đệ Giang-nam một
Gia-huynh Tái-bắc vong

Nghĩa là :

Em tôi mất ở Giang-nam
Anh tôi mất ở Tái-bắc

Vị quan triều đọc tới đó, lấy làm ngậm ngùi hỏi Đình-Ngạn rằng : Tôi không ngờ nhà thầy lại gặp luôn mấy cái tang như

vậy ! Tôi thật là một người chẳng ra gì, từ bao giờ mà tôi không hay gì việc buồn của nhà thày hết ».

« Đình-Ngạn vội đứng dạy nói cho ông quan hiểu sự thể : Thật nhà tôi vốn không có việc ấy, duy tôi thấy hai câu đối cân từng chữ nên tôi để vào bài thơ. Có lẽ đó là một chuyện bịa đặt theo kiểu chuyện ngụ-ngôn, song thời bấy giờ hẳn có chuyện thi-gia làm thơ giả-dối quá đáng, nên tác-giả mới bịa chuyện ra ngụ ý răn đời.

Ở nước ta, cũng có nhiều nhà thơ, nhà văn đứng lên phản-đối cái giả-dối của nhà thơ, tựu-trung có ông Phan-Khôi nói ra những lời đanh-thép :

« *Nước Nam ta chẳng đời nào thấy tuyệt vậy mà trong thơ nôm, thường thấy những chữ* tuyết phủ, tuyết ngậm, *thì thật là láo quá* » !

Bằng ấy chứng-cớ cũng đủ cho ta thấy rõ cái thông bệnh của nhà thơ.

Bạn không muốn thơ mình mang tên là thơ sao?

Bạn muốn làm nên những câu thơ hay?

Bạn hãy nên thật thà và tự-nhiên, trước hết.

Khi thi-hào Alfred de Musset khuyên nhà thơ: «*quên hết mọi sự*» (chasser tout souvenir), là thi-hào muốn nói nhà thơ phải thành thật và tự-nhiên, không nên vơ vào những cái giả-dối vào thơ mình. Thi-hào muốn nhà thơ quên hết những cảnh cũ thấy trong tranh hay trong sách, những ý tứ trong thơ người khác hay người xưa, chỉ nhìn vào sự thật trước mắt mình và nhìn vào tâm-khảm mình, để đúc nên những vần thơ tự-nhiên và thành-thật.

Thi-hào Tản-Đà khuyên ta: «*bỏ hết lòng danh-lợi ra ngoài bụng*» vì khi làm thơ mà còn nghĩ đến chuyện làm cho thơ mình nổi tiếng như thơ của thi-hào nọ thi-hào kia, hoặc nghĩ đến chuyện làm thơ cho thật dài để cuốn thơ đem xuất bản sẽ thêm trang và bán đắt, hoặc thêm dòng để khi đăng báo sẽ được trả thêm tiền, thì tất nhiên thơ ấy là thơ của thợ thơ.

Mà thơ của thợ thơ thì may ra chỉ có giá-trị trong hàng sách, nghĩa là trong việc bán buôn là cùng, không thể có giá-trị trên tao đàn được.

«*Thơ của ngài không phải là không hay*

song khi ngài hạ bút, trong bụng vẫn có một Đỗ-Phủ, một Hàn-Dũ không thể quên được, thành ra thơ ngài hóa ra không hay »

Đó là lời một nhà văn Tàu phê-bình thơ của một nhà thơ cố ý bắt thơ mình phải có mùi Đỗ-Phủ và Hàn-Dũ.

Bàn về văn thơ, Vương-dương-Minh, một danh-sĩ đời Minh, người đã khởi-xướng lên thuyết «Tri hành hợp nhất», rất được tôn-sùng tại đất Phù-tang, đã phản-đối sự giả dối trong thơ bằng những câu văn thiết-thực:

«Thơ văn của người ta, cốt phải có chân-ý (ý thật), trước nhất. Ví dụ như một đứa trẻ con để trái đào thì đẹp, nếu lại đeo mặt nạ, và râu giả, đi đứng lom-khom, thì chỉ tổ người ta ghét».

Coi đó thì «thật» là điều kiện tất-yếu của một bài thơ hay.

Nghĩa là một bài thơ hay, trái với sự hiểu lầm của số đông nhà thơ, phải là một bài thơ chứa toàn chân-cảnh và chân-ý.

Thi-vị-hóa chân-cảnh và chân-ý, đó là công việc của nhà thơ.

LXXV

CÁI kiêu-ngạo của con nhà thơ đã đành lắm khi chẳng đáng khen !

Nhưng quá ư khiêm tốn, đến không muốn ký tên một bài thơ do mình làm ra, cũng không đáng khen.

Sự đó chỉ làm cho người sau lắm khi lầm lẫn tức cười.

Râu ông nọ cắm cằm bà kia, coi sao cho tiện !

Tức như những bài hát ả đầu truyền tụng ở Bắc-kỳ bài thì kẻ này cho là của cụ Thượng-Trứ, kẻ khác lại cho là của cụ Tam-nguyên Yên-Đổ, bài thì người nọ cho là của ông cống Quát, người kia cho là của quan án Chu-mạnh-Trinh.

Như vậy, thì rồi bộ « Văn-Học-Sử Việt-Nam » sau này soạn làm sao cho rành-rẽ, chu-đáo được ?

LXXVI

CHỈ ham mê mải-miết với thơ văn của cổ nhân, mà quên lãng hết những thơ-văn hiện-đại là « bỏ gần cầu xa », không

hợp lẽ phải.

Chỉ đếm sỉa đến những thi-gia có tiếng đương thời, mà bỏ qua những thi-sĩ ẩn-danh, hoặc thỉnh thoảng mới ngẫu-hứng gửi một vài bài thơ đăng lên báo-chí, là bất công, là bị choáng mắt bởi cái tên thi-sĩ.

Đành rằng lựa-lọc những thơ-văn và đánh giá những thơ-văn của thi-giới hiện-thời phải là công việc của thì-gian, của hậu-thế.

Nhưng tưởng ta cũng nên giúp cho hậu-thế một phần công việc đó trong khi ta lựa lọc trong đám thơ-văn hiện-đại, lấy một ít bài có giá-trị về hình-thức hay về tinh-thần.

Bài « Thu sầu » dưới này của nhà thơ trẻ tuổi xấu số Lý-nguyên-Bách kể cũng gọi được là thoát-sáo, trong các bài thơ tả cảnh mùa thu :

Xe ngựa kìa ai rộn phố-phường.
Cỏ cây như héo dưới phong sương
Bên trời bay thẳng con câu trắng,
Trước cửa deo ngang chiếc lá vàng
Cảnh vắng mây luôn tình thảm đạm
Lòng thu ai dội nỗi thê-lương.

Tiếng đàn văng vẳng bên rào trúc
Như rủ ai chơi cảnh mộng-trường

Ông Đẩu-Tiếp Nguyễn-văn-Đề, một thiếu-niên thi-sĩ ở Tourane hiện giờ, thường có nhiều bài thơ đăng báo, nghe cũng khá lắm. Thơ ông lời dễ dàng, ý cảm-động. Người ta đoán một tâm-hồn thi-sĩ bị nén ép trong một hoàn-cảnh khó thở, khi đọc thơ ông :

TỰ THÁN

Kiếp trước âu như có thế nào ?
Hay trời nở muốn thử chi nhau !
Thử chi lửa nữa, hao than củi
Rằng thiệt vàng mười, phải quặng thau ?

Dám việc lập thân lòng chẳnh-mảng,
Sao đường ứng thế nỗi lao đao ?
Năm canh càng nghĩ càng chua xót,
Mảnh áo đơn đầm giọt lệ châu

Giọt lệ châu đầm mảnh áo đơn
Giật mình sao nỡ khóc chi buồn ?
Có trời có đất, phong-vân có,
Còn nước, còn non, nhựt-nguyệt còn.

Đã biết học hành nghèo phải khó,
May nhờ gian hiểm khéo mà khôn.
Nhắn phường mắt trắng ai ai đó?
Một tấm lòng son mãi chẳng sờn.

QUA CHIẾC LỀU KHÔNG

Mấy đời văn vật đất chôn rau.
Cảnh đó người thì đâu thấy đâu?
Ba thước vườn hoang, cơn gió thoảng,
Một gian lều cỏ bóng trăng thâu.
Đầy phòng nhện nọ màn chăng khắp,
Đầu chái chim kia tổ lót vào.
Văng-vẳng này nghe ai đọc sách?
Nhà bên lấp-ló ngọn đèn dầu.

Ông Cử Dương-bá-Trạc đồng chí với những ông Nghè Ngô-đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng, ông Phó-bảng Hoàng-tăng-Bí, ông Cử Lương-văn-Can, cụ Phan-châu-Trinh v. v... là một bực lão-thành chí-sĩ. Nhưng lại là một nhà chí-sĩ kiêm văn-sĩ, thi-sĩ. Ta thử đọc một bài thơ này trong hằng trăm bài của ông Cử-Dương, sẽ biết ông là người thế nào.

HỌA BÀI TỰ THỌ CỦA MỘT ÔNG BẠN

Ta vuông ta cứ mặc ai tròn!
Vinh nhục ra gì tấm kịch con.

Có lỗi Cừ-Viên nhưng cũng ít,
Thà ngu Võ-Tử nọ thêm khôn.
Tỉnh say ngày tháng bầu chưa cạn
Gào thét non sông lưỡi vẫn còn.

Đời chỉ đáng thương không đáng chán
Long già ưu-ái tấc son non.

LXXVII

TRONG « Cung-oán ngâm khúc » có câu :

Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì

Nấm là mô đất. Cỏ - khâu là cái gò, cái mộ cồ, lâu đời. Thơ Tàu có câu :

Phú qui đồng qui thổ nhứt khâu,

Khâu ở câu này cũng một nghĩa ấy, nhiều người lại kề lầm ra là :

Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì

Thậm chí có nhà thi-sĩ nọ, tôi không nhớ tên, làm thơ đăng báo đã hạ câu kết một bài thơ như vầy :

Trăm năm một nắm cỏ khâu xanh !

Chẳng có cỏ gì là cỏ khâu ; nắm cỏ khâu

xanh, vô nghĩa! tôi nghĩ cứ lấy làm tức cười mãi và nhân khi có hứng làm mấy câu nhắn nhà thi-sĩ « cỏ khâu » ấy như sau này :

Trăm năm một nắm cỏ khâu xanh!»
Cỏ ấy, cỏ gì thế hở anh ?
Tôi muốn anh cho xin một nắm
Đem đi Đấu-Xảo chắc lừng danh!

Tôi sẽ hô-hào khắp hoàn-cầu
Cho ai cũng biết tiếng cỏ khâu!
Là người phát-minh thứ cỏ ấy,
Tượng đồng anh sẽ lớn bằng trâu!

Tôi sẽ cổ-động các tiệm may
Ba-Lê, Luân-Đốn khắp phương tây
Và các Kinh-thành châu Mỹ nữa
Chỉ, tơ mắt-mỏ đừng nên xài.

Bảo họ mua toàn thứ cỏ ấy,
Thật nhiều, để thế cho chỉ may.
Bao nhiêu quần áo len và vải
Khâu thì đã có cỏ khâu này!

Như vậy, anh vừa được lợi danh
Chỉ vì « một nắm cỏ khâu xanh »!
Vậy anh chớ tiếc gì tôi nhé!
Có tiện gửi cho cả một dành!

LXXVIII

TRÊN báo S.H. cũ, ông Nam-Trân tức là ông Nguyễn-học-Sỹ, có làm một bài thơ điệu cổ-phong phản-đối thơ cũ rất vui, như dưới này :

Bỏ quách lối thơ xưa,
Vì nó chẳng hợp-thời.
Luật Đường xin gói lại
Đem trả chú con Trời !

Ở thế-giới cạnh-tranh,
Quốc-văn cần giải phóng !
Khuôn khổ, vứt đi thôi !
Hoạt-động dành lấy sống.

Chữ ít ý tứ nhiều
Nhạc-luật tùy tác-giả
Người hát cũng như chim.
Lắm điệu hay và lạ

Ta có sẵn ao ta...
Sao tắm mãi ao người ?
Ta có nhiều vật liệu :
Phong cảnh đẹp và tươi.

Chớ vịnh hồ Động-Đình,
Chớ đề thơ núi Thái
Chớ tả cảnh đâu đâu
Mắt ta chưa từng thấy,

Tánh-tình người An-nam
An-nam còn ù-tịt.
Các cụ muốn lòe đời,
Viết pho tâm-sự chệt

Bệu-bạo khóc Tây-Thi,
Nghinh-ngang cười Thái-Bạch,
Ngũ-đế với Tam-hoàng
Ý nghĩa, ôi rỗng toách !

Theo mãi lối thơ Tàu
Hỏng, hỏng đã thấy chưa ?
Nhả ra đừng nhai nữa
Những bã cặn còn lưa.

Ông Nam-Trân nói thật chí-lý. Người Annam làm thơ bằng chữ Tàu, theo luật thơ Tầu, vịnh cảnh Tàu, cảm giác theo Tàu kể cũng lố quá !

Người Annam phải làm thơ Annam.

Nhưng đọc nhiều bài thơ mới, người ta tưởng người Annam sau khi chừa làm thơ Tàu, lại đi làm thơ Tây, và người ta phải lo

rằng một ngày kia, một ông Nam-Trân thứ hai sẽ phải làm thơ phản-đối « thơ mới » như ông Nam-Trân hiện giờ.

LXXIX

NHIỀU người học-hành xoàng-xĩnh không có gì mà thơ làm rất hay.

Những bài thơ và « vè » bình dân nhiều bài nghe rất có hứng thú và người ta không thể chối được rằng các bài ấy không có nhiều vẻ « nên thơ » Tác-giả những bài ấy hầu hết đều là những người dân-giã sống lẫn lộn trong đám đông.

Như ông Vũ-lương-Điền người làng Ninh-Xá (tục gọi làng Tè) huyện Thanh-trì, tỉnh Hàđông, tuy là giòng-dõi nhà nho, song thuở nhỏ, hàn-vi không được học mấy.

Thế mà sau ông cũng làm được thơ, mà thơ nghe rất khá.

Tôi được người làng ông đọc cho nghe hai bài thơ ông viết gián Tết như sau này :

NHÀ DỘT

Trời đã trông đến sáng choang ra.
Nắng chứa mưa chan khắp cả nhà.

Nước chầy trên màn màn nổi gấm,
Trăng lồng dưới chiếu, chiếu thêm hoa.
Tập thơ trước án son lòe mực
Hũ rượu đầu giường nước dột pha.
Rách nát chớ nề, nhưng đức tốt,
Của trời, trời có hẹp chi ta ? !

THƠ TẾT

Thiều-quang chín chục có bao xa
Mới lại mừng xuân, cũ đã qua.
Pháo nổ vang trời kêu vạn quả.
Mưa dầm đầy đất nở trăm hoa.
Câu thơ chúc Tết ngâm chưa đoạn,
Chén rượu mừng xuân rót mãi ra,
Thấm thoát ngựa lồng qua cửa sổ,
Thiều-quang chín chục có bao xa.

Tuy là dưới cán viết một nhà nho xoàng song thơ ngâm lên nghe có vẻ phong-lưu, tự-tại. Người đọc thấy cái phong-độ đại-gia phảng phất ở trên bài thơ, và ngờ rằng đó là thơ của cụ Tạm-Nguyên Yên-Đổ.

LXXX

THƠ là một món thuộc về tinh-thần, nên một mình hình-thức không đủ để định-đoạt giá-trị của thơ.

Nếu chỉ có vần-điệu mới, cách diễn-tả mới còn tứ thơ vẫn sáo mèm, cũ rích, thì thơ vẫn không thể gọi là thơ mới. Trái lại, thơ làm theo kiểu cũ, luật cũ, nếu hàm những tư-tưởng tân kỳ đặc biệt, thì vẫn là thơ mới.

Bạn tôi, anh Thành-thế-Vỹ là một thanh-niên mới trăm phần trăm. Riêng về thơ, thì anh vẫn làm theo luật cũ, song thơ nghe rất mới. Tôi lục ra đây vài bài để qui độc-giả thưởng-thức, và cũng để chứng-thực cho lời thi hào André chénier khuyên « nên làm thơ cũ với tứ mới» :

ĐÔNG VỀ

Gió bấc đông lên đuổi nắng vàng
Lạnh xua nhạn ruồi thẳng từng hàng.
Bến bờ sông vắng, đò thưa chuyến,
Một nụ hoa thu ngậm nhỡ nhàng...

* * *

Kẽ cửa lùa ca giọng vít-vu
Bầu trời nhuộm xám vẻ âm-u

Cây trơ như muốn đơ tay với
Lá rụng rơi cùng giọt cuối thu.

* * *

Trăng lạnh làm sao ! Mây đặc sao !
Côn-trùng cóng rét bặt âm-hao
Một con cú rúc buồn thăm-thẳm
Cả buổi đêm trường quẫy dưới ao.

LỆ CHẲNG RƠI

Lệ động trên mi lệ chẳng rơi
Tâm-hồn bình thản cõi tơi-bời
Ai đem linh-lạc khuôn linh-ái ?
Ai đặt đau thương giữa nụ cười ?

. . .

Gió chẳng ngừng hơi, sóng chẳng nhô
Trời lung lưới sáng chim không nô.
Cây đang tuôn nhựa, hoa sao héo ?
Tình vẫn tràn đầy, tim lại khô !

. . .

Chim sổ lồng ra, nhảy chẳng đam
Ngựa còn cương đái, tính không kham.
Ngựa không cương đái, quên lồng chạy,
Hồn được tự do lại tự giam.

. . .

Muốn để trào ra những nỗi lòng
Muốn đem thổn thức ở bên trong
Nắc ra một tiếng đầy ai-oán
Mà đến lưng chừng lại đã xong.

. . .

Những nỗi băn-khoăn thấm khắp người
Tình-tình bỉ quyện trí chơi-vơi.
Chìm nơi thao thức lim đau khổ
Lệ động trên mi lệ chẳng rơi.

TÌNH VƯƠNG

Buộc chết cho nhau cái sợi mành
Sầu đông sáu khắc, sủi năm canh.
Trước nhà sông chẩu muôn ngàn thước
Gột rửa không xong một chữ tinh.

LXXXI

KHI nhà Minh (Trung-Hoa) mất nước về nhà Thanh, vua Minh-Sùng Trinh và Hoàng-hậu chết theo nạn nước.

Lễ-bộ Thượng-thư triều Minh là Tiền-kiêm-Ích nghe tin dữ bèn cùng vợ là Liễu-Thị thay mũ đội mũ kiểu nhà Thanh, bận nhung phục đeo đao lên ngựa đi vào cửa Thành Đô nghênh tiếp quân Thanh.

Công chúng đang lấy làm lạ sao lại có thân-vương và vương-phi nhà Thanh ra trận như vậy, thì bỗng có một ông lão chân đi tập-tễnh chống chiếc gậy dài, tiến đến lấy gậy vừa đánh vào mũ liền-kiêm-Ích vừa đọc câu này trong chuyện Tây-Sương:

Ngã thị đa sầu đa bệnh nhân
Đả nhĩ cá khuynh thành khuynh quốc mạo

Trong chuyện Tây-Sương thì *khuynh thành khuynh quốc mạo* nghĩa là bộ mặt đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Ở đây, *mạo* dùng theo nghĩa là cái mũ; vì *mạo* là mũ đồng-âm với *mạo* là mặt. *Đả nhĩ cá khuynh thành khuynh quốc mạo* đây nghĩa là: đánh cái mũ làm nghiêng thành nghiêng nước của anh. — Chẳng biết kẻ phản-phúc nghe câu này có giật mình ngã ngựa không?

LXXXII

NGÀY trước, ông Phạm Quỳnh chủ-bút tạp-chí Nam-Phong đã phê-bình bài thơ « Qua đỉnh đèo Ngang » của bà huyện Thanh-Quan:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen lá, đá chen hoa.

Lom khom dưới núi liều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại : trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta

cho là hay, hay quá không còn bắt bẻ vào đâu được. Nhưng Thượng-Chi tiên-sinh (ông Quỳnh) phải phàn-nàn rằng bài thơ hay quá, nhiều nhân công mà ít tự-nhiên,

Tôi cũng muốn nói như vậy ; tôi cũng muốn nói trong bài thơ của bà huyện, nghệ-thuật thật đa kỳ diệu, nhưng người ta thấy cái nghệ thuật đó luôn luôn tỏ lộ ra rõ ràng quá, làm cho bài thơ dù hay song chưa « siêu thoát ! »

Cũng như tôi vẫn nói rằng nghệ - thuật Thế-Lữ làm cho tôi không yêu thơ Thế-Lữ mấy.

Những câu thơ này của Thế-lữ :

Theo chim tiếng sáo lên khơi.
Lại theo dòng suối bèn người tiên-nga.
Khi cao vút tận mây mờ,
Khi gần vắt-vẻo bên bờ cây xanh...

Tiếng hát trong như nước ngọc-tuyền
Êm như hơi gió thoảng cung tiên
Cao như thông vút, buồn như liễu
Nước lặng mây ngừng ta đứng yên...

Và cả bài « Nhớ rừng » nữa, hay thì có hay thật, nhưng người ta luôn luôn cảm thấy sự cố gắng, sự « kiếm vần thơ » của thi-sĩ, tức là cái nghệ-thuật của thi-sĩ trong thơ. Thơ như vậy chưa được là thơ « thoát-hóa »

Thi - nhân « thoát - hoá » là nhà thơ đã trộn lẫn mình với thi - nghệ, hoặc thi-nghệ với tâm hồn mình. Thi-nhân thoát-hóa khi làm thơ, dụng công hay không tự mình cũng không biết, mà thơ làm rồi, người ngâm thơ mình cũng không biết là có dụng công hay không, có nghệ-thuật hay không, chỉ biết là thơ hay mà thôi !

Thơ hay có thể ví với cái cảnh mặt trời sắp mọc hay sắp lặn, bông hoa sắp nở, giọt sương lóng lánh dưới ánh mặt trời buổi sáng sớm, vầng trăng lấp ló đầu non... người ta thấy đẹp mà không sao cắt nghĩa được cho ra vẻ đẹp đó !

Thơ hay, thơ « siêu thoát » phải là thơ cho người ta, sau khi ngâm thơ, cái cảm-giác dễ chịu nhẹ-nhàng, như thấy

thi-nhân tự-nhiên thốt những lời đẹp đẽ ấy, và những lời đẹp đẽ ấy tự-nhiên phải như thế chớ không thể khác được !

Thơ « siêu-thoát » tức là thơ như « xuất ư tự-nhiên » ở một tâm hồn thi-sĩ ra. Thơ gò gập chải-chuốt dầu hay tới mấy cũng vẫn là « thi-nhân chi thi » (thơ của thợ thơ)

Thí dụ như những câu thơ :

Mấy năm làm ruộng những chân thua,
Chiêm mất đằng chiêm, mùa mất mùa...
. . . . . .

Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua, không phải không tiền
không mua
Thơ muốn viết đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ? . . .
. . . . . .

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt
Mắt lão không tiền cũng dó hoe,
. . . . . .

Sách vở ích gì cho buổi ấy
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già . . .

v. v..

của cụ Tam-nguyên Yên-Đổ, và những câu này của Hồ-xuân-Hương và của Tú-Xương :

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng
Nín đi kẻo thẹn với non sông
Ai về nhắn-nhủ đàn em bé,
Xấu máu thì khem miếng đỉnh chung.

...Bạc đâu ra miệng mà mong được
Tiền chửa vào tay đã hết rồi.
Van nợ lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.

. . . . . .

và mấy câu này của cụ Tiên-Điền chẳng hạn :

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

. . . . . .

Nao-nao giòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

v.v...

đều hay lắm, thế mà ta tưởng như thấy thi-nhân làm bỡn mà nên, chớ không phải dụng công, hoặc dùng tới nghệ-thuật chi hết.

Thơ hay một cách tự-nhiên như vậy, không cầu-kỳ, không gò-gập mới là thơ « siêu-thoát ». Nhà phê-bình Pháp Joubert đã nói : « Nghệ-thuật là giấu kín nghệ-thuật » (L'art est de cacher l'art.)

LXXXIII

HỒI khởi cuộc Pháp-Đức chiến-tranh năm 1939, đồng-bào ta nhiều người sốt-sắng ra đầu-quân sang Pháp hoặc làm chiến-binh hoặc làm thợ-thuyền.

Sau cuộc đình-chiến tháng Juin năm 1940, họ lục-tục đáp tàu trở về cố-quốc.

Tàu ghé đảo Réuion nhiều anh em được cái hân-hạnh vào bệ-kiến phế-đế Thành-Thái, tại biệt-thự của Ngài.

Ngài có ban-tứ cho mỗi anh em hai bài thơ, một bài Hán-Văn, một bài Quốc-Văn như sau này :

TỨ TÂY-CHINH TƯỚNG-SĨ KHẢI-HOÀN THI

Tang-bồng hồ-thỉ tráng nam-nhi
Hàm mệnh dương qua đạt viễn-thùy.
Mã đáo công thành thâm khả tiện
Ngân-hà tẩy giáp khánh lai qui.

THƠ TIỄN CÁC ĐỒNG-BÀO ĐI TÂY ĐÁNH GIẶC VỀ

Năm sương gối đất trót đôi năm
Xông ruổi cương-thường kể mấy trăm

Muôn dặm giúp công đà mỹ-mãn
Thuyền lan chèo quế chúc êm dầm

Dưới mỗi bài, đều có ngự-bút của Ngài ký hai chữ Thành-Thái (dưới bài thơ chữ Hán thì ký bằng chữ Hán, dưới bài thơ Quốc-Văn thì ký bằng Quốc-Văn) và đóng đè lên một tấm dấu son.

Coi hai bài thơ trên, người ta thấy vua Thành-Thái cũng là một thi-nhân có tài, như hầu hết các vua chúa bản Triều hồi trước đây.

LXXXIV

CHÁN cách diễn-tả dản-dị dễ hiểu hầu hết các nhà thơ mới ngày nay đều tìm cách diễn-tả cầu kỳ khó hiểu, để đúc nên những vần thơ kiểu-cách vô cùng, nồng-nặc những mùi nghệ thuật.

Người ta cho thế mới là mới, và tin rằng trước mình chưa ai làm thơ được mới bằng.

Lầm to.

Trước đây, về khoảng đời vua Lê chúa Trịnh hoặc ít ra là về triều Gia-Long, Minh-mệnh, người ta đã làm thơ như vậy rồi.

Thật vậy, đọc những câu thơ sau này trong chuyện « *Hoa Tiên* » của Nguyễn-huy-Tự (?) hay Nguyễn-lai-Thạch (?) bạn sẽ rõ :

... Trinh lan xiêm trắng đem vào mắt xanh...

Bếp linh riêng đã lửa bừng
Vườn thơm thoắt lại đè chừng lần ra...

Lập-lòe bóng nguyệt trêu ai
Hoa đâu rụng lá đâu rơi trước rèm...
Bình mai đã bận tin sương
Rèm đông khách hẫy mơ màng bàn mê...

Về lòng há chẳng nên thiên?...

Tiêu đâu rủ phượng vẻo von
Một vùng như gọi nước non mấy niềm...

Nghe qua vội giở gót vào
Sóng tình lớp lớp nhường chao bể lòng...

Bập-bùng chưa nguội bếp sầu
Dện sa, thước mách tin đâu trước mành...

Giang-san thảm buộc, sầu treo
Cảnh mai dễ tranh, sắc chiều như sui...

Bể sầu càng tát càng đầy...

V. V... V. V...

Suốt quyển chuyện « *Hoa-Tiên* », người ta thấy nhan-nhản những câu thơ xứng-đáng

với cây viết những nhà thơ mới nhất ngày nay, mới từ cách dùng chữ, đặt câu cho tới ý-tứ, không thể lục ra cho xiết. Tôi tưởng chỉ một câu « *Trinh lan xiêm trắng đem vào mắt xanh* » cũng đủ làm giật mình, những nhà thơ mới rồi!

LXXXV

THI-nhân thời xưa hầu hết đều là những tay bác-học, thường mượn vần thơ làm cách tiêu-khiển, chứ không phải chỉ biết nguyên một việc gọt rũa câu thơ gò-gập tứ thơ như phần nhiều nhà thơ ngày nay.

Như Đỗ-Phủ, thi-thánh đời Đường là một nhà bác-học đã hiểu rằng trái đất nổi giữa không khí như các nhà thông-thái Âu-Mỹ ngày nay. Lên Nhạc-dương-lâu trên cửa tây thành huyện Nhạc-dương tỉnh Hồ-Nam, Đỗ-Phủ đã làm bài thơ tuyệt-xướng bắt đầu bằng bốn câu sau này :

Tích văn Động-Đình thủy
Kim thượng Nhạc-Dương-lâu
Ngô Sở đông, nam sách
Càn khôn nhật dạ phù...

Dịch :

Động-Đình xưa nghe tiếng
Nhạc-lầu nay lên xem
Đông nam vạch Ngô Sở
Trời đất nổi ngày đêm...

Nếu không hiểu rằng trái đất treo lơ-lửng trong vòng không-khí, thì sao Đỗ-Phủ đã hạ câu :

Càn khôn nhật dạ phù?

Có lẽ vì thấy thi-nhân thời xưa đều học-vấn uyên-bác như thế, nên đã có người nói rằng trước khi làm thơ, cần phải làm, làm sao cho trong bụng có muôn bộ sách đã.

Lời nói có hơi quá đáng, song nghĩ kỹ, cũng không phải là không có lý.

LXXXVI

HỒI cuối năm 1937, báo Điện-Tín ở Saigon mở một cuộc thi văn-chương, hoặc nói là thi thơ thì đúng hơn. Trong số các bài thơ được chấm thưởng người ta chú-ý nhất đến bài « *Lều tranh tổ cú* » của ông Văn-Lang Tô-ngọc-Quang, là bài được giải nhì.

Trước đó mấy năm, người ta chỉ đọc thấy

hai chữ Văn-Lang ký *dưới* đôi ba bài thơ luật Đường đăng báo *Công-Luận*. Nay bài « *Lều tranh tổ cú* » lại là một bài thơ mới dài tả cuộc đời thành-bại của nhà anh-hùng Yên-Thế Hoàng-hoa-Thám. Trong thơ có nhiều đoạn khiến người ta say-sưa, nhất là mấy câu cuối cùng thật đã làm người đọc bùi ngùi cảm-động :

Như xé sương mai, ba lần súng nổ
Vang dậy cả rừng xanh !
Rồi, trên nẻo xa-xăm...
Ba tên Khách mang đầu « Người Yên-Thế »!
Bấy giờ như vì ai kể-lể
Văng-vẳng xa...tiếng suối khóc âm-thầm.

Vì mấy câu thơ bi-tráng này mà trên báo Công-Luận xưa bạn Linh-Nhân đã gọi tác-giả là Huy-Thông của Nam-kỳ. Lời nói kể cũng không đến nỗi quá-đáng !

LXXXVII

NGÓT 50 năm trước, cụ kép (đỗ hai khoa Tú-Tài) Lê-Tiến làng Kim-Lâm, huyện Thanh-Oai Hà-đông, là nghiệp-sư của gia-

nghiêm, gẫy một chiếc răng hàm. Cụ có làm bài thơ « gẫy răng » :

Dữ ngã tương thân ngũ thập linh
Tình như cốt nhục chi tại tình !
Trân cam cộng hưởng do đa nhật
Mỗi phạn tư quân hận bất binh.

Lược dịch :

Cùng ta thân-thiết năm mươi năm
Tình như xương thịt thật tình thâm !
Ngọt bùi lắm bữa còn chung hưởng
Mỗi bữa nhớ mình lại giận căm.

Sau đó ít lâu, cụ bị « thất nội trợ », nghĩa là cụ kép bà mất. Người ta bảo bài thơ « gẫy răng » đã gây nên việc buồn rầu đó, vì bài thơ hay, nhưng « *sái* ».

Người ta thường tin rằng khẩu khí văn-chương hay vận vào mình, nghĩa là mình nghĩ ra thế nào, việc đời đối với mình thường thực-hiện ra thế ấy. Người ta bảo sở dĩ ông Tú Xương thi trượt lần cuối cùng, về nhà bị đau rồi mất luôn năm ấy, là vì trước khi đi thi, ông làm thơ có những câu nói « gở » :

Ngày mai tớ hỏng tớ đi ngay
Dỗ tết từ nay nhớ lấy ngày...

Và mấy năm gần đây, ông Hoàng-tích-Chu

bị bệnh đau gan qua đời, là vì trước đó ít lâu, ông có làm bài thơ khóc bạn :

Biết có chia phôi đừng gặp-gỡ
Nếm nhiều ngon-ngọt thấy cay chua
Chuyện không hợp ý cười thêm ngượng
Đời vắng tri-âm sống cũng thừa.

Chẳng hiểu văn-chương có thật ảnh-hưởng với nhân-sự như thế không, hay đó chỉ là những việc tình-cờ ám-hợp ?

LXXXVIII

TRONG cuốn « Nữ-Lưu Văn-Học-Sử », một cuốn sách soạn rất công phu, — tinh-hoa của hơn hai chục pho sách cổ, — tác-giả là Sở-Cuồng tiên-sinh, trước khi sao lục mười bài « Khuê-phụ-thán » đã viết như thế này.

« *Bà Nguyễn-hoàng-Phi đời đức Thành-Thái, lúc ngài đã tây-hành, bà có nhiều bài ngâm vịnh, mà nhất là mười bài Khuê-phụ-thán, rất là lâm-ly uyển-chuyển đáng cho là luyệt diệu :*

KHUÊ-PHỤ-THÁN

I

Chồng hỡi chồng ! con hỡi con !
Cùng nhau xa cách mấy năm tròn.

Bên trời góc bể nơi chim cá,
Dạn gió dầy sương tủi nước non.
Mòng điệp khéo vì ai lẽo đẽo,
Hồn quyên luống để thiếp thon von.
Ngày qua tháng lại trông đăm đắm,
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.

2

Đã mòn con mắt một phương Âu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu?
Dầu được non xanh cùng biển tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.
Trách ai giắt nẻo không lừa lọc
Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầu.
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái
Tấm lòng bứt rứt trót canh thâu.

3

Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi
Gan ruột như dầu sục sục sôi.
Nghĩa gá ấp-iu đành lỡ dở
Công cho bú mớm chắc thôi rồi.
Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nhôi?
Non biển xiên xiên trời một góc
Hỡi chồng ơi! với hỡi con ơi!

4

Con ơi! ruột mẹ ngẩu như-tương
Bầy nỗi ba chìm rất thảm thương
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp
Để cho vẹn vẽ mối cang thường.

5

Cang thường gánh nặng cả hai vai
Biết tỏ cùng ai, ai hỡi ai ?
Để bụng chỉn e tầm đứt ruột,
Hở môi còn sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chênh chênh một,
Kính bể soi hình tẻ tẻ hai.
Nhắm thử từ đây qua tới đi
Đường đi non nước độ bao dài ?

6

Bao dài non nước chẳng hay cùng,
Xin gởi hồn ta đến ở chung,
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau không thẹn với ba tòng.
Quê nhà, có kẻ lo săn sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạ lùng.

Mảng tính chưa xong vừa chớp mắt
Trống lầu đâu đã đổ lung tung .

7

Đã đổ lung tung tiếng trống thành
Giật mình thức dậy mới tan canh.
Sương sa lác-đác trên lầu lá
Gió thổi liu riu giữa bức mành.
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn
Trời kia đất nọ nỡ cho đành
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái-sanh.

8

Kiếp tái-sanh may có gặp không ?
Kiếp này đành phụ với non sông.
Chiêm bao lận đận theo chân bướm,
Tin tức bơ vơ lạc cánh hồng.

9

Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng ?
Sóng gió khi không dạy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng lộng,
Cha con riêng một biển giăng giăng.

Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết
Giọt thảm này tuôn bữngkhó ngăn .
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng gạo,
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.

10

Ở dưới cung trăng luống nỉ non
Đắng cay như ngậm trái bồ hòn.
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏi,
Sương tuyết mình ve ngắm đã mòn .
Lắng mõ làng xa canh cốc cốc
Tiếng chuông chùa cũ động bon bon
Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ ?
Chồng hỡi chồng ! Con hỡi con !

Mười bài thơ tuyệt-tác trên đây truyền-tụng khắp nơi trong nước. Có điều ở Trung Bắc-kỳ, mọi người đều nói và tin như Sở-cuồng tiên-sinh, rằng đó là tác-phẩm của bà Nguyễn. Duy tại Nam-kỳ, anh em làng văn nhiều người lại cho là tác-phẩm của nhà thơ Thượng-Tân-thị. Thậm chí để tỏ ý mến phục nhà thơ già đó, có khi người ta lại chua dưới ba chữ Thượng Tân-thị, dòng chữ này : *Tác giả mười bài Khuê phụ thán* có ý phô danh dự cho nhà thơ đã đẻ ra mười bài thơ trên. Mà thấy vậy, nhà thơ già đất Nam-trung

cũng chẳng nói gì, hình như có ý mặc-nhận cái danh-dự đó.

Vậy mười bài *Khuê-phụ-thán* là của bà Nguyễn hay của ông Thượng-Tân-thị ?

Một vấn-đề nan-giải cho nhà làm Văn-học-sử sau này !

LXXXIX

GÁC hết những thành-kiến hẹp hòi, những tư-tưởng đảng-phái và lòng thiên-vị ra một bên, những nhân-vật cổ kim đông tây tuổi chất đống trên lưng, thời-gian nhuộm bạc cả đầu râu, mà còn thanh gươm yên ngựa xông-pha nơi mũi tên hòn đạn, như Mã-Viện Trung-hoa, Lý-thường-Kiệt Việt-Nam, hoặc đem tài kinh-luân ra tô-điểm giang-sơn duy-trì quốc-tộ, như Khương-tử-Nha, Gia-cát-Lượng, Tô-hiến-Thành và như thống-chế Pétain quốc-trưởng Pháp hiện thời, đều khiến mọi người đem lòng sùng-kính.

Một văn-sĩ Pháp nói :

« *Những bực vỹ-nhân là cái mồi ngon của các thi-gia* ». Thật thế lòng sùng-kính vỹ-nhân của dân-chúng thường biểu-lộ ra trong các vần thơ.

Như mấy bài thơ vịnh thống-chế Pétain dưới này chẳng hạn, lời lẽ thật hùng-hồn cảm-động tỏ rằng vì lòng sùng-kính chân-thành và do một hứng-thú tự nhiên mà nhà thơ đã làm nên thơ.

Con thuyền nguy biến lúc phong-ba,
Đứng mũi chịu sào rước cụ ra.
Thời-thế dở dang trăm nỗi khó
Giang-sơn trông cậy một ông già
Tám tuần đầu bạc pha sương tuyết
Một tấm lòng son nặng quốc-gia.

(Lược hai câu cuối)

. . .

Giời còn để sống cụ Pétain
Muôn triệu ơn nhờ vị phúc-tinh
Oanh-liệt tiếc thay đời thắng trận
Lọc lừa ghẻ chửa bạn đồng-minh.
Nặng vai nào dám từ gian trọng
Gắn miệng thề không nói chiến-tranh
Thời-thế anh-hùng nên xét kỹ
Kể chi hai chữ bại hay thành.

. . .

Đầu bạc, lòng son, chí khác xa,
Đem thân quắc-thước dẹp can-qua.
Xông pha trăm trận xoay thời-thế,
Chèo chống ba phen cứu quốc-gia.

Xốc gánh giang-san, tay vẫn cứng,
Mở đường vận-hội tuổi quên già.
Kinh-quyền càng rõ tài thao-lược,
Chuyển lại non sông mới đẹp ra . . .

Hai bài trên của ông Nguyễn-đức Đàm, một nhà nho ẩn-dật tỉnh Đông đăng trên báo Trung-Bắc chủ-nhật. Bài dưới cùng của ông giáo Bùi-đình-San, tác-giả cuốn « *Thân-thế và sự-nghiệp thống-chế Pétain* ».

Ba bài thơ đều đáng truyền-tụng. Ngâm ba bài thơ ấy, tôi cảm thấy hứng-thú lạ-lùng và tự nhiên bắt nhớ đến bài thơ vịnh thống-chế Joffre (một vị anh-hùng đồng-chí và đồng thời với thống-chế Pétain hiện giờ) trong trận đồng Marne năm 1914, tôi làm mấy năm trước đây :

...Chỉ còn thiếu bốn mươi ngàn thước
Là quân thù chiếm được kinh-đô (Paris)
Quốc-kỳ bay tới Boóc-đô (Bordeaux)
Quân dân sống những ngày giờ thảm đau.

Có lẽ nào nhìn nhau bó gối ?
Nguyên-soái không bối-rối sờn lòng.
Suốt đêm dưới ngọn đèn chong.
Nghĩ mưu, tính kế những hòng giải vây,
Mắt mơ-màng, day tay bóp trán
Trong óc đang lăn-lộn vạn mưu

Bỗng đâu luồng gió dặt-dìu
Thổi làn tóc bạc ban chiều còn xanh.
Mắt phượng bỗng long lanh vui vẻ
Ông già kia vỗ vế thở dài,
Như đà nhẹ bỗng u - hoài
Tay vê ria mép, mỉm cười ngây thơ.

Ngày mai lúc bấy giờ quân Đức
Vừa mới qua đồng Mạc (Marne), bỗng nhiên
Một đoàn hùng dũng tiến lên
Như sấm như sét đánh bên cạnh sườn
Một tướng cầm thanh gươm vẫy thét :
« Tiến lên ! Quân ! thà chết, hơn lui ! »
Tóc mai bạc trắng, già rồi !
Mà trông quắc-thước gấp mười trẻ trai.

— Tướng hùng ấy là ai ? bạn hỏi,
— Chính là người nghĩ lối hôm qua,
Trong thành vừa kéo quân ra,
Oanh oanh, liệt liệt như là thiên-binh.
Thoạt nhác thấy, thình linh quận Đức,
Tưởng mình trông thấy bực Thiên-thần.
Bèn dừng cả lại đại-quân,
Quay ngang thế trận tuyệt trần là mau.
Mỗi bên hàng triệu đầu quân lính,
Mặt trận dài khó tính cho ra,
Ước chừng tám vạn trượng ta,
Đánh nhau rỏng-rã vừa là bảy hôm.

Rồi rút cục quân hùm (Đức) yếu thế,
Đầy xô nhau chạy để tháo thân.
Mồng năm tháng chín thắng quân (5-9-1914)
Mười hai tháng chín bại quân lui về
(12-9-1914)
Trận đánh ấy gớm-ghê có một,
Thắng trận là tướng Dốp (Joffre) Pháp-Lan.

Bài thơ kể chẳng hay gì, song tôi rất lấy làm thỏa lòng vì đã thuật-sự được đúng theo Sử-ký, và suốt bài, tôi chỉ đắc-ý nhất về câu này :

Bỗng đâu luồng gió dặt-dìu
Thổi làn tóc bạc ban chiều còn xanh !

XC

SAU khi cho đình-bản tờ « *Báo mới* » (ngày 28 Février 1942) cụ Nguyễn-văn-Luận có hội họp nhân viên toà soạn và ty trị-sự lại ăn uống chuyện trò để tỏ tình liên-lạc, và để tưởng nhớ đến một cơ-quan ngôn-luận vì nạn khan giấy mà phải lui khỏi phấn-đấu-trường.

Tan tiệc, ông Thượng-Văn Nguyễn-văn-Bân lấy tư-cách là người tuổi tác cố cựu, nhân danh

anh em đồng sự, đứng lên khầu - chiếm mấy câu ngũ - ngôn cổ-phong tặng cụ Luận, là một nhà báo kỳ - cựu, đồng-thời với cụ Nguyễn văn Vĩnh ngoài bắc và cụ Nguyễn-văn-Của trong Nam :

Nói chuyện báo nước nhà
Có cụ Lỗ-thư ta
Là một bực tiền-bối
Trải mấy chục năm qua

Trên trường văn trận bút
Cụ là ông tướng già.
Một tiền đồ Trung-Bắc
Mấy đoạn cụ xông pha

Tri kỷ và tri bỉ
Lo gần lại lo xa
Sáng-nghiệp hẳn là khó
Trung - hưng chẳng dễ mà

Gặp hồi chinh-chiến mới
Ảnh - hưởng nhiều ác-ma
Mừng cụ được cứng gối
Nối chí có người ra

Noi theo gương hoạt-động
Lại rực-rỡ hơn xưa

Lời thơ tuy nôm-na chất-phác song có vẻ thành-thực và cảm - tình chứa-chan có thể truyền-tụng được.

XCI

CÁI da-Vận, người đời Đường bên Tàu, làm quan tới Tây-lương Tiết-độ-Sứ, vốn là một thi-gia có tài.

Trong tập «Đường thi» người ta được «nếm» cái thi vị sâu xa của thơ họ Cái, trong bài « Y-Châu Ca ».

Y-Châu là đất bên ngoài biên-giới nước Tàu tức là nước Y-Ngô thời cổ vậy. Khúc ca Y-châu, là Cái-da-Vận làm thay lời một người đàn bà ở ngoài biên-giới, nhớ chồng.

Gọi là ca, chứ thực ra chỉ là một bài thơ ngũ ngôn tuyệt cú (ta thường gọi là tứ tuyệt) tức là một bài thơ bốn câu, mỗi câu năm chữ mà thôi.

Bài thơ ấy như dưới này :

« Đả khởi hoàng-oanh nhi !
Mạc giao chi thượng đề ;
Đề thời kinh thiếp mộng,
Bất đắc đáo Liêu-Tê ! »

Tiên-nho ta, không rõ là ông nào, đã dịch bài thơ này ra lục-bát :

Đánh cho chết cái Hoàng-oanh !
Ai xui mi hót trên ngành cây cao ?

Làm cho tan giấc chiêm bao,
Để hồn thiếp chẳng được vào Liêu Tây!

Chim Hoàng-oanh, Tàu còn gọi là chim Hoàng-lệ, chim Thương-canh, tức là chim *Vàng Anh*, thứ chim hay hót về mùa xuân.

Liêu-Tây thì nay là đất tỉnh Phụng-Thiên thuộc Mẫn-châu lý.

Bài thơ này có hàm một tấm lòng nhớ nhung vô hạn.

Thiếu-phụ đang nằm mơ thấy đi Liêu-Tây họp mặt với chồng, thình lình bị tiếng chim hoàng oanh hót đánh thức dậy. Mộng tan. Nàng lại thấy trơ trọi một mình, xa người yêu thăm thẳm. Càng tiếc giấc mơ bao nhiêu, nàng càng muốn đánh cho chết con hoàng-oanh đi, cho hả giận. Ai bảo nó hót líu lo ở trên ngành cho nàng phải giật mình tỉnh dạy? Thức nàng phải xa chồng, thì nàng muốn cứ nằm mơ mãi mãi cho được gần chồng.

Tâm-trí thiếu-phụ trong thơ, lúc bấy giờ có thể hình-dung bằng câu thơ này trong « Chinh phụ ngâm »:

Khi mơ những tiếc khi tàn...

Đó, trước sau có 20 chữ mà nhà thơ đã tả được nỗi lòng u-ẩn của người đàn-bà nhớ chồng đi ra ngoài ngàn dặm, một cách rất

linh động rất thiết-tha, rõ ràng mà kín đáo.

Cũng để tả nỗi tức-giận của người đang say-mê trong giấc mơ đẹp đẽ, bị thức tỉnh bởi tiếng chim như Cái-da-Vận, một thi-sĩ đương thời người Pháp, là ông Ernest Raynaud đã viết trong tập « A l'ombre de mes dieux » (Dưới bóng các thần của tôi) mười câu thơ dài :

La peste soit de toi, babillarde hirondelle !
S'il fallait au forfait peser le châtiment,
Je devrais te rogner l'une ensemble et l'autre aile,
Ou, comme fit Térée à la sœur Philomèle
T'aracher le gosier sans cesse en mouvement.
Dis ? quel démon te pousse à devancer l'aurore ?
Tumènes, sans pitié des gens ton bruit sonore.
Assez ! je te dévoue aux esprits scélérats,
Tu m'as trop tôt tiré de mon somme, ô pécore.
Je tenais le bonheur enfermé dans mon bras.

Lược-dịch theo điệu thơ nguyên văn : (1)

---

1) Nên nhận rằng trong bản dịch dưới đây tôi cố dịch theo đúng điệu thơ (chú ý vào vần thơ) nguyên văn.

Đồ mắc dịch cái con én lắm mồm kia !
Phạt mi, nếu phải cân phân từng cách phạt
Thì ta sẽ chặt luôn đôi cánh mi đi !
Hoặc theo vua Tê-rê phạt chị Phi (2) mi
Ta sẽ cắt phăng lưỡi mi tài đôi mách !
Nói ? Ma nào dục mi dậy trước rạng đông
Chẳng thương ai, mi cứ hót réo tang bồng ?
Thôi ! Ta phó mi cho hung thần, ác sát,
Đồ súc vật ! Làm ta sớm tỉnh giấc nồng
Trong mơ, hạnh-phước ta còn đang ôm chặt !

Tôi lại dịch theo điệu thơ lục-bát của ta, cho dễ nghe, dễ hiểu hơn :

Đồ mắc dịch con én kia !
Lắm mồm vừa chớ, không mi chết giờ !
Cánh mi tao chặt cụt trơ (2)

---

2) Theo « Thần-thoại » thì Philomèle là con gái Vua Nhã-đ ền (Athènes) tên là Pardion, và là chị gái của nàng Progné-Progné lấy Vua Tờ-Rát (Thrace) tên là Tê-rê (Térée), Tê-rê hành hạ Philomèle cực khổ lắm, và sau muốn giấu tội giam nàng vào ngục-tối. Nhưng sau Philomèle kiếm được cách trao cho em gái, vợ Tê-rê, một tấm vải có vẽ các điều cực khổ mình phải chịu. Để báo thù, hai chị em mới ngầm giết con riêng của Tê-rê là Itys (Y-tích) lấy thịt cho Têrê ăn. Sau hai chị em thoát khỏi tay độc-ác của Têrê. Philomèle hóa thân làm chim Họa-mi Progné thì hóa thân làm chim én.

Hay là theo lối ngày xưa chị mày
Bị vua Tờ Rát cô-đày ;
Cắt phăng cái lưỡi cho mầy phải câm
Dậy từ đầu trống canh năm
Ma nào ám ảnh hót rầm hỡi mi ?
Hung thần giết chết mi đi !
Tao mơ đang sướng, vì mi, tỉnh rồi !

Các bạn thấy đó, nhiều chữ, nhiều lời, gấp bao nhiêu, thậm chi lôi cả diển-tích vào nữa, mà ông Ernest Raynaud cũng chỉ diễn được có mấy ý này :

Đánh chết con én đi
Ai khiến nó hót sớm ?
Cho ta đang chiêm-bao được sung-sướng,
bỗng phải tỉnh dậy !

Cũng vẫn mấy ý như Cái-da-Vận đã diễn tả, mà có lẽ lại ít hơn vì trong thơ họ Cái còn có cái ý *nhớ chồng*, ở đây chỉ có ý *tiếc mộng đẹp* với ý *giận chim én* mà thôi.

Nếu ta đem so sánh hai bài thơ với nhau thì ta phải nói :

Một đàng dản-ước mà đầy đủ

Một đàng dài-dòng mà thiếu thốn ;

Một đàng cho sự đánh chim, giết chim là tứ phụ.

Một đàng cho đó là tứ chính,

Một đàng sự tức giận chỉ để chứng thực và làm mạnh cái lòng tiếc mộng nhớ chồng :

Một đàng, cơn giận chiếm hết cả cái ý-nghĩ tiếc mộng.

Giận chim làm tan mộng đẹp của mình, đến phải suy-nghĩ lựa lọc cách trừng-phạt nó nếu trừng-phạt được, phải nghĩ đến điển-tích trong thần-thoại, phải nói đến quỷ-sứ hung-thần, thành ra sự tức-giận đã làm quên bẵng mất giấc mộng đẹp ấy, hoặc không nhớ rõ nó ra làm sao !

Vì vậy, thơ của ông Ernest Raynaud kém hay.

Và do hai bài thơ này người ta thấy Đông Tây gặp nhau và không gặp nhau ở chỗ nào.

XCII

TRONG một cuốn sách khá dầy nói về thi-nhân Việt-Nam xuất-bản mới đây, người ta đã vô-tình hay cố ý « bỏ rơi » nhiều thi-nhân có tài, chẳng hạn như Tú-Mỡ, Thao-Thao, Nhượng - Tống, Lam - Giang, Khổng - Dương ... Trần-tuấn-Khải.

Trần-tuấn-Khải tác-giả bài « *Hát anh Khóa* » và nhiều tập thơ, trước đây đã có hồi thanh-danh lừng lẫy ngang với Tản-Đà, trong nước không ai còn lạ.

Tú-Mỡ tác-giả tập thơ « *Giòng nước ngược* » nhờ sự phổ-thông của tờ báo « *Phong hóa* » rồi tờ báo « *Ngày-Nay* », được thiên-hạ quen tên như tên Thế-Lữ vậy.

Thao-Thao tác-giả tập thơ « *Dưới trăng* » *Bờ suối* », « *Thuyền mơ* » tôi đã giới-thiệu với bà con ở trên rồi. Nhượng-Tống cũng vậy.

Duy Lam-Giang tác-giả sách « *Thảo-Luận luật thơ mới* » và *Khổng-Dương* tác-giả tập thơ « *Ly-Tao* » cần được trình-diện độc-giả ở đây.

Lam-Giang, một thi-sĩ có danh ở Bình-Định tuy định lập *luật thơ mới*, song thơ quốc-văn Hán-văn của ông vẫn chan-chứa vẻ thơ Đường.

Tôi nhớ được bài « *Ngựa ai* » của thi-sĩ xin lục ra đây để bà con thưởng-thức :

Ngoài ải sương thu đón gió về
Sao đêm nay lại lạnh lùng ghê !
Ngày thu chưa đến, sầu thu đến
Giấc mộng canh tàn đuổi chẳng đi.

Lặng lẽ khêu đèn thức dậy trông,
Lệ đầy mi mắt, lá đầy song,

Ngựa ai nản sức đường xa vắng
Vẫn cố lê chân bước trập-trùng.

Còn Khổng-Dương quán tỉnh Trà-Vinh, Nam Kỳ, thì không ai chối được cái tâm-hồn thi-sĩ phát-biểu ra dưới ngọn bút nhu-thuận dễ dãi của nhà thơ, bất cứ là trong văn xuôi hay văn vần, trong một bài thơ hay là trong một thiên chuyện ngắn

Nghĩa là Khổng-Dương có một tâm-hồn thuần thơ. Thi-sĩ lại được « *muôn dặm đường* » và cuộc đời trợ-hứng cho rất đắc-lực. Vì thi-sĩ đã từng từ Nam ra sống ở Huế và Hanoi, mỗi nơi trong một thời-gian khá lâu, và ở đâu, thi-sĩ cũng nếm trải đủ mùi vinh-nhục mà một nhà thơ có thể nếm trải ở đời.

Để kỷ-niệm cái đời sống ở Thăng-Long, khi về Nam, Khổng-Dương có làm một bài nhan là « *Sầu Hanoi* » đăng lên « *Tổng-xã báo* » mà thi-gia đương nắm bút-quyền.

Xin trích ra đây một đoạn:

...Mưa thu mờ cả kinh thành,
Mùa đông trước cửa, gió rình cạnh phên
Ở đây thiếu cả chăn mền,
Đôi môi nhạt sắc, răng nghiền lấy răng.
Gió trời chở rét căm căm,
Xứ người bỡ ngỡ đêm nằm khó yên.

Lậy trời mưa gió đừng rên,
Lậy trời tôi biết gửi phiền về đâu?
Một mình lạc bước chim câu,
Một mình tôi cứ chiêm bao một mình.
Lá thu rơi đã thưa cành,
Nẻo người quen thuộc, nẻo mình quạnh-hiu.
Âm-u sáng cũng như chiều,
Chiều như khuya sớm tôi theo mộng tàn.
. . . . . .
Chiều mưa cho vớt lá khoai
Chiều mưa cho nát những đài hoa khô.
Ở đây sương khói đã mờ,
Hồ Tây nhíu mặt, tôi mơ sông Trà
Cố-nhân xa mấy đường xa,
Bạn vàng thăm-thẳm quê nhà cuối mây.
Ao thu nước đã gần đầy,
Bèo xan-xác cánh, liễu gầy vì mưa.
Lá vàng từng cánh rơi thưa...

XCIII

ĐỌC báo T.T. thấy nói có một nữ thi-sĩ mới 11 tuổi tên hiệu là Lệ-Hằng.

Mới nghe, người ta đã lấy làm mừng và muốn tỏ lời khen-ngợi. Nhưng đọc thơ của nữ-sĩ ti-hon ấy, người ta phải thở dài.

Không biết đó là cái bệnh của thế-kỷ hay là nền thi-học của ta tới lúc suy-tàn?

Vì cái văn-chương của nữ-sĩ chỉ là thứ *văn chương làm hại tâm-thuật*; nhất là xuất tự một tâm-hồn ngây thơ mười một tuổi đầu, thì thứ văn-chượng đó càng khiến các bực phụ-huynh và các nhà giáo-dục giật mình lo ngại.

Thật thế, một cô gái 11 tuổi đầu mà đã thốt ra được những lời thơ lẳng-lơ đầy tình, đầy mộng như dưới đây, thì thật là một cái «quái thai», chứ không phải là một nữ thần-đồng, như đôi người hiểu lầm

ĐỢI CHỜ

Xào-xạc chim ngàn về tổ ấm
Mục-đồng cũng đã ruổi trâu về
Nhưng em vẫn đứng bên đê đợi
Người đã cùng em cùng nguyện thề

Thế rồi người ấy phải đi xa
Những buổi hoàng-hôn bóng nắng tà
Em đứng bên sông chờ đợi mãi
Mỏi mòn đã mấy cái xuân qua!

Trăng đã nhô lên khỏi núi sầu
Em còn đứng lặng mấy giờ lâu
Nhìn trăng luống tủi cùng trăng tỏ
Chàng hỡi giờ này chàng ở đâu?

Trằn trọc riêng ôm mối đoạn-trường
Đêm ngày sống với những đau thương
Nhuệ-giang bến nọ chia tay biệt
Tầm tã mưa thu lệ mấy hàng . .

Chàng ạ! hôm nay gió lạnh-lùng
Em buồn ra đứng tựa thư - song :
Cảnh thu như dục lòng rầu-rĩ
Bặt-bặt tăm hơi cánh nhạn hồng.

XCIV

TRƯỚC đây có người lo rằng thanh-niên ngày nay không biết chữ nho thì học làm thơ ở đâu.

Bây giờ lại có người lo rằng thanh-niên ngày nay nếu không biết chữ nho thì hiểu làm sao được thơ.

Học làm thơ chẳng biết có cần phải biết chữ nho không, chứ không biết chữ nho thì thật không sao hiểu được thơ, nhất là thơ của các bực tiền-bối.

Vì trong thơ xưa, thường dùng điển - tích và mượn thành-ngữ chữ Hán dịch ra quốc-văn. Thí-dụ như câu này trong chuyện Kiều :

Mây-mưa đánh đổ đá vàng

Thật vẻn -.vẹn có sáu chữ toàn nôm mà

gói-ghém cả một điển-tích cổ và một thành-ngữ chữ Hán.

Hai chữ *mây mưa* nhắc tích chép trong bài *Cao-đường-phú* của Tống-Ngọc đời Chiến-quốc, nói Vua Sở-Nhương-Vương xưa ngự chơi đất Cao-Đường nằm mơ thấy một người đàn-bà tự xưng là thần làm mây làm mưa ở núi Vu-Sơn, đến xin hầu chăn gối...

Hai chữ *đá vàng* dịch chữ Hán *Kim-Thạch* ra, có nhiều nghĩa khác nhau, đây thì có nghĩa là lời thề-thốt quả-quyết bền-chặt như lời văn khắc vào chuông đỉnh bằng kim-loại và bi-ký bằng đá...

Như vậy, nếu không biết chữ Hán thì hiểu làm sao được thơ, dù là thơ làm toàn tiếng nôm ?

XCV

MỘT văn-hào Anh trước đây phát-biểu một ý-kiến làm rung-động cả dư-luận hoàn-cầu :

Tây-phương là Tây phương, Đông-phương là Đông-phương... Đông-tây không bao giờ gặp nhau

Mới nghe tưởng như là một chân-lý, song xét kỹ thì té ra chỉ là một lời ngụy-biện. Xét ngay về hình-thức thi-ca, người ta

cũng thấy sự gập-gỡ giữa Đông-phương và Tây-phương.

Như Trung-hoa có thơ *bát cú*, thì Pháp-văn có thơ *huitains* (tám câu một bài hay tám câu mỗi chương trong bài thơ trường-thiên;

Trung-Hoa có thơ *tứ-tuyệt*, thì Pháp-quốc có thơ *quatrains* (bốn câu một bài hay mỗi chương bốn câu trong một bài trường-thiên).

Đó là chưa kể về ý-nghĩa chẳng hạn như gạn-ngữ ta có câu :

Có ăn có chơi mới gọi là sống, thì trong thơ của thi-hào Pháp Victor Hugo cũng có câu thơ ý-nghĩa tương-tự như vậy :

Ceux qui vivent sont ceux qui luttent.
(Người sống là người đấu chọi)

XCVI

Có người muốn phân-biệt nhà văn với nhà thơ. Nhà văn thì chỉ biết làm văn xuôi, chứ không biết làm văn vần tức thơ. Và nhà thơ cũng thế, chỉ sành về thơ, chứ không sành về văn xuôi.

Tôi không muốn cho là phải.

Đã là nhà văn thì không thể không biết làm thơ ; không biết làm thơ thì không đáng gọi là nhà văn. Vì thơ chỉ là một

thể trong các thể văn-học.

Và nhà thơ nào nếu chỉ biết riêng một nghề làm thơ thôi, thì thơ sẽ bị người ta gọi bằng dọng khinh-bỉ là « *thi-nhân chi thi* » nghĩa là *thơ của nhà làm thơ* hoặc *thơ của thợ thơ*, có ý nói thơ không do một hứng-thú đúc nên, tức thơ dũa-gọt, thơ thiếu chân-tình, chân-cảm.

XCVII

Vì phong-tục, chế-độ, thời-thượng mỗi nơi và mỗi thời đổi thay một khác, nên nhiều khi người ta xét-đoán và bắt-bẻ lầm thi-văn của cổ-nhân.

Thí-dụ như trong bài « Phong Kiều dạ bạc » của Trương-Kế đời Đường có câu :

... Cô-tô thành ngoại, Hàn-sơn-tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Dịch :

Chùa Hàn-Sơn ngoài Cô-Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông đưa tới thuyền

Thơ của Vu-Hộc cũng có câu :

Rao thính Hầu-Sơn bán dạ chung

Dịch :

Nửa đêm nghe vẳng chuông chùa Hầu-Sơn

Sách «*Lục nhất thi thoại*» — (và ngay làng văn nước ta có lẽ cũng vậy) phê-bình rằng : Câu thơ Đường : *Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền* hay thật, nhưng nửa đêm đâu phải là giờ đánh chuông ». Song sách «*Nam-Sử*» Của Lý-duyên-Thọ đời Đường, chép rằng Khâu-trọng-Phu đọc sách ban đêm, cứ tới lúc đánh chuông nửa đêm thì nghỉ.

Như vậy, thì đời Đường, vốn có lệ đánh chuông nửa đêm, và câu thơ của Trương-Kế và của Vu-Học không phải là vô-nghĩa.

Theo sách «*Tục mặc khách huy tê*» thì duy có các chùa ở đất Cô-tô là có lệ đánh chuông nửa đêm mà thôi.

XCVIII

TRONG thi-văn, ta thường dùng hai chữ *mai-trúc* để trỏ sự xum họp, như chẳng hạn, trong những câu *Kiều* này :

... Một nhà xum họp trúc mai
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông...
...Chắc rằng mai trúc lại vầy

Người ta thường giải nghĩa *trúc mai* là cây

trúc (tức cây tre) và cây *mơ* (tức mai).

Tôi cho là không đúng, vì *trúc* với *mai* là hai loài cây khác nhau không thể nào xum họp với nhau được, và nhân thấy trên rừng có loài tre lớn người ta gọi là *bương* hoặc *mai* tôi đã có lần giải nghĩa *trúc* là loài tre nhỏ *mai* là loài tre lớn ; *trúc mai xum họp* là hai loài tre lớn nhỏ xum họp với nhau.

Nay nhân coi sách «*Lưỡng ban thu vũ-am tùy bút*» của Lương-tấn-Trúc tiên - sinh, mới biết là mình thiển-học và cũng đã hiểu lầm như mọi người.

Trước hết, *trúc mai* hay *mai trúc* không phải viết là 梅竹 hay 枚竹 như ta thường thấy mà viết là 媒竹

Và câu chuyện *mai trúc*, tác giả «*Lưỡng ban thu vũ-am tùy bút*» chép như thế này :

Đồ-phụ đàm ở huyện Long-Môn tỉnh Quảng-Đông. Tương truyền rằng xưa có hai cô, cậu bé con đùa nghịch đánh đố với nhau trên bờ mỗi người cầm một thanh trúc ném xuống mạn thượng-lưu đầm mà rằng :

Hễ hai thanh trúc này mà khớp lại với nhau, thì chúng ta sẽ kết làm vợ chồng.

Quả nhiên lát sau hai thanh trúc trôi xuống rồi khớp lại với nhau làm một Hai người bèn lấy nhau. Vì vậy đầm ấy gọi

là «*Đồ phụ đầm*» nghĩa là đầm đánh đố được vợ. Trúc mọc trên đầm gọi là « *mai trúc* » nghĩa là trúc làm mai (làm mối) cho cặp vợ chồng.

Thi-hào đời Thanh (triều Khang-Hi) là Khuất-đại-Quân tự Ông-Sơn người đất Phan-ngung, có bài thơ vịnh *mai trúc* như sau này :

Lưỡng biên sinh trúc hợp vô ngân
Sinh-trúc năng thành phu phụ ân.
Đàm thượng chi kim mai-trúc mỹ,
Chị-chi từ-hiếu cánh đa tôn.

Lược dịch

Đôi bên trúc hợp xanh-xanh
Trúc xanh có thể kết thành lứa đôi.
Trên đầm mai-trúc vẫn tươi
Tới nay ngành chánh đông đầy cháu con

Coi đó thì điển *mai-trúc* hay *trúc mai* xuất xứ tự sách «*Lưỡng ban thu vũ am tùy bút* », mà bấy lâu chúng ta không hay.

Chúng ta phải phục cổ-nhân ở chỗ xem nhiều biết rộng, và tự lấy làm thẹn rằng muôn dặm đường đã không được đi mà muôn cuốn sách lại không được đọc.

XCIX

THI-nhân vốn là người khác người; chính cái khác người trong tính-tình và cảm-giác đó tạo nên thơ và thi-nhân.

Hỏi thăm tin nhà chẳng hạn, thi-nhân không như người thường hỏi về cha mẹ, vợ con, anh em, họ mạc... Thi-nhân hỏi thăm về những cái khác kia. Như Đào-uyên-Minh (Đào-Tiềm) Đời Tấn hỏi thăm tin nhà thế này;

Nhĩ tòng sơn trung lai
Tảo vãn phát Thiên-Mục
Ngã ốc Nam-sơn hạ
Kim sinh kỷ tùng cúc?

lược dịch:

Anh ở trong núi ra
Sớm chiều tới Thiên-Mục
Nhà tôi dưới Nam-sơn
Nay mọc mấy khóm cúc?

Vương-Ma-Cật (Vương-Duy) đời Đường hỏi thăm nhà cũng gần giống như vậy:

Khách tòng cố-hương lai
Ưng tri cố-hương sự
Lai nhật ỷ song tiền
Hàn-mai trứ hoa vị?

lược dịch:

Khách ở nhà quê tới
Hẳn biết chuyện quê nhà
Ngày đi trước sổ lụa
Hàn-mai nở hoa chưa?

Lê-cảnh-Tuân triều Hồ nước ta, nhân tết Nguyên-đán, làm thơ tỏ ý nhớ nhà như sau này:

Lữ quán khách nhưng lại
Khứ niên xuân phục lai
Qui kỳ hà nhật thị?
Lão tận cố hương mai

lược dịch:

Lưu liên nơi quán khách
Xuân trước lại tới nơi
Ngày nào về quê cũ?
Mai già cỗi hết rồi

Thi-nhân không hỏi thăm ai, không nhớ ai mà chỉ hỏi thăm khóm cúc gốc mai và khi về thì mai ở quê nhà đã già cỗi hết.

Không phải là thi-sĩ vô-tình với gia-hương, chỉ có tình riêng với hoa cỏ. Trái lại hẳn. Với hoa cỏ là vật vô-tri ở quê nhà, thi-nhân còn chú-ý hỏi thăm như vậy, thì cái lòng quyến-luyến nhớ-nhung cha mẹ

vợ con, anh em họ mạc... không phải nói người ta cũng biết là bồng - bột như thế nào rồi. Đó mới là cái hay kín-đáo, hàm - súc, cái hay do « *ý tại ngôn ngoại* »

C

CHẲNG những chú-thích sai lầm, người ta lại thường kể lầm nhiều câu trong chuyện Kiều làm mất gia-trị cố hữu của thơ nguyên-tác. Thí-dụ như câu :

Giận rầu ra mặt thế thường
Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu

Nghĩa là

Giận mà tỏ ý buồn-rầu tức-bực ra mặt là sự thường của người đời. Đằng này giận mà lại tươi cười như không mới thật là nham hiểm khó lòng lượng biết được.

Thế mà người ta lại thường in và « kề » đại-khái như thế này, thì còn có nghĩa gì ?

Giận dầu ra dạ thế thường
Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu

CI

XƯA tại tỉnh Giang - nam nước‘ Tàu, có một cậu công-tử con quan lớn khi lên đường lai kinh (Bắc - kinh) ứng thi, được cha cho năm ngàn vàng làm tiền ăn đường.

Công-tử tính hay chơi bời, dọc đường quán Sở lầu Tần lúc tới Kinh, số tiền huy-hoắc hết mà người lại mắc bệnh, không được vào trường thi: Buồn rầu, công - tử phải vay tiền người quen làm lộ-phí lần về nhà.

Thấy con hư, ban sơ, người cha rất lấy làm tức giận ; sau lục - soát khăn gói xem đến tập thơ thấy có hai câu :

Tị lai nhất bệnh khinh ư yến
Phù thượng điêu yên mã bất tri

Lược dịch :

Sầu nay mắc bệnh người như én
Nhẹ đỡ lên yên ngựa chẳng hay.

Người cha vừa lấy làm thương vừa lấy làm mừng, nói rằng :

« *Thôi, được hai câu thơ này, thì dù mất năm ngàn vàng cũng đáng* ».

Khoa sau, công-tử thi đỗ, được bổ vào tòa Hàn-Lâm. Tưởng ngày nay khó kiếm được một người yêu thơ tới bực ấy, nhất lại là thơ của con mình. (Chuyện trên thấy chép trong sách « *Lưỡng ban thu-vũ am tùy bút* ».

Ngoài những « tắc » đã đăng trong báo « Công-Luận » (Saigon) và « Việt-Báo » từ năm 1935 tới năm 1939, trong cuốn này, có một « tắc » đã đăng « Báo-mới », một « tắc » đã đăng trong « Trung Bắc Chủ Nhật » năm 1941 và nhiều « tắc » mới viết, chưa từng đăng báo nào.

V. H.

PHỤ-LỤC

Tuần rồi, trong P. T. V. C. này, ông Văn-Hạc lại đề lời khen Phi-Yến một lần nữa. Không biết Phi-Yến ở mày mặt, không quen với Phi-Yến ở chỗ thần-giao mà hạ bút khen như thế, tôi tưởng chỉ có ông Văn-Hạc là một. Vì tôi biết con nhà văn thường giầu lòng tự-ái, chê thì có, mà khen tặng quá lời vốn không. Muốn dìm người xuống là thông-bịnh của các nhà văn-sĩ thi-sĩ xưa nay.

Theo ông Văn-Hạc, ông « vẫn nói luôn rằng Phi-Yến (trong Nam) có thể làm hơn được Thế-Lữ (ngoài Bắc) », nghệ-thuật của Phi-Yến thuần-túy tự nhiên, điều hòa nhịt chí hơn nghệ thuật của thi-gia nhóm « Tự-Lực văn-đoàn ». Ông Văn-Hạc tiếc rằng Phi-Yến không được nổi tiếng là vì không chịu ơn của « Bà chúa Quảng-cáo ».

Phi-Yến được người ta cảm mến là nhờ những bài thơ đã đăng ở trong báo « Đàn-bà mới » và « Nữ Lưu » độ nọ. Những bài thơ ấy đã đem Phi-Yến lên ngồi chung chiếu với Tản Đà, Thế-Lữ dẫu rằng mỗi thi-sĩ đều đứng biệt-lập ra hẳn một phái.

Sau những bài phê-bình khen ngợi nghệ

thuật của Phi-Yến đã đăng trong nhiều tờ báo, tên tuổi Phi-Yến cũng bặt luôn trên con đường thi-nghiệp.

Vì sao ? không phải là Phi-Yến chưa được chịu ơn của Bà chúa Quảng-cáo, cũng không phải người ta cố dìm một tài-nghệ mới nổi lên. Tôi biết Phi-Yến nhiều. Sự lặng-lẽ của Phi-Yến vẫn có nhiều duyên-cớ. Nó cũng như sự lặng-lẽ của Tố-Phang là một nhà thơ có nhiều hy-vọng ở Nam-kỳ trước đây.

Phi-Yến hay Tố-Phang không làm thơ đăng lên các báo-chí nữa, nói thế không phải bảo Phi-Yến hay Tố-Phang bỏ hẳn sự làm thơ đâu ? Cái yên lặng tức là thơ đó. Vì thường những câu thơ hay là những câu không bao giờ viết nên cũng có.

Maurice Maeterlinck đã viết :

« Chúng ta chỉ thốt ra trong những giờ mà chúng ta không còn sống nữa, trong những lúc mà chúng ta không buồn trông thấy anh em chúng ta và lúc mà chúng ta cảm thấy cách một khoảng rất xa sự thật-tế. »

(Nous ne parlons qu'aux heures où nous ne vivons pas, dans les moments où nous ne voulons pas apercevoir nos frères et

où nous nous sentons à une grande distance de la réalité).

Chịu ảnh-hưởng của Maeterlinck rất sâu xa, Phi-Yến cũng chỉ làm thơ trong những lúc nào mà Phi-Yến cảm thấy mình như không còn sống ở đời, hay trong những khi Phi-Yến đi thật xa với thật-tế.

Sống trong mộng, thơ mới có thần. Coi trời đất không còn ai, thơ mới khởi hứng, một thi-bá đã nói như thế.

Với 18 cái xuân, Phi-Yến còn đang ở trong mộng, chưa gọi sống đời, chưa đi gần đến thật-tế. Thơ của Phi-Yến : phải nhẹ nhàng, phải du-dương. Năm nay với 20 cái xuân, Phi-Yến đã biết đời, đã có kinh-nghiệm ít nhiều, đã rõ đời không phải là mộng nữa, đã đi lần vào cõi thật-tế. Phi-Yến phải im-lặng. Sự im-lặng cũng là thơ. Thối lại một bước, trước mặt còn nhiều đường đất đi, Phi-Yến đã thối-bộ, Phi-Yến theo tôi biết, không muốn cho thơ mình còn giữ mãi những sự nhẹ nhàng mà không điêu-luyện, những sự du-dương mà không âm-hưởng,những tứ thơ còn lờ-mờ do cái tuổi thiếu niên không kinh-nghiệm trong đường tình, trong sự đời, trong thật-tế. Phi-Yến cần phải im-lặng.

Nhà thi-sĩ Keats đã viết : « *Những khúc nhạc mà ta đã được nghe nó thâm-trầm rồi ; song có những khúc nhạc mà tai ta không thể nghe được mới là thâm-trầm hơn nữa* ». Vậy thì những khúc nhạc im-lặng của Phi Yến nó là những khúc nhạc thâm - trầm biết bao !

Vì thâm-trầm cho nên ông Văn-Hạc phải nhiều lần nhắc đến. Ông tiếc văn-tài, mến nghệ-thuật Phi - Yến. Phải, nhưng tôi biết Phi-Yến nhiều, tôi không tiếc.

Phi-Yến trở lại với Nàng Thơ, nghệ-thuật Phi - Yến sẽ cao lên một bực nữa. Ta cứ chờ, thi - tài của Phi - Yến không mai-một đâu ! (1)

LIỄU-CHƯƠNG-ĐÀI

(Công-Luận báo 1938)

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE INDOCHINE R.F.

1· Nhưng tiếc thay, nay Phi-Yến đã là người thiên-cổ.

Cải - chính

(Xin độc-giả làm ơn chữa giùm những chữ in lầm trong sách rồi hãy đọc. Cám ơn)

Trang	dòng thứ	chữ thứ	In lầm	Xin đọc là
93	20	9	ự	tự
120	1	2-3	vàng liêu	chàng liệu
120	4	4	tiên sang	tiên sinh
123	8	1-2-3-4-5	thiên hạ ai ai đều	Bốn bề vừa khi đương
127	5	7-8	ý thật	ý-tứ thật
128	1	1	Hãy	Hay
128	20	1	Vén	Ven
128	22	1	Nội	Nột
163	12	5	Cứ	Khiếp
185	1	1	Có	Cô
217	7	4	Réuion	Réunion

SẮP RA :

ĐẠO SỐNG

cuốn sách giá-trị trong
TỦ SÁCH HỌC-THUẬT
QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Giám-đốc : LÊ-VĂN-HOÈ

16 bis Tiên-Tsin — Hanoi

ĐANG IN :

BIÊN-CHÍNH TIỂU TỪ-ĐIỂN

辯正小字典

ĐANG SOẠN

TẦM NGUYÊN ĐẠI TỪ-ĐIỂN

尋源大辭典

Ngoài những từ-ngữ Hán-Việt thường dùng trong văn-chương giải-thích hết thảy các chữ Hán và các điển cố dùng trong các kinh chuyện cổ như : Hoa Tiên, Kiều, Lục-Vân-Tiên, Nhị-Độ-Mai, Phan-Trần, Quan-Âm Thị-Kính. Cung Oán ngâm khúc. Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm, Nguyễ-Trãi Gia Huấn, Trình-Thử v v... *hơn 50 bộ kinh chuyện cổ và trong các áng văn xưa như* Văn-tế Trận Vong Tướng-Sĩ, Bình-Ngô Đại Cáo, Tự-Tình, Thơ cổ, Phú cổ v. v... *hàng mấy trăm thiên danh-văn*. . . Rất đầy-đủ.

Sẽ ra từng tập một — Dày tất cả độ 4000 trang giấy khổ lớn, sẽ đóng làm bốn pho.

DUY-TÂN THƯ XÃ

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

Chiếc nỏ cánh dâu của Lan-Khai	0$58
Cô Thơm của Lê văn-Trương	0$76
Hanoi có gì lạ? Phát không	
Trời nổi gió Thơ của Nguyễn-Tố	1$00
U-Uất của Thiều-Quang	0$70
Xuân Duy-Tân của 25 nhà văn (có phụ bản)	0$85
Rỡn Sóng Bạch - Đằng của Lan-Khai và Nguyễn-Tố	0p75

ĐANG IN

Ngày Mai của Phan-Trần-Chúc

Hè Duy-Tân Một tập văn Hè giá-trị nhất về cả hai phương diện: văn-chương và mỹ thuật do nhà văn kiêm giáo-sư *Thái-Phỉ* trình bầy. Tranh ảnh do họa-sĩ *Mạnh-Quỳnh* vẽ.

BUREAU 52bis KHÂM-THIÊN HANOI

Sắp in :

TÂN HỌC - THUẬT

TỪ - ĐIỂN

新學術辭典

Giải-thích những từ-ngữ mới (như Lãnh sự tài-phán, trị ngoại pháp quyền, tối hậu thư v.v..) thuộc về các môn học-thuật mới như: Xã-hội, kinh-tế, chánh-trị, Quốc-tế, Ngoại-giao, Pháp-luật, Quân sự, Triết-học, Luân-lý, Luận-lý, Tâm-lý, Văn-học, Nghệ-thuật, Âm-nhạc, Địa-chất, Địa-lý, Vật-lý, Hóa-học, Thiên-văn, Sinh - lý v.v... v.v... có chua chữ HÁN và chữ PHÁP

Sẽ ra từng tập một, để ai cũng có thể mua đọc.

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Registre du Commerce de Hanoi N· 855

Directeur LÊ VĂN HÒE

16 bis, RUE TIEN TSIN – HANOI

QUỐC-HỌC THƯ'-XÃ

ĐANG IN SẮP XONG

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT - NAM

của TỬ - LÂM NGUYỄN - XUÂN - NGHỊ

Kiến-trúc-sư tòng-sự tại bộ CÔNG-TÁC HUẾ

Đã được Ông Nguyễn-văn-Tố trường Bác-Cổ, và các báo Annam Nouveau, Patrie Annamite, Trung-Bắc, Tràng-An, Việt-Báo... ngợi khen .

MỘT CUỐN SÁCH QUÍ

CÁC NHÀ KHẢO - CỨU
NGHỆ-THUẬT, VĂN-HỌC
NGÔN-NGỮ, PHONG-TỤC...
KHÔNG THỂ BỎ QUA

Imp. Thuy-ky- Hanoi

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường